## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **901** /PVCFC-IR V/v công bố Báo cáo thường niên 2017 bản tiếng Anh.

Cà Mau, ngày 14 tháng 06 năm 2018

#### CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHÚNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau

Mã chứng khoán: DCM

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0780) 3819 000

Fax: (0780) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Mỹ

Địa chỉ: Lô D, KCN Phường 1, đường Ngô Quyền, Phường 1, Tp. Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

☐ Bất thường (24h)

☐ Bất thường (72h)

☑ Định kỳ

☐ Yêu cầu

#### Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên 2017 bản tiếng Anh của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, muc Quan hê nhà đầu tư vào ngày 14/06/2018.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS -PVCFC(để b/c);
- TGĐ-PVCFC (để b/c);
- Luu: VT, IR.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT ỦY VIỆN HỘI ĐỒNG QUẨN TRI

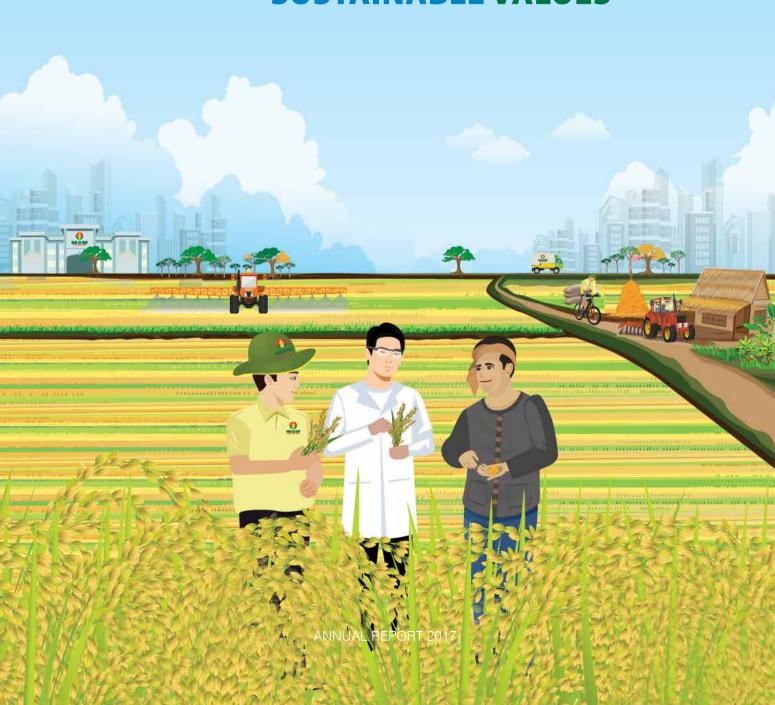
**CÔNG TY** 

CÔ PHÂN PHÂN BÓN DÂU K CÀ MAU

Trần Mỹ



# WHOLEHEARTED LOYALTY SUSTAINABLE VALUES



## **CONTENTS**

- 4 > Key performance indicators
- 6 Vision, mission, core values
- 8 > Message from the leadership

#### **ABBREVIATIONS**

| PVCFC | Petrovietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stoc<br>Company |
|-------|--|
| BOD   | > Board of Directors                                 |
| BOM   | > Board of Management                                |
| BOS   | > Board of Supervisors                               |
| IT    | > Information technology                             |
| HR    | > Human resources                                    |
| DOB   | > Date of birth                                      |
| JSC   | > Joint-Stock Company                                |
| HCMC  | > Ho Chi Minh City                                   |
|       |  |



- 12 > Introduction company profile
- 14 → Company history
- 16 Principal business activities
- 18 Production capacity
- 20 Business and distribution network
- 22 Typical products
- 24 Highlights 2017
- 26 > Typical awards
- Organizational chart & organizational structure
- 30 Board of Management
- 32 Board of directors & Chief accountant
- 36 Board of Supervisors
- 38 > Joint ventures and associates
- Orientation and development strategy



- 44 Organization and human resources
- 48 → Information of shareholders
- 50 Report and assessment of Board of Directors
- 64 Report of Board of Management
- 68 Report of Board of Supervisors



- 76 Structure and operation of BOD
- Transactions, remuneration, benefits of BOD, BOM and BOS
- 82 · Corporate governance at PVCFC
- 86 Risk management



- 90 > Sustainable development message
- 92 Reporting statement
- 94 > Participation of the stakeholders
- 96 Mechanism to receive opinions from stakeholders
- 102 > Ethnics and integrity
- Corporate governance model toward sustainable development
- 105 > Ensure independence of the third party
- 106 > Economic issues
- 108 > Environmental issues
- 118 > Reports relating to green capital market
- 120 > Social issues
- 132 > GRI check list





- 141 > Statement of the Board of Directors
- 143 > Independent auditors' report
- 145 Consolidated balance sheet
- 147 Consolidated income statement
- 148 > Consolidated cash flow statement
- Notes to the consolidated financial



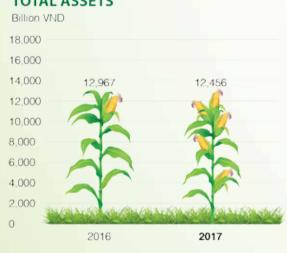


#### KEY FINANCIAL INDICATORS

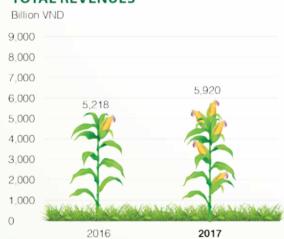
(According to the audited financial statements for the year ended 31st December 2017)

| Item                               | 2016   | 2017   |
|------------------------------------|--------|--------|
| Liquidity ratios                   |        |        |
| » Current ratio                    | 1.59   | 1.92   |
| » Quick ratio                      | 1.44   | 1.77   |
| Solvency ratios                    |        |        |
| » Total debt/Total assets          | 55%    | 51%    |
| » Total debt/Total equity          | 122%   | 102%   |
| Operational capacity ratios        |        |        |
| » Inventory turnover               | 9.39   | 11.73  |
| » Net revenue/Total assets         | 35.78% | 45.10% |
| Profitability ratios               |        |        |
| » Net profit after tax/Net revenue | 12.72% | 11.16% |
| » Profit before tax/Total revenue  | 12.63% | 11.48% |
| » ROE                              | 10.33% | 10.69% |
| » ROA                              | 4.55%  | 5.03%  |

#### TOTAL ASSETS

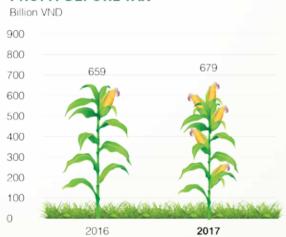


#### **TOTAL REVENUES**

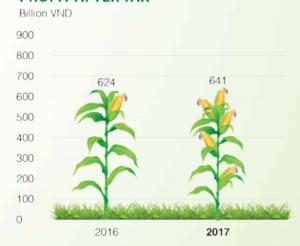


| (Unit: Billion VND)                         | December 31st<br>2016 | December 31st<br>2017 | Rate of increase<br>(decrease) |
|---|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|
| Total assets                                | 12,967                | 12,456                | -4%                            |
| Short-term assets                           | 4,034                 | 4,839                 | 20%                            |
| Long-term assets                            | 8,933                 | 7,617                 | -15%                           |
| Total equity                                | 12,967                | 12,456                | -4%                            |
| Account payables                            | 7,117                 | 6,303                 | -11%                           |
| Owner's equity                              | 5,850                 | 6,153                 | 5%                             |
| Charter capital                             | 5,294                 | 5,294                 | 0%                             |
| Total revenues                              | 5,218                 | 5,920                 | 13%                            |
| Total expenses                              | 4,594                 | 5,278                 | 15%                            |
| Interest                                    | 207                   | 183                   | -11%                           |
| EBIT  | 866                   | 862                   | 0%                             |
| Profit before tax                           | 659                   | 679.33                | 3%                             |
| Profit after tax                            | 624                   | 641.38                | 3%                             |
| » Profit after tax of minority shareholders | 4.51                  | 3.50                  | -22%                           |
| » Profit after tax of Parent Company        | 620                   | 637.88                | 3%                             |
| Obligation to the State budget              | 81.11                 | 86.18                 | 6.3%                           |
| Construction and equipment procurement      | 105.76                | 161.95                | 30%                            |

#### **PROFIT BEFORE TAX**



#### PROFIT AFTER TAX





To become the leading enterprise in Vietnam and Southeast Asia in manufacturing, trading fertilizers and chemicals serving agriculture, oil and gas industry.

## **VISION**

As a manufacturer and supplier of fertilizers based on petrochemical industry to serve agriculture, PVCFC offers nutritional solutions for plants and contributes to changing agriculture towards sustainable development and environmentally friendly practices, which in turn ensures benefits for owners, customers, employees and enterprises.

Develop manufacturing business sustainably, invest effectively and selectively.

**E**nsure credibility with customers, being a reliable friend for farmers.

Maintain creative, professional working environment and meet the employee's living needs.

Be proactive in corporate social responsibility (CSR) activities and creating a strong bond with farmers.

Dedicated Friendly

Professional Creative

Responsible Harmonious





**CORE VALUES** 





??

From promoting internal intelligence and cooperating with both strategic international and local partners, Ca Mau Fertilizer has been opening cooperation opportunities for manufacturing and trading organic products in line with sustainable agriculture trend in Vietnam and in the world.



ONGOING EFFORTS FOR



#### DEAR HONORABLE SHAREHOLDERS AND INVESTORS.

he year 2018 has come, closing an unsteady year for PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company (PVCFC). Regardless of countless difficulties and challenges, we are honored and delighted to earn the trust and companion of valuable shareholders and investors during the whole time.

2017 was a challenging year of fertilizer industry in general and PVCFC in particular. Besides counterfeit and poorquality goods which continued to manipulate the market and caused losses to consumers, the fierce competition from imported fertilizers also brought many difficulties to local manufacturers. As a result, the Ministry of Industry and Trade (MOIT) has approved to apply trade defence on domestic DAP products. Besides, the Decree 108 on fertilizer management in which the Ministry of Agriculture and Rural Development (MARD) are entrusted to control fertilizer market; has brought in initial positive results.

For PVCFC, leveraging the foundation from early years as well as great efforts of BOD and all employees has brought in a successful year 2017 in all respects. In term of production, Ca Mau Fertilizer Plant has been operating safely and stably, rising productivity up to 108%, and thereby increasing output volume up to 850,000 tons, reaching target 2 months ahead of schedule, the highest achievement from the start. In term of business, thanks to the strong distribution network and the persistency in building brand name, the Company has sold 940,000 tons fertilizer of all kinds, contributing to the sale volume of 10% higher than that of previous year. For the first time, Ca Mau Fertilizer products with more than 7 kinds of inorganic fertilizer, organic and bio-minerals have been launched in the market and received positive acceptance from consumers.

We are satisfied with those achievements in tough time and even more proud when Ca Mau Fertilizer brand continues to be trusted by customers and shareholders. The Company affirms its effectiveness and position of a national key project, meeting the expectation of Government when timely solving the fertilizer demand for Vietnam's rice bowl in the southern

delta, contributing to the stabilization of national food security and sustainable agricultural development in Vietnam.

2017 was also a memorable year when the journey named "Nurturer" continued with a new appearance. "Nurturing green sprouts to bring sweet fruits for life" - the mission goes beyond the meaning of providing optimal nutrition solutions for plants and becomes a strategic orientation with deep humanistic meaning in all activities of the Company. CSR programs have been widely implemented in the fields of education, health, agriculture extensions, bridges construction, scholarship, start-up, etc. and have outreached the sharing arms across the country.

The spirit of "Nurturer" is also reflected in the Company's culture. A superb team is made from excellent individuals. The Company pays special attention to caring, training, and building working environment, professional development, skills and team spirit for both leaders and staff. From promoting internal intelligence and cooperating with both strategic international and local partners, Ca Mau Fertilizer has been opening cooperation opportunities for manufacturing and trading organic products in line with sustainable agriculture trend in Vietnam and in the world.

2018 is a very important year and transitional year for PVCFC. The Company has to focus on solving the difficulties to complete the annual plan, on the other hand, continuing to complete the corporate governance standards and preparing for implementing strategic solutions of a new period after 2018, including taking opportunities from the Industry 4.0. Difficulties and challenges are inevitable on the way conquering new goals. However, we believe that, with the trust and support from valuable Shareholders and Investors, PVCFC will keep determination, turning challenges into opportunities, continuing to successfully completed business plan in 2018 and to be ready for a new journey.

We highly appreciate your support and companion!

**BUI MINH TIEN** 

General Director

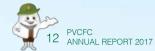
**NGUYEN DUC THANH** 

Chairman

GENERAL INTRODUCTION

# INTERNAL STRENGTHS PATHWAY TO FUTURE





#### **COMPANY PROFILE**



## **CHARTER CAPITAL**

BILLION VND

#### PETROVIETNAM CA MAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY (PVCFC)

Stock code: DCA

Vietnamese name: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

English name: PETROVIETNAM CA MAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

Abbreviation: PVCFC

Charter capital: VND5,294,000,000,000

usiness registration certificate No.: 2001012298

#### Headquarters

ot D. Ward 1 Industrial Park. Ngo Ouven Street. Ward 1. Ca Mau City. Ca Mau Province

Tel· (84 - 290) 3.819.000

Fax: (84 - 290) 3 590 50

#### **Ho Chi Minh City Office**

18th Floor, Petroland Tower, No.12, Tan Trao Street, Tan Phu Ward, District 7, Ho Chi Minh City

Tel: (84 - 28) 54.170.555

Fax · (84 - 28) 54 170 550

Website: www.pvcfc.com.vn

#### **COMPANY HISTORY**

2008 .2011 .2012 .2013 2014 2015 .2016 2017 CA MAU FERTILIZER PLANT REACHED THE OUTPUT OF PVCFC's 5TH ANNIVERSARY ESTABLISHED RESEARCH AND PETROVIETNAM CA MAU FIRST PRODUCT UNDER THE **SUCCESSFUL IPO - OUTSTANDING** PETROVIETNAM CA MAU FERTILIZER COMPANY LIMITED BRAND "DAM CA MAU - FOR 1,000,000 TONS IPO IN 2014 FERTILIZER JOINT STOCK DEVELOPMENT CENTER Commenced Ca Mau Fertilizer GOLDEN HARVESTS" COMPANY On March 9th 2016, PVCFC Plant with over USD900 On March 9<sup>th</sup> 2011, On July 26<sup>th</sup> 2013, PVCFC On May 15th 2014, PVCFC was organized the 5<sup>th</sup> anniversary Established research and million of initial investment PetroVietnam Ca Mau Fertilizer On January 30th 2012, PVCFC reached the output of awarded "Typical Agricultural On January 15th 2015, PVCFC ceremony and honorably development center in July 1,000,000 tons after over 15 Products of 2013" from capital and design capacity of Company Limited (under launched its first commercial was officially transformed received Second-class Labor 2017. 800,000 tons/year. product under the brand months of operation. Vietnam Farmer's Union. into a Joint Stock Company Medal from the President. Vietnam Oil and Gas Group) was established to manage "Dam Ca Mau - For Golden and listed in Ho Chi Minh Product N46.Plus was and operate Ca Mau Fertilizer Harvests" in the market. On September 2<sup>nd</sup> 2013, On December 11th 2014, City Stock Exchange (HOSE) On October 6<sup>th</sup> 2016, capacity honored Top 10 "Pride of PVCFC successfully made the Plant, with nearly VND3,200 PVCFC was proudly awarded under code DCM with charter of Ca Mau Fertilizer Plant was Vietnamese intellectual 2017" On November 26th 2012, "Top 100 Vietnam Gold IPO with total share value capital of VND5,294 billion. billion of charter capital and successfully increased up to products. nearly 800 employees. PVCFC achieved the output Star" from Vietnam Young of VND1,580 billion and of 500,000 tons after nearly Entrepreneurs' Association. selling of 128,951,300 shares. On November 26<sup>th</sup> 2015, Deployed complex fertilizer 10 months of operation. The event was voted as an PVCFC launched new product On December 16th 2016, plant project in October 2017. outstanding IPO in 2014. - N.Humate+TE - high-class PVCFC launched new fertilizer with superior features. product N46.Plus. On December 23<sup>rd</sup> 2014, On December 23<sup>rd</sup> 2015, PVCFC was officially awarded as a National Brand. PVCFC reached the output of 3 million tons after 04 years of operation.



#### PRINCIPAL BUSINESS ACTIVITIES





#### PRODUCTION CAPACITY



Vietnam National Oil & Gas Group's leaders paid a visit to central control room of Ca Mau Fertilizer Plant.



Ongoing efforts to improve production capacity helps "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" serve the needs of millions of farmers across the country.





THE OUTPUT TARGET OF 851,080

TONS OF UREA

uring the operation, Ca Mau Fertilizer has made effort to complete and exceed the production targets, maintaining continuous, safe and stable operation, timely consuming products and sufficiently meeting the demand of the market. In 2017, Ca Mau Fertilizer achieved great success thanks to outstanding production capabilities.

With designed capacity of 800,000 tons of Urea per year, Ca Mau Fertilizer Plant has applied advanced technologies such as Ammonia production of Haldor Topsoe SA - Denmark, Urea production of SAIPEM (Snamprogetti) - Italy and TOYO granulation technology - Japan. Thanks to - equipment and operation's increasing improvements, after overall maintenance in

August 2016, the Plant has exceeded designed capacity at 110% at Ammonia workshop. The Plant has operated continuously and stably and received the Operational Excellence Certificate from Haldor Topsoe SA with more than 300 consecutive days of operation. In 2017, the output peaked at 851.08 thousand tons of Urea, since the Plant was put into operation.





Skillful engineer team always operates plans with optimal capacity.

At present, Ca Mau Fertilizer is deploying the project of high-end NPK complex fertilizer production with 300,000 tons per year capacity, contributing to revenue and profit increase as well as exporting opportunity. In early March 2017, Front-End Engineering Design (FEED) of the project was completed. The project was officially commenced in the 2<sup>nd</sup> guarter of 2017 and will be put into operation in the 2<sup>nd</sup> guarter of 2019. This is considered as potential project which could create Ca Mau Fertilizer a breakthrough whereas local NPK demand is very high, at around 4 million tons.

The material importing terminal project with of 500,000 tons/year capacity is also strongly implemented and expected to commence operation at the same time as NPK project. The exporting port is invested simultaneously with high capacity flexible under all weather conditions. While capacity of other fertilizer plants reached 2,500 tons/day, the exporting port of Ca Mau Fertilizer can reach maximum capacity at 5,000 tons/day. This has timely met high-demand periods. Waterway transportation using barges is convenient to approach many regions and contribute to significantly decreasing transportation cost, increasing competitiveness of the Company.

In addition, thanks to the improvement in technology, the Company has developed Urea based product lines such as N46.Plus, N46. Nano C+, etc. Ongoing efforts to improve production capacity helps "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" serve the needs of millions of farmers across the country.





The Company's consumption market in 2017 concentrated on Mekong Delta, South East and Cambodia. Main products were Ca Mau Urea and other fertilizer products. In regard of Urea, the consumption proportion in these three target markets was 87% (a slight increase of 1% from 2016) of total Urea output produced by Ca Mau Fertilizer Plant; other markets accounted for 13%.

## BUSINESS AND DISTRIBUTION NETWORK



#### CONSUMPTION MARKET

The Company's consumption market in 2017 concentrated on Mekong Delta, South East and Cambodia. Main products were Ca Mau Urea and other fertilizer products. In regard of Urea, the consumption proportion in these three target markets was 87% (a slight increase of 1% from 2016) of total Urea output produced by Ca Mau Fertilizer Plant; other markets accounted for 13%. In addition, in 2017, the Company increased consumption rate of other fertilizer products by two times higher than those in 2016. New product lines increased sharply from 2016 and contributed to the Company's results. Continuing those results, in 2018, the Company continues to focus on promoting more consumption of fertilizer products and strives to fulfill the planed targets.



#### **DISTRIBUTION CHANNELS**

The importance in the Company's distribution channel in 2017 was diversification of product categories, improving quality and supplying products more than ever. In addition, business owners, tier 1 and tier 2 agencies continued to be rejuvenated on the basis of experience and long-term business with new knowledge and management skills together with strong technology application have been creating a renovation in quality of distribution network toward the professional manner and continuing to improve the competitiveness in the market compared to the Company's competitors.



#### LOGISTICS

In 2017, the Company focused on renovation of business strategy, brand development and improvement of logistics system by upgrading warehouse system, including searching and expanding new transit warehouses at the strategic areas to enhance customer satisfaction; maintaining inventory and input materials; improving delivery capacity at Plant and warehouse system to reduce the delivery time of customers; continuing negotiations with logistics providers to reduce costs, contributing to minimizing logistic costs but still making positive contribution to Company's sale efficiency. Development orientation in 2018 is to further innovate logistic development plan which is closely associated with the Company's development strategy in the coming years.



#### **TYPICAL PRODUCTS**

After 06 years of operation, in 2017, Ca Mau Fertilizer officially provided the fertilizer products with outstanding features, contributing to the development of Vietnam's green and sustainable agriculture. Nutrient products under brand name "Dam Ca Mau - For Golden Harvests". consisting of Urea, N.Humate+TE, N46. Plus, NPK Ca Mau, DAP Ca Mau, Potash Ca Mau, etc., have many nutrient features good for the plants and have become the first choice of the farmers in each crop.

"Long-lasting green, more savings"



- » Save 10% of fertilizer compared to normal Urea.
- » Slow decomposition, helping balance nutrients for better absorbance.
- » Easily to mix with other fertilizers, easily to distribute and low Biurét.
- » Suitable to all kinds of soil and plant.

#### N46. Plus

"Double savings - Superior productivity"



#### Advantages

- » Save maximally 30% of Urea, increasing productivity.
- » Long-lasting green and better insect resistance.
- » Add 2 bio-enhancers i.e. NBPT and DCD to increase effectiveness.
- » Easily to be mixed with other fertilizers, environmental friendly.

#### N.HUMATE + TE

"Strong root, porous soil, healthy and



#### Advantages

- » Save fertilizer, increase productivity and quality of agricultural products.
- » Stimulate root system to grow quickly and strongly to increase nutrient absorption, helping plants grow healthily, flowering and giving more fruit.
- » Stimulate useful microorganisms and make soil more fertile.

#### N46. Nano C+



#### Advantages

- » Increase productivity, save 25% of fertilizer.
- » Stimulate insect resistance of the plants.
- Acid, salty, and organophosphate poisoning resistance system.
- » Good antibacterial, environmentally friendly.
- » Increase micronutrients, improve soil.

#### **NPK Ca Mau**



#### Advantages

- » Advantages.
- » Stimulate the plants to grow healthily and reduce
- » Increase productivity, quality of agricultural products and profit.
- » Make soil more fertile.

#### **DAP Ca Mau**



#### Advantages

- » Strengthen roof growth.
- » Long-lasting green plants, deliver high productivity.
- » Use as basal fertilizer and top dressing.
- » Stimulate organics and micronutrients decomposition in the soil.

#### Potash Ca Mau



#### Advantages

- » Help the plants healthier and good anti-falling.
- » Increase productivity and quality of agricultural products.
- » Suitable to all kinds of soil and plant.

#### **HIGHLIGHTS 2017**



HIT THE RECORD WITH 355

DAYS AND NIGHTS OF CONTINUOUS OPERATION AT NH<sub>3</sub> WORKSHOP,

helping Ca Mau Fertilizer obtain the Operational Excellence Certificate from Haldor Topsoe A/S (Denmark) REACHED THE OUTPUT TARGET OF 851,080 TONS OF UREA IN 53 DAYS AHEAD OF SCHEDULE



LAUNCHED

#### **NEW BRAND IDENTITY**

AND FULL NUTRITIONAL PRODUCT RANGES FOR PLANTS INTO THE MARKET, OFFERING MORE CULTIVATION OPTIONS FOR FARMERS



864,500

TONS
OF PRODUCTS
CONSUMED





## OFFICIALLY ESTABLISHED RESEARCH AND DEVELOPMENT CENTER

to concretize the diversifying strategy of high-quality products

N46.PLUS 1 0

"Pride of Vietnamese

intellectual 2017" products

NPK CA MAU FIRST LAUNCHING

INTO THE MARKET



#### BEST CORPORATE GOVERNANCE SYSTEM IN 2017 UNDER VIETNAM NATIONAL

OIL AND GAS GROUP



Applied technology in corporate governance, using DMS software to manage distribution network



The second year implementing "Rebuilding corporate culture" project.





#### **TYPICAL AWARDS**





TOP **500** 



#### LARGEST VIETNAMESE ENTERPRISES (VNR500) CO-ORGANIZED

BY THE VIETNAM REPORT JOINT STOCK COMPANY (VIETNAM REPORT) AND VIETNAMNET NEWSPAPER

## VIETNAMESE HIGH-QUALITY GOODS AWARD



2017

#### **VOTED BY CONSUMERS**

"Top 15 Best Annual Report "Award.



"Enterprise with excellent achievements in child protection and care", by the Ministry of Labor, War Invalids and Social Affairs.

"Top 10 excellent Vietnamese brand products" organized by the Ministry of Industry and Trade.



#### **ORGANIZATIONAL CHART & STRUCTURE**

#### CORPORATE GOVERNANCE MODEL

The Company applies the corporate governance model as prescribed in Point a, Account 1, Article 134 in the Law of Enterprise No.68/2014/QH13 dated November 26th 2014 by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, consisting of GMS, BOD, BOS and General Director. The Company does not establish subcommittees under BOD.

#### ORGANIZATIONAL STRUCTURE

- » Board of Management: 05 members, including 01 Chairman, 01 member cum General Director, 02 executive members and 01 independent member.
- » Board of Management: In 2017, PVCFC approved the Decision No.925/QĐ-PVCFC dated May 24th 2017 on receiving and appointing Mr. Nguyen Tuan Anh as Deputy General Director of the Company, increasing the number of BOM members to 06 people, consisting of 01 General Director and 05 Deputy General Directors.
- » Board of Supervisors: 03 members, including 01 Chief of the Board and 02 Supervisors.

- » Chief Accountant: 01 member.
- » Assistance Team: Includes 13 professional divisions/departments to assist Board of Directors and Board of Management.
- » Affiliates: 02 affiliates are Branch of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company -Professional Project Management Unit and Branch of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company - Research & Development Center.
- » Subsidiaries: 01 subsidiary is PetroVietnam Packaging Joint Stock Company, in which PVCFC holds 51.03% of charter capital.







#### Mr. **NGUYEN DUC THANH**

Chairman YOB: 1958

#### **Oualification**

- » Master Degree in Science and Technology.
- » Bachelor Degree in Engineering.
- » Bachelor Degree in Industrial Management.

#### Working experience

Mr. Nguyen Duc Thanh has many years of experience in his management position at the entities in the field of oil and gas, to be specific, Deputy Director of Gas Company - now is PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (PVGAS): Deputy Project Manager of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP; Chairman cum Director of PetroVietnam Power Project Consultancy Company No.2; and Deputy General Director of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation. In 2011, he was appointed as Chairman of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Company Limited (PVCFC) and continued holding this position when the Company was transformed to Joint Stock Company from January 15<sup>th</sup> 2015.

#### Mr. BUI MINH TIEN

BOD member cum General Director YOB: 1969

#### **Qualification**

- » Master Degree in Business Administration.
- » Bachelor Degree in Industrial Management.
- » Bachelor of Science in Physics.

#### **Working experience**

Mr. Bui Minh Tien has many years of experience in business and management at key entities in oil and gas industry and holds important positions, including Deputy General Director of PVGAS and Chairman of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation, respectively. In 2013, Mr. Bui Minh Tien joined PVCFC and held the position of Director cum member of Board of Members. When the Company was transformed into joint stock company from January 15<sup>th</sup> 2015, he was appointed as BOD member cum General Director.

#### Mr. TRAN MY

BOD member YOR: 1962

#### Qualification

» Engineer Degree in Industrial Economics.

#### **Working experience**

Mr. Tran My started his work at Gia Lai - Kon Tum Industry and Trade Department in 1985 and then was appointed as Chief Accountant cum Head of Economic -Finance Department at Project Management Unit of Huong Dien Hydropower Plant. From 2006, Mr. Tran My worked at Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. In 2012, he joined PVCFC and respectively undertook the positions of Chief of Planning - Strategy Division and Chief of Planning -Investment Division. From January 2015, he was appointed as BOD member of PVCFC.

#### Mr. TRAN CHI NGUYEN

BOD member YOB: 1975

#### **Qualification**

- » Master Degree in Business Administration.
- » Bachelor Degree in Accounting.
- » Bachelor Degree in Laws.

#### Working experience

Before 2008, Mr. Tran Chi Nguyen worked at Accounting Department of Ca Mau Post Office. From 2008 to 2011, he worked for Finance - Accounting Department of Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP under the positions of Specialist and Vice Chief, respectively. In 2012, he held the position of main supervisor at PVCFC. From January 2015, he was appointed as BOD member of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company and concurrently held the position of Chairman of this company from April 2016.

#### Ms. TRAN THI BINH

BOD Independent member YOB: 1958

#### Qualification

» Graduated from Moscow Petrochemical University (Russia) majored in Chemical Engineering in Oil and Gas Process.

#### Working experience

After excellently graduated from Faculty of Petrochemical Refinery in Moscow, Ms. Tran Thi Binh started working at Oil and Gas Information Center in 1982. After 12 years of experience in the field of Petrochemical Refinery, she joined Vietnam Oil and Gas Group (PVN) and undertook important roles. In 2006, Ms. Tran Thi Binh was appointed as Deputy General Director of PVN. In March 2015, General Shareholders' Meeting of PVCFC consented to elect her independent member of BOD.



## BOARD OF MANAGEMENT & CHIEF ACCOUNTANT



#### Mr. **BUI MINH TIEN**

BOD member cum General Director YOB: 1969

#### Mr. **HOANG TRONG DUNG**

Deputy General Director YOB: 1973

#### Mr. **NGUYEN DUC HANH**

Deputy General Director YOB: 1972

#### Mr. **VAN TIEN THANH**

Deputy General Director YOB: 1968

#### Mr. **NGUYEN TUAN ANH**

Deputy General Director YOB: 1976

#### Mr. **LE NGOC MINH TRI**

Deputy General Director YOB: 1970

#### Mr. **DINH NHU CUONG**

Chief Accountant YOB: 1977



#### **BOARD OF MANAGEMENT & CHIEF ACCOUNTANT (CONTINUED)**



Mr. **BUI MINH TIEN**BOD member cum
General Director
VOR: 1060

#### Qualification

- » Master Degree in Business Administration.
- » Bachelor Degree in Industrial Management.
- » Bachelor of Science in Physics.

#### Working experience

Mr. Bui Minh Tien has many years of experience in business and management at key entities in oil and gas industry and holds important positions, including Deputy General Director of PVGAS and Chairman of PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation, respectively. In 2013, Mr. Bui Minh Tien joined PVCFC and held the position of Director cum member of Board Member. When the Company was transformed into Joint Stock Company from January 15<sup>th</sup> 2015, he was appointed as BOD member cum General Director.

#### **Oualification**

- » Master Degree in Economics.
- » Engineer Degree in Chemical Engineering.

#### Working experience

From 1997 to 2008, Mr. Hoang Trong Dung worked in the field of oil and gas processing technology at Phu My Gas Processing and Trading Company, Project Management Unit of Phu My Fertilizer Plant, and Oil and Gas Processing Division under Vietnam Oil and Gas Group. From 2008 to 2011, he held the position of Deputy Project Manager of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. When PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Company Limited was established in March 2011, Mr. Hoang Trong Dung was appointed as Deputy Director cum Deputy Project Manager of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. From January 2015, he held the position of Deputy General Director of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company.



Mr. **HOANG TRONG DUNG**Deputy General Director

## Qualification » Engineer [

» Engineer Degree in Energy Economics and Engineering.

#### Working experience

Mr. Nguyen Duc Hanh has many years of experience in business, consultancy, management and investment planning. He held the position of Head of Economic - Planning Department under Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. From 2012, he was appointed as Deputy Director of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Company Limited. From June 2014 to January 2015, he undertook the position of member of Board of Members (concurrently). From December 2012 to April 2016, he concurrently held the position of Chairman of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company. On January 15<sup>th</sup> 2015, he held the position of Deputy General Director.



Mr. **VAN TIEN THANH**Deputy General Director
YOB: 1968

#### Qualification

**Oualification** 

Working experience

» Master in Commercial Management; Bachelor in Accounting; Bachelor in Business Administration.

Mr. Van Tien Thanh has many years of experience in the field of technique and technology with different roles. From 2005, he joined in oil and gas industry and undertook the positions such as Deputy Head of Project Department of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP and Deputy

Head of Preparation Division of Morocco Project under PetroVietnam Fertilizer and Chemicals

Corporation. From 2011, he held the position of Deputy Project Manager of Ca Mau Gas -

Power - Fertilizer IP cum Deputy Director of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Company Limited.

In January 2015, he was appointed as Deputy General Director of PVCFC.

» Engineer Degree in Agro-Forestry Mechanical Engineering.



Mr. Nguyen Tuan Anh has many years of experience in oil and gas industry and in other field such as construction investment consulting, oil and gas insurance, and liquefied petroleum gas business. In 2008, he was appointed as Director of Northern Petroleum Fertilizer and Chemicals Co., Ltd. From October 2009 to April 2014, he was appointed as Head of Foreign Cooperation Project Board, Head of Construction Investment Board, and Head of Fertilizer Business Board under PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation. Mr. Nguyen Tuan Anh then held the position of Deputy General Director of PetroVietnam Petrochemical and Textile Fiber JSC. In May 2017, he was appointed as Deputy General Director of PVCFC.



Mr. **NGUYEN TUAN ANH**Deputy General Director
YOR: 1976

## Qualification » Bachelor D

» Bachelor Degree in Accounting.

#### Working experience

Mr. Le Ngoc Minh Tri has many years of experience in accounting and auditing at the entities in oil and gas industry, to be specific, Accountant at PetroVietnam Tourism Corporation and then Chief Accountant for Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. In 2011, he was concurrently appointed as Chief Accountant for PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Company Limited, apart from his position as Chief Accountant for Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP. In June 2015, he was appointed as Deputy General Director of PVCFC.



Mr. **LE NGOC MINH TRI**Deputy General Director
YOB: 1970

#### Qualification

» Master Degree in Financial Banking.

#### Working experience

Mr. Dinh Nhu Cuong has many years of experience in accounting. He respectively held the positions of General Accountant in Finance, Planning and Investment Department of Ca Mau City and was in charge of Budget Accounting Department of Ca Mau City from 1998 to March 2007. In April 2007, Mr. Dinh Nhu Cuong started working in the field oil and gas and respectively undertook many positions, including Accountant for Project Management Unit of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer IP; Specialist, Manager of Accounting Department; and Vice Chief of Finance - Accounting Division. In February 2016, he was appointed as Chief Accountant cum Chief of Finance - Accounting Division of PVCFC.





Mr. **DINH NHU CUONG**Chief Accountant
YOB: 1977

Mr. NGUYEN DUC HANH



#### **BOARD OF SUPERVISORS**



#### Ms. PHAN THI CAM HUONG

Chief of the Board YOB: 1977

#### **Qualification**

» Bachelor Degree in State Finance.

#### Working experience

Ms. Phan Thi Cam Huong has 12 years of experience with the positions of Accountant and then Chief Accountant of Thien Thanh Manufacturing and Trading Co., Ltd., and Chief Accountant of Tan Thanh Phu My Vietnam Co., Ltd., respectively. From 2011 to 2015, she worked for PVCFC and respectively undertook the positions of Accountant and Deputy Head of Finance Division. From January 2015, she was elected as the Chief of Board of Supervisors.

#### Mr. **DO MINH DUONG**

Member YOB: 1979

#### Qualification

» Bachelor Degree in General Accounting.

#### Working experience

From 2002, Mr. Do Minh Duong held the position of Deputy Manager of Food Technology Store under Ca Mau Trading Joint Stock Company. From February 2008, he worked for Project Management Unit of Ca Mau Gas -Power - Fertilizer IP. From October 2012, he joined PVCFC and undertook the positions of Specialist of Finance -Accounting Division, Specialist and then Team Leader of Internal Control Division. In April 2016, he was elected as member of Board of Supervisors by General Shareholders' Meeting of PVCFC from April 21st 2016.

#### Mr. **NGUYEN THANH HAO**

Member (concurrently) YOB: 1979

#### **Qualification**

- » Master Degree in Business Administration.
- » Bachelor Degree in General Accounting.

#### Working experience

From 2001 to 2008, Mr. Nguyen Thanh Hao worked in the field of banking under the positions of Credit Officer and then Credit Manager. From 2008 to 2014, he held the positions of Deputy Director and then Director of PetroVietnam Finance Corporation - Can Tho Branch (now is PVCombank). From June 2014 to August 2016, he served as Director of Can Tho Branch and in charge of Southwest of PVCombank. From March 2016 to now, Mr. Nguyen Thanh Hao was concurrently Deputy Director of Large Enterprise Customer Division, Director of Business Center in the South, Business Director of Large Enterprise Customer Division in HCMC of PVCombank. From July 2017 to now, he is General Director of PVCombank Asset Exploitation & Debt Management -(PVCombank AMC). He became the member of Board of Supervisors of PVCFC from January 2015.



#### **JOINT VENTURES AND ASSOCIATES**



#### PETROVIETNAM PACKAGING JOINT STOCK COMPANY - PPC

- » Established on June 11<sup>th</sup> 2010.
- » Charter capital: VND40,812,490,000.
- » Main business operations: Producing Plastic products, mainly producing and trading PP and PE packages, produce fertilizers and Nitrogen compounds.
- » Address: Lot A1-3, Tra Kha IP, Ward 8, Bac Lieu City, Bac Lieu Province.
- » Tel: 02913 957 555
- » Fax: 02913 957 666
- » Email: sale@pbp.vn
- » Website: www.pbp.vn
- » Number of shares held by PVCFC: 2,082,625 shares valued at VND20,826,250,000
- » Percentage of charter capital held by PVCFC: 51.03%.



#### BUSINESS PERFORMANCE OVER THE YEARS

#### Unit: Million VND

| Year             | 2014       | 2015       | 2016       | 2017       |
|------------------|------------|------------|------------|------------|
| Revenue          | 157,007.57 | 144,476.51 | 153,420.36 | 186,943.95 |
| Profit after tax | 10,240.33  | 8,947.25   | 9,206.42   | 7,142.37   |

Given many difficulties in putting the fertilizer production & trading into operation, the Company gained certain results in 2017 thanks to the efforts of the entire staff.

2018's orientation: continue to focus on packaging sector development, the Company's core values, gradually approaching and developing fertilizer business.





# long-lasting Greens more Savings



## ORIENTATION AND DEVELOPMENT STRATEGY BY 2025

## ORGANIZATION AND MANAGEMENT OBJECTIVES

- » Build a lean and professional organizational model adapting quickly to market change; form Strategic Business Units (SBU) at the appropriate time to take the initiative and enhance performance of each unit.
- » Apply governance model meeting international standards to improve labor productivity and business efficiency, ensuring equitable benefits for all shareholders, improving business transparency and Company's reputation in the eyes of partners in the process of international integration.
- » Successfully building PVCFC's corporate culture with solid foundation, diversified and differentiated identity based on fine-tuning and promoting core values of "Caring - Friendly, Professional - Creative, Responsible - Harmonious".



With an objective to make "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" the leading brand in the field of manufacturing and trading fertilizers in Vietnam and Southeast Asia by 2025, the leaders have set out the strategic direction of sustainable development for each stage, from short to long term to increase the value chain in production and business activities with many specific targets.

#### 99

#### PRODUCTION DEVELOPMENT OBJECTIVES

- » Operate Ca Mau Fertilizer Plant and Ca Mau NPK Plant in safe, stable and effective manners, ensuring top market product quality.
- » Apply modern production management models, improve and optimize operations continuously to enhance production efficiency.
- » Diversify Urea based fertilizer products, synthetic fertilizers, organic fertilizers and microorganism fertilizers toward soil improvement, nutrition enhancement for plants and environmental impact limitation.
- » Research and apply efficiency improvement & » production materials saving solutions.
- » Develop training services of trial, operation, maintenance and quality control for other similar plants.



#### STRATEGIC BUSINESS OBJECTIVES

- » Dominate and maintain key domestic markets, build effective distribution channels nationwide for Ca Mau Fertilizer based on modern IT application integrated with e-commerce system.
- » Expand export market to neighboring countries and regions, provide a variety of fertilizers based on Urea and NPK
- » Take the initiative in production, trading and importexport of fertilizers and chemicals to ensure average revenue growth of at least 10% per year.
- » Develop "Dam Ca Mau For Golden Harvests" brand with entire products ranges in leading groups at local market and other countries in the region.
- » Develop business toward taking part in closed-loop value chains, from "seed - fertilizer - processing - distributing" in order to enhance brand credibility and maximize the benefits for Vietnamese agricultural products.

#### STRATEGIC FINANCE OBJECTIVES

- » Restructure capital toward decreasing ownership percentages of Vietnam Oil & Gas Group to attract new capital and motivate the growth.
- Develop a financial management system which is innovative, modern and efficient; Preserve and efficient in capital raising.
- » Improve management's capacity and information technology applications in financial risk management; ensure safe and stable using finance indicators.

## STRATEGIC HUMAN RESOURCES OBJECTIVES

- » Develop highly qualified human resources for production and trading; capable of reaching toward international market in the field of fertilizers and chemicals.
- » Build leadership capabilities toward multi-professional governance, conjunction together, resilience under high competitive pressure, and having high capability in management and team development.
- » Continue to build and reform corporate culture, enhance credibility and image of the Company, remuneration policy to encourage high-quality employees and get their long-term commitment with the Company.

## STRATEGIC INVESTMENT & COOPERATION

- » Develop production projects toward diversifying Urea based fertilizers Urea and NPK, microbiological and organic fertilizers following market trend.
- » Make selective investment in logistics to enhance capability and efficiency of distribution system, meeting transportation and delivery schedule of customers.
- » Take part in investment, capital contribution and joint venture selectively into agricultural value chains to create added values and enhance business efficiency.
- » Make selective investment into chemicals/ petrochemicals in term of promoting technology of Ca Mau Fertilizer Plant when favorable conditions come

#### STRATEGIC RESEARCH AND DEVELOPMENT (R&D) OBJECTIVES

- » Invest in research and cooperation with leading international and local institutes, universities scientists to provide high-quality product lines that meet market needs and that are also environmentally friendly to contribute to Vietnam's sustainable agricultural development;
- » Build nutritional solutions for plants meeting market demand on productivity and quality improvement on the basis of applying modern technologies and catching the trend of Industry 4.0.

#### STRATEGIC CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR) OBJECTIVES

- » Develop a caring and friendly brand image further with the community, especially with farmers;
- » Perform well in terms of CSR activities, and bring in benefits for farmers in line with business activities;
- Continue to fulfill social. Aim to be among the leading enterprises in environmental protection, social welfare and community development.



Mr. **Nguyen Quoc Toan**Deputy General Director
of Ernst & Young Vietnam

"With the point of view of an independent consultant, when working and collaborating with Ca Mau Fertilizer in building development strategy for the upcoming period, I realize that the Company's governance activities show both positive points and the points needed to improve to achieve better performance.

In regard of strategic steps in the forthcoming development roadmap, I affirm that Ca Mau Fertilizer is heading in right direction on the way to develop and become a big group in agricultural sector. With the strict investment into development strategy toward product diversification in the context that nitrogen fertilizer - the Company's key product is reaching market saturation and the determination (the Company has commenced the NPK Plant project and is working with some organic fertilizer partners), I believe that Ca Mau Fertilizer will gain outstanding development if continuing to maintain and promote the spirit of renovation and positive action as they are doing".





## ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCES

ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCES STRUCTURE



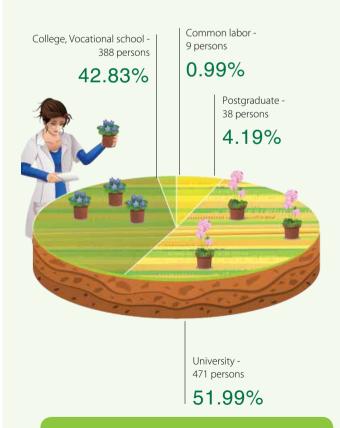
TOTAL OF EMPLOYEES

906

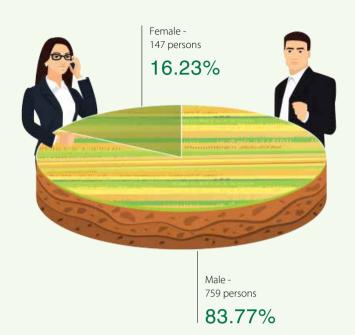
**PERSONS** 



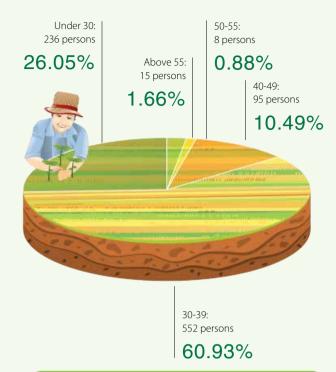
LABOR STRUCTURE BY TERM
OF LABOR CONTRACT



LABOR STRUCTURE BY QUALIFICATION



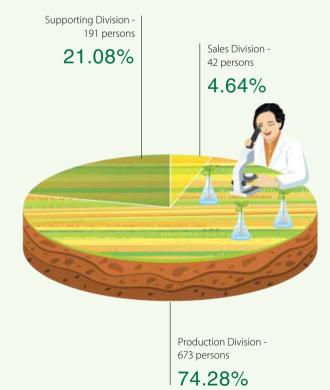
LABOR STRUCTURE BY GENDER



LABOR STRUCTURE BY AGE



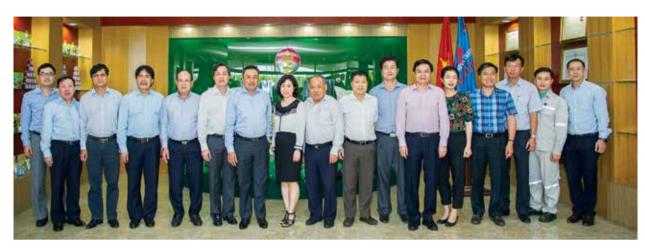
LABOR STRUCTURE
BY MANAGEMENT LEVEL



LABOR STRUCTURE
BY FUNCTIONAL DIVISION



#### ORGANIZATION AND HUMAN RESOURCES (CONTINUED)



PVN's leadership, represented by Chairman Tran Sy Thanh, paid a visit and work at Ca Mau Fertilizer Plant

#### PERSONNEL OPERATION

In 2017, the personnel arrangement such as receiving, assigning, rotating, appointing, reappointing, etc. as well as personnel planning, assessments and classification at PVCFC were implemented under the regulations and process, based on the actual demands. The appointed staff have promoted well their responsibilities in new roles, contributing to the development of the Company.

In addition to good personnel policy and collective bargaining agreement, PVCFC has strengthened management training and frequently updated specialty/professional knowledge to all employees. The training programs have made great contributions to the enhancement of work efficiency, operation - maintenance skills and solidarity of the human resources, meeting the Company's increasing demand on production and business.

In 2017, the Company had 36 new employees to be distributed to the boards, units and branches and there were 18 employees resigned, which were classified by age, area and gender as follows:

|    |                         | Number (person) | Percentage (%) |
|----|-------------------------|-----------------|----------------|
| ı  | NEW HIRES               |                 |                |
| 1. | By gender               |                 |                |
|    | » Male                  | 23              | 63.89          |
|    | » Female                | 13              | 36.11          |
| 2. | By age                  |                 |                |
|    | » Over 50 years of age  | 0               | 0.00           |
|    | » 30-50 years of age    | 16              | 44.44          |
|    | » Under 30 years of age | 20              | 55.56          |
| II | RESIGNATION             |                 |                |
| 1. | By gender               |                 |                |
|    | » Male                  | 16              | 88.89          |
|    | » Female                | 02              | 11.11          |
| 2. | By age                  |                 |                |
|    | » Over 50 years of age  | 0               | 0.00           |
|    | » 30-50 years of age    | 10              | 55.56          |
|    | » Under 30 years of age | 08              | 44.44          |

#### TRAINING ACTIVITIES

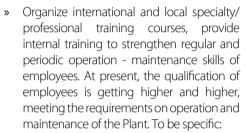


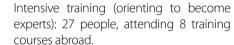
ORGANIZED

TRAINING COURSES

etermining human resources are the key factor in the Company's operation and development, in 2017, PVCFC organized 512 training courses with expenses up to VND14.6 billion, 6,646 trained people, reaching 127.9% of annual plan.

#### **Training contents**





Management training: Organize training on governance capability for middle management, corporate governance, and risk management for 26 middle managers to improve governance capability.

Organize training courses about 7 Effective Habits, Leadership with "The Speed of Belief", Effectiveness & Responsibility and implement coaching projects to develop employees and improve productivity and efficiency.

Frequently training and updating specialty/professional knowledge: Often organize training and coaching sessions at the Company such as scaffolding technique levels 1&2; Welding supervision; Accident investigation; Safety usage guide, operation and maintenance of boiler; Safety usage guide, operation and maintenance of pressure equipment; Lean production; Designing tanks, pipes, separators and heaters; Operating loaders; Occupational safety training courses, etc. In addition, PVCFC also organized 4 specialized technical English training courses to improve foreign language skills for employees to meet working requirements.

- » Internal training: Internal training at PVCFC is very effective. Therefore, PVCFC pays high attention to this activity. In 2017, PVCFC offered 429 training courses with 4,453 trained people, reaching 222% of the plan. Internal training focuses on position rotation, new employees training in accordance with job title. Continue to standardize internal training system for the Plant by reviewing materials, preparing curriculum and question banks to serve training and development of new hires, position rotation training, career growth training and professional knowledge training for the staff.
- Training in accordance with PVN's program: PVCFC has sent 08 staffs to participate in 07 training courses abroad and 01 training course in the country organized by PVN.

### **Analyze and evaluate training activities**

- » Training plan and content followed the plan and schedule set since the beginning of the year. Choosing the right participants for training programs has encouraged the motivation, enthusiasm and sense of responsibility of the staff in the implementation of the tasks assigned.
- The number of trainees was 6,646/5,198 turns of people, reaching 127.9% of annual plan for 2017, exceeding the targets. PVCFC strengthened management training, updating of professional knowledge/ skills and internal training to improve the performance skills, operation and maintenance skills to meet the production and business requirements of the Company.
- Training activities in 2017 have met the production and business requirements and built a qualified team to serve new projects and development strategies of the Company.



TOTAL NUMBER OF TRAINED PEOPLE

6,646



INTERNAL TRAINING 4,453



Joining PVCFC, all employees have equal opportunities to work, to dedicate, to shine and to be rewarded



#### **INFORMATION OF SHAREHOLDERS**

Shareholder structure, changes in owner's equity (According to the list closed on December 28th 2017)

#### SHARE INFORMATION

| Total number of shares:                               | 529,400,000 shares   |
|---|----------------------|
| Face value per share:                                 | VND10,000/share      |
| Total value of shares:                                | VND5,294,000,000,000 |
| Types of outstanding shares:                          | Common shares        |
| Number of freely transferable shares:                 | 529,400,000 shares   |
| Number of restricted shares:                          | 0 (zero)             |
| The Company does not have overseas trading securities |                      |

#### LIST OF INTERNAL SHAREHOLDERS

| No. | Name of individuals/<br>organizations        | Position at PVCFC<br>(if any)        | Number<br>of<br>owning<br>shares        | Percentage<br>of owning<br>shares       | Number<br>of shares<br>holding on<br>behalf of PVN | Percentage<br>of shares<br>holding on<br>behalf of PVN |
|-----|--|--------------------------------------|---|---|--|--|
|     | BOARD OF DIRECTORS                           |                                      |   | *************************************** |  |  |
| 1   | Nguyen Duc Thanh                             | Chairman                             | 8,100                                   | 0.001530%                               | 135,323,057  | 25.56%   |
| 2   | Tran My                                      | Board member                         | 2,900                                   | 0.000548%                               | 79,410,000   | 15.00%   |
| 3   | Tran Chi Nguyen                              | Board member                         | 1,600                                   | 0.000302%                               | 79,410,000   | 15.00%   |
| 4   | Tran Thi Binh                                | Board member                         | 0                                       | 0.000000%                               |  |  |
| II  | BOARD OF MANAGEMENT                          | -                                    |   |   |  |  |
| 1   | Bui Minh Tien                                | Board member cum<br>General Director | 52,000                                  | 0.009822%                               | 105,880,000  | 20.00%   |
| 2   | Nguyen Duc Hanh                              | Deputy General Director              | 53,000                                  | 0.010011%                               |  |  |
| 3   | Van Tien Thanh                               | Deputy General Director              | 30,000                                  | 0.005667%                               |  |  |
| 4   | Hoang Trong Dung                             | Deputy General Director              | 31,600                                  | 0.005969%                               |  |  |
| 5   | Le Ngoc Minh Tri                             | Deputy General Director              | 1,600                                   | 0.000302%                               |  |  |
| 6   | Nguyen Tuan Anh                              | Deputy General Director              | 0                                       | 0.000000%                               |  |  |
| Ш   | BOARD OF SUPERVISORS                         |                                      |   |   |  |  |
| 1   | Phan Thi Cam Huong                           | Chief of Board                       | 200                                     | 0.000038%                               |  |  |
| 2   | Do Minh Duong                                | Supervisor                           | 2,000                                   | 0.000378%                               |  |  |
| 3   | Nguyen Thanh Hao                             | Supervisor                           | 0                                       | 0.000000%                               |  |  |
| IV  | CHIEF ACCOUNTANT                             |                                      | *************************************** | *************************************** |  |  |
| 1   | Dinh Nhu Cuong                               | Chief Accountant                     | 56,700                                  | 0.010710%                               | -  |  |
| V   | MAJOR SHAREHOLDER                            |                                      |   | *************************************** | *  |  |
| 1   | PetroVietnam Finance Fund<br>Management Inc. |                                      | 45,174,690                              | 8.533187%                               |  |  |

List of shareholders holding from 5% of share capital and above

| No. | Shareholder  | Business<br>registration<br>certificate/<br>ID card | Address  | Number<br>of holding<br>shares<br>(share) | Percentage/<br>Charter<br>capital (%) |
|-----|--|---|--|---|---------------------------------------|
| 1   | Vietnam Oil and Gas Group - PVN                              | 0106000811  | 18 Lang Ha, Ba Dinh District,<br>Hanoi                                 | 400,023,057                               | 75.562                                |
| 2   | Major shareholder: PetroVietnam Finance Fund Management Inc. | 23/UBCK-GP  | 9 <sup>th</sup> Floor, Hapro Building, 11B<br>Cat Linh, Dong Da, Hanoi | 45,174,690                                | 8.53                                  |
|     | Total  |   |  | 445,197,747                               | 84.092%                               |

#### SHAREHOLDER STRUCTURE AS AT DECEMBER 28<sup>TH</sup> 2017

|     |  | Overstitus                                | Numb                 | er of shares (       | share)                       |                               |                     |
|-----|--|---|----------------------|----------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------|
| No. | Shareholder  | Quantity<br>(individual/<br>organization) | Already<br>deposited | Not yet<br>deposited | Total<br>number of<br>shares | Face value per<br>share (VND) | Percent-<br>age (%) |
| ı   | Domestic<br>shareholders   | 4,407                                     | 513,033,833          | 744,200              | 513,778,033                  |                               | 97.05               |
| 1   | Shareholders which are organizations                               | 30  | 453,762,030          | 300,000              | 454,062,030                  | 4,540,620,300,000             | 85.77               |
| 1.1 | In which: PVN  |   | 400,023,057          | 0                    | 400,023,057                  | 4,000,230,570,000             | 75.56               |
| 1.2 | Major shareholder:<br>PetroVietnam Finance<br>Fund Management Inc. | 1   | 45,174,690           | 0                    | 45,174,690                   | 451,746,900,000               | 8.53                |
| 2   | Shareholders which are individuals                                 | 4,377                                     | 59,271,803           | 444,200              | 59,716,003                   | 597,160,030,000               | 11.28               |
| II  | Foreign shareholders   | 53  | 15,621,967           | 0                    | 15,621,967                   |                               | 2.95                |
| 1   | Shareholders which are organizations                               | 13  | 13,825,560           | 0                    | 13,825,560                   | 138,255,600,000               | 2.61                |
| 2   | Shareholders which are individuals                                 | 40  | 1,796,407            | 0                    | 1,796,407                    | 17,964,070,000                | 0.34                |
|     | Total  | 4,460                                     | 528,655,800          | 744,200,000          | 529,400,000                  | 5,294,000,000,000             | 100.00              |

#### TREASURY STOCKS

- » Current number of treasury stocks: 0 (zero).
- » Treasury stock transaction: In 2017, there was no treasury stock transaction.
- » Change in owner's equity: In 2017, the company has no change in owner's equity.
- » Other securities: In 2017, the Company does not issue any securities.

"At PVCFC, investor relation is a frequent activity through the communication in business results, investment, corporate governance, financial position, etc. Besides regular information, extraordinary information in the operation of enterprises is also transferred to investors in time. PVCFC regularly hold investors meetings to address issues that investors are interested in and provide information in a transparent and objective manner, giving investors a better view on the current business activities as well as medium-to-long-term development prospects of the Company, helping investors properly evaluate the value of enterprises, ensuring their interests when investing in PVCFC."

> According to Analysis and Research Department -Vietcombank Securities JSC - VCBS.



#### REPORT AND ASSESSMENT OF BOM

#### **GENERAL ASSESSMENT**

Inheriting the achievements in 2016, PVCFC implemented the operations in 2017 with proactive spirit, applying modern governance tools effectively, taking full advantage of opportunities and having effective solutions, timely overcoming difficulties and thereby, helping PVCFC to exceed the planned targets. Some affecting factors and conditions are as follows:

#### **ADVANTAGES**

- instructions from Vietnam National Oil and Gas Group, the support from the Ministries/ Industries/ Government in regulating gas price to ensure the "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and poor quality fertilizers are more and "

  Counterfeit and " performance efficiency.
- » Stable supply of gas allows high-productivity operation of the Plant.
- » The Group creates favorable conditions in operating flexible sales policy, enhancing competitiveness.
- » The weather is convenient for agricultural production, contributing to stabilizing and increasing demand on fertilizer.
- » The solidarity of all PVCFC staff.

#### DISADVANTAGES

- » PVCFC has always received the close and prompt » Imported Urea is still on the rise, putting great pressure on domestic producers.
  - more popular and affect reputation of many brands.



#### BUSINESS REPORT AND PERFORMANCE ASSESSMENT IN 2017

#### **IMPLEMENTATION RESULTS OF BUSINESS TARGETS**

|     |  |               | Implemented |        | 2017           | Compa | rison |
|-----|--|---------------|-------------|--------|----------------|-------|-------|
| No. | Item                                   | Unit          | in 2016     | Plan   | Implementation | (%    |       |
| Α   | В                                      | С             | 1           | 2      | 3              | 4=3/2 | 5=3/1 |
| I   | TARGETS IN QUANTITIES                  | (*)           |             |        |                |       |       |
| 1   | Production volume                      |               |             |        |                |       |       |
| -   | Ca Mau Fertilizer<br>(Urea conversion) | Thousand tons | 804.10      | 752.23 | 851.08         | 113%  | 106%  |
| 2   | Consumption volume                     |               |             |        |                |       |       |
| _   | Ca Mau Fertilizer<br>(Urea conversion) | Thousand tons | 812.36      | 752.23 | 864.50         | 115%  | 106%  |
| _   | Proprietary trading                    |               | 43.38       | 75.00  | 69.18          | 92%   | 159%  |
| II  | FINANCIAL INDICATORS (                 | CONSOLIDATED  | )           |        |                |       |       |
| 1   | Total revenue                          | Billion VND   | 5,218       | 5,328  | 5,920          | 111%  | 113%  |
| 2   | Profit before tax                      | Billion VND   | 658.89      | 666.18 | 679.33         | 102%  | 103%  |
| 3   | Profit after tax                       | Billion VND   | 624.34      | 632.80 | 641.38         | 101%  | 103%  |
| 4   | Obligation to the State budget         | Billion VND   | 81.11       | 55.09  | 86.18          | 156%  | 106%  |
| Ш   | FINANCIAL INDICATORS (                 | PARENT COMPA  | NY)         |        |                |       |       |
| 1   | Total revenue                          | Billion VND   | 5,202       | 5,300  | 5,915          | 112%  | 114%  |
| 2   | Profit before tax                      | Billion VND   | 652.77      | 665.79 | 676.16         | 102%  | 104%  |
| 3   | Profit after tax                       | Billion VND   | 619.30      | 632.62 | 637.88         | 101%  | 103%  |
| 4   | ROE                                    | Billion VND   | 12.33%      | 12.58% | 12.77%         | 102%  | 104%  |
| 5   | Construction and equipment procurement | Billion VND   | 105.76      | 540.50 | 161.95         | 30%   | 153%  |
| 6   | Obligation to the State budget         | Billion VND   | 73.90       | 50.09  | 79.76          | 159%  | 108%  |





The Plant operated safe and stable in more than 300 consecutive days at a high capacity, reaching 103.2% of design capacity (compared to capacity of Urea Plant), making significant contribution in completing production targets of 2017 by 53 days ahead of schedule. 2017 was also the first year the Company's output hit the record of 851.08 thousand tons after 6 years of operation.



RECEIVED OPERATIONAL EXCELLENCE CERTIFICATE with more

than **300**CONSECUTIVE DAYS
operation of NH<sub>3</sub> Workshop
from Haldor Topsoe



PRODUCTION OUTPUT REACHED

**851.08** THOUSAND TONS



Launched new brand identity and offered full nutritional product ranges for plants

#### PRODUCTION OPERATION

- » The Plant operated safe and stable in more than 300 consecutive days at a high capacity, reaching 103.2% of design capacity (compared to capacity of Urea Plant), making significant contribution in completing production targets of 2017 by 53 days ahead of schedule. 2017 was also the first year the Company's output hit the record of 851.08 thousand tons after 6 years of operation.
- » Total productive maintenance (TPM): PVCFC has completed TPM within 16 days in accordance with the criteria: safety, quality and saving 14.9% of costs thanks to active preparation since September 2016. Material coding work is implemented continuously. Up to now, PVCFC has coded 49,585 items to update into CMMS and ERP, helping to optimize inventories.
- » Consumption of energy, chemicals, and materials are lower than the norms. PVCFC has reviewed and approved the norms applied in 2018 in line with technical improvements at the Plant and controlled consumption accurately.

#### **MARKETING AND BUSINESS MANAGEMENT**

- » Continued to maintain market share in target markets and expanded consumption market for traditional and new fertilizers, especially in Mekong Delta, Cambodia, Southern East and Central Highlands of Vietnam.
- » In 2017, PVCFC renovated packaging design and brand identity, completed and implemented communication strategies, marketing strategies, etc. simultaneously toward the brand development orientation associated with sustainable and high-tech agriculture as Government's orientation.
- Applied information technology into business operation of Big Data project, gaining initial success in distribution management system (DMS) in Long An and Tra Vinh. Accordingly, the Company wishes to connect and interact with customers quickly, streamlining business structure and enhancing efficiency.
- » Implemented the activities to support and promote the sales of Ca Mau Fertilizer including Urea, new products, imported products, prepared market penetration for Ca Mau NPK products, and signed long-term distribution contract with Israeli Potash.







CAPACITY OF MATERIAL IMPORT TERMINAL REACHED

500,000 TONS

COMMENCED CONSTRUCTION
OF COMPLEX FERTILIZER
PLANT WITH CAPACITY OF

300,000 TONS/YEAR

#### **BASIC CONSTRUCTION**

- » Project of Plant to produce complex fertilizer from molten Urea with capacity of 300,000 tons/ year and material import port with capacity of 500,000 tons: PVCFC signed EPC contract and commenced the construction on November 8<sup>th</sup> 2017. Currently, contractors are implementing the project in accordance with the EPC contract to put the plant and the port into operation at the beginning of the 2<sup>nd</sup> guarter of 2019.
- » In 2017, PVCFC also reviewed its investment portfolio, carefully implementing investment preparation and implementation to ensure efficiency and risks reduction.

#### IMPROVEMENTS ON ORGANIZATIONAL STRUCTURE, POLICY AND MANAGEMENT IN 2017

#### Corporate governance

- » Improved governance tools from production, financial management to risk management, to be specific:
  - > Maximized ERP software Phase 1, developed and added more functions such as: Notes to the combined financial statements, distribution management, customer relations, and logistics.



- > Coordinated with consulting agency to develop business intelligence (BI) system to manage, control analysis and forecast internal and external impacts.
- Improved and promoted the inspection and supervision of Safety Innovation Initiative 5S program to improve production efficiency of the Plant.
- After completing the entire process according to COSO, the Company established a unit in charge of compliance inspection to ensure the Company's business operations comply with the laws.





With the philosophy of developing corporate strength from individual strength and "human resources is key to corporate success", PVCFC is gradually completing a unique cultural identity where the employees can work - dedicate - shine and be rewarded through practical activities.

#### Corporate culture organization and management

- » CEO continues giving highest decentralization to Deputy General Directors, Chief Accountant/ Branch Directors, thereby makes the corporate governance more and more comprehensive and consistent, the authorized persons becomes more active in training and development, improving management knowledge and skills.
- » With the philosophy of developing team strength from individual strength and "human resources is key to organizational success", PVCFC is gradually completing a unique cultural identity where the employees can work - dedicate - be rewarded and shine through practical activities such as handling works in the spirit of 7 effective habits, training and developing skills, organizing quarterly physical exams, holding seminars to share good book titles, maintaining sport clubs to communicate, share and understand, etc.

#### Restructuration

- » Together with consulting agency, **PVCFC completed strategy development and plans** implementation, focusing on solutions when the gas pricing mechanism ends after 2018.
- » Finalized and reported divestment plan to the Group, reducing PVN's ownership percentages from 75.56% to 51% of charter capital.

#### Research and development

In 2017, PVCFC continued to invest and foster research and development of new fertilizer lines toward environmentally-friendly practice for a smart and sustainable agriculture, to be specific:

- » Launched Research and Development Center, completed facilities, organizational structure, processes and regulations to promote research activities in accordance with the strategic orientations.
- » Completed three test centers in Ca Mau, Can Tho and Lam Dong to study and test new
- » Continued to cooperate with international and local partners (Institute of Industrial Chemistry, VAST, Israeli partner, Rynan Smart Fertilizer, etc.) to develop new fertilizer lines and apply new technologies in hi-tech agriculture.

#### Cost management and savings/ reduction

- » PVCFC well controlled costs and product prices by assigning detailed cost plans to each department as a basis for controlling and evaluating the reasonable use of costs.
- » In 2017, PVCFC saved VND73.64 billion, reaching 281% of the plan, including VND25.19 billion from materials and energy, VND47.45 billion from management and sales, and VND 1.002 billion from construction costs.

#### **Human resources training and development**



TRAINED EMPLOYEES

- The Company determined human resources are one of the most valuable assets to create enterprise competitiveness. Therefore, PVCFC paid high attention to human resource development by training skills, knowledge and especially attitude to ensure the available manpower are sufficient in quantity and quality to reach the Company's goals.
- Provided training to 6,646 people, reaching 127.9% of the plan for 2017. Intensified training in management skills, updated professional/specialty knowledge and internal training to strengthen performance skills and operation - maintenance skills. Training programs have been selected to be suitable to each subject of employees to help them enhance skills and perfect themselves to meet the production and business requirements of the Company in Industry 4.0.







TOTAL NUMBER
OF EMPLOYEES

906 PEOPLE

#### Human resources, compensation and benefits, and policies

- » Number of employees in 2017 was 906 people, reaching 96% of the annual plan (35 people lower than the target).
- » Compensation and benefits: the Company continued to consider and improve policies for employees. The Company has always created a dynamic working environment and well implemented the policies on occupational safety, salary, bonus, insurance and other policies in line with the laws and the Company's regulations.

#### Occupational safety and firefighting and fire prevention

» Security, safety, environment, firefighting and fire prevention: Continuously supervised to ensure safety and stable operation of the Plant and keep environmental hygiene surrounding the Plant and make sure there is no accident or incident affecting working hours. The Company strengthened contractor supervision and management to ensure safety and quality of on-going projects. The Company maintained and improved environmental management system in line with OHSAS 18001: 2007 standards in occupational health, safety and environment.

#### Financial, capital use and assets situation

- » The Company self-balances and does not mobilize short-term capital. The Company has prepared and frequently updated monthly and quarterly cash flow plan to ensure working capital for business operations.
- » Investment capital: PVCFC is holding 51.03% of charter capital, equivalent to VND20.83 billion of PetroVietnam Packaging JSC (PPC). In 2017, PPC completed almost business targets. The dividend payment rate of PPC was 12% as planned.
- » Asset management: PVCFC conducts procurements according to the demand and the norm of the Company. As for fixed assets, the Company has built and operated a strict management process, performed periodic maintenance and enhanced asset efficiency. ROA of 5.03% in 2017 has shown the Company's effective operation.
- » Most of current liabilities are the payables to suppliers and advances from customers, current portion of long-term loans, and other short-term payables.
- » Short-term debt ratio is 1.92 times and quick ratio is 1.77 times. Those are indicating that the Company is capable to repay on time.



Safety, firefighting and fire prevention in operation always are prioritized by PVCFC.



#### **ANALYSIS ON BUSINESS RESULTS**

#### **Business results of Parent Company**



**UREA PRODUCTION OUTPUT** REACHED

851.08

#### THOUSAND TONS

- > Reaching **113%** of planed target for 2017
- > 106% higher than that in the same period in 2016



**UREA CONSUMPTION VOLUME REACHED** 

864.50

#### THOUSAND TONS

- > Reaching **115%** of planed target for 2017
- 106% higher than that in the same period in 2016



TOTAL REVENUES **REACHED** 

5,915

**BILLION VND** 

- > Reaching **112%** of planed target for 2017
- > 114% higher than that in the same period in 2016



PROFIT BEFORE TAX **REACHED** 

676.20

- > Reaching 102% of planed target for 2017
- > 104% higher than that in the same period in 2016

Construction investment and equipment procurement valued at

161.95

**BILLION VND** 

- > Reaching **30%** of planed target for 2017
- 153% higher than that in the same period in 2016



PVCFC fulfilled and exceeded all planed targets on production, consumption and profit thanks to the stable gas supply. However, the construction investment and equipment procurement did not meet the planed target due to some projects such as "Manufacturing complex fertilizer from molten urea with capacity 300,000 tons/year" - the Company needs to evaluate project effectiveness more carefully", "Material import port with capacity of 500,000 tons/ year" - technological measures need to be adjusted to pick out the best option.

#### Business results of subsidiary - PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (PPC)

Packaging Plant operated stably at the capacity of 95% of design. N.Humate+TE Plant came into operation in April 2017 and is operating at the capacity of 70% of design, producing about 70 tons/day.

- » Package product: In 2017, 18,814 thousand of packages were produced, reaching 93.5% of the plan for 2017, equivalent to 94% of the same period in 2016. Consumption volume numbered at 19,821 thousand of packages, reaching 99% of the plan for 2017, equivalent to 97% of the same period in 2016. Revenue was recorded at VND159.12 billion, reaching 109% of the plan for 2017.
- » N.Humate+TE product: Since the Plant was put into operation behind schedule, the results were not satisfied with the planned targets.
- » Profit after tax (Package and fertilizer) gained totally VND7.14 billion, reaching 136% of the plan for 2017, equivalent to 78% of the same period in 2016.

#### **LESSONS LEARNED**

From the above-mentioned results gained in 2017, PVCFC has drawn the lessons as follows:

- » Take advantage of the attention and direction from Vietnam National Oil and Gas Group and the relevant ministries to make reasonable and persuasive proposals, especially regarding to gas supply and price.
- » Continuously improve governance capabilities, manage closely, strictly and flexibly which helps PVCFC implement quickly and apply effectively management tools such as ERP, COSO, 5S, AtSS, etc.).

- » Assign budget to each department/division and each task to ensure cost efficiency.
- » Build solidarity and agreement aiming toward common goal, whereas promoting an important role of leaders.
- » Review and rearrange the resources appropriately to maximize advantages and enhancing resource efficiency for waste prevention.

#### ASSESSMENT REPORT ON ENVIRONMENTAL AND **SOCIAL RESPONSIBILITIES**

PVCFC's leaders always highly appreciate responsibility awareness and require the employees' strict compliance with the environmental regulations.

The Company's waste is managed by advanced technologies as well as an experienced and qualified team to ensure minimum wastewater, emissions, and solid waste in quantity and sufficient requirement before discharging to the environment.

The Company always fully complies with the legal regulations on environment and has not suffered any penalty or fine against environmental violations.





#### **BUSINESS PLAN FOR 2018**

2018 is an important year for strategy implementation in 2018-2023 period. Apart from advantages and opportunities, PVCFC realizes that the most difficulties and challenges of the Company are the stability in gas supply for the Plant's

effective operation and the fierce competitiveness in the fertilizer market, especially in imported fertilizer. To overcome tough time, PVCFC has planned out the key goals, objectives and solutions in 2018 as follow:

#### MAIN OBJECTIVES

Operate the plant safely, stably and effectively.

Accelerate optimization programs and energy savings to enhance production efficiency.

Perform maintenance and repair in safety, on schedule and ensuring cost efficiency.

Successfully conduct restructuring PVCFC according to the Government's policy and instruction of PetroVietnam, accordingly withdrawing ownership percentages of PetroVietnam's capital in PVCFC in 2018, down to 51% of charter capital.

Complete and implement the Company's development strategy to take the opportunities in the future toward sustainable development.

Strengthen research of new products with high added value to meet the demand of the market and to be suitable to the Company's competitive advantages.

6

Continue to develop the brand "Ca Mau Fertilizer" based on image of a "Nurturer"; prepare market penetration for new products.



Develop investment projects in 2018 on schedule and in compliance with the law, especially Plant to produce complex fertilizer from molten Urea with capacity of 300,000 tons/year.



Complete and apply modern governance tools simultaneously. Strictly control costs and product price to ensure competitiveness with other same products.



Review, amend/supplement and complete regulation/internal regulation system in line with the laws/decrees and new applicable legal documents from the State, the Group and actual situation of the Company.



Continue to build corporate culture, creating the environment and motivation for sustainable development.

#### PLANNED TARGETS FOR 2018

#### **OUTPUT TARGETS**

| No. | Item              | Unit          | Plan for 2018 |
|-----|-------------------|---------------|---------------|
| 1   | Production output |               |               |
| 1.1 | Ca Mau Fertilizer | Thousand tons | 751           |
| 2   | Selling output    |               | -             |
| 2.1 | Ca Mau Fertilizer | Thousand tons | 751           |
| 2.2 | Other fertilizers | Thousand tons | 90            |

#### FINANCIAL PLAN FOR THE WHOLE COMPANY

| Plan for<br>2018 | Unit         | Item   | No. |
|------------------|--------------|--|-----|
|                  |              | Financial targets (Consolidated)                               | ı   |
| 5,496            | Billion VND  | Total revenue  | 1   |
| 685              | Billion VND  | Profit before tax  | 2   |
| 650              | Billion VND  | Profit after tax   | 3   |
| 58               | Billion VND  | Obligation to the State budget                                 | 4   |
|                  |              | Financial targets (Parent Company)                             | II  |
| 6,235            | Billion VND  | Owner's equity   | 1   |
| 5,294            | Billion VND  | In which: Charter capital/Average Owner's equity               | _   |
| 5,473            | Billion VND  | Total revenue  | 2   |
| 683              | Billion VND  | Profit before tax  | 3   |
| 649              | Billion VND  | Profit after tax   | 4   |
| 12%              | %            | Profit before tax/Average Owner's equity                       | 5   |
| 51               | Billion VND  | Obligation to the State budget                                 | 6   |
| curement         | uipment prod | Investment in basic construction and ec                        | 7   |
| 735.7            | Billion VND  | Total investment in basic construction & equipment procurement | 7.1 |
| 735.7            | Billion VND  | Source of investment capital                                   | 7.2 |
| 262.5            | Billion VND  | Owner's equity   | _   |
| 473.2            | Billion VND  | Loan and others  | _   |



PLANNED TOTAL REVENUES

OF 2018

5,496



PLANNED PROFIT BEFORE TAX

685
BILLION VND



PLANNED PROFIT AFTER TAX OF 2018

650
BILLION VND

#### LONG-TERM INVESTMENT AND DEVELOPMENT PLAN

In 2018, in addition to focusing on key projects development such as "Plant to produce complex fertilizer from molten Urea with capacity of 300,000 tons/year" and "Material import port with capacity of 500,000 tons/year", PVCFC pushes the research and application of information technology and energy optimization projects, to be specific:

- » Projects of applying information technology catching the trend of Industry 4.0 to improve competitiveness and business efficiency by distribution management system; approach and interact with customers, build strong bond between PVCFC and consumers through advanced technologies based on big data platform.
- » Projects of optimizing technology and enhancing gas use efficiency: forecasting the lack of gas supply for Southern West after 2018, PVCFC has been seeking for solutions to reduce material consumption such as project of recovering flash gas (gas emissions), using permeate gas, condensate, biogas, etc. to optimize capacity of the Plant in the shortage of gas, ensure to maintain operation efficiency for PVCFC.
- Projects of new product development: Take advantage of equipment system and modern petrochemical technology of the factory, the Company is seeking for opportunity to invest and develop new products in both fertilizer and petrochemical fields to create added values in the future.



#### KEY PERFORMANCE MEASURES

#### **CORPORATE GOVERNANCE**

- » Complete strategies and measures to implement the strategies. Implement PVN's divestment from PVCFC, down to 51% of charter capital, as approved by BOD of PVCFC and PVN.
- » Continue to assign and manage plans according to goals and cost centers.
- » Operate internal control system and risk management according to COSO and governance reporting system serving the leadership (ERP-BI).

#### PRODUCTION OPERATION

- » Complete and implement Plant operation and maintenance strategy to ensure safe, stable and effective operation toward Industry 4.0.
- » Deploy TPM, helping optimize equipment efficiency, actively maintain and eliminate downtime due to subjective reasons.
- » Study and take actions to the shortage of gas supply.



In 2017, the Company held tours for hundreds of distributors to visit the Plant in order to strengthen customer care service and market development.





# SIGNING CEREMONY MOP DISTRIBUTION CONTRACT BETWEE PVCSC AND ICL Akel A

The representative of Ca Mau Fertilizer signed a contract to distribute Israeli Potash product in Vietnam.

#### **BUSINESS AND MARKET DEVELOPMENT**

- » Actively deploy a flexible sales policy, closely follow up supply-demand and price fluctuations both international and local market to consume Ca Mau Fertilizers effectively.
- » Complete and implement DMS and customer care system into operation; continue to develop the brand "Dam Ca Mau - For golden harvests" according to differentiating strategy with image of a "Nurturer".

#### **HUMAN RESOURCES AND TRAINING**

- » Develop human resource management tools, including setting up performance dictionaries and Key Performance Indicators (KPIs) throughout the Company.
- » Build a plan for talent management, professional training and high-quality human resource development.
- » Maintain PVCFC culture reform project focusing on building the contents of PVCFC's unique culture identity in 2018.

#### **TECHNOLOGY AND SCIENCE**

- » Consolidate organizational structure and effectively manage operation of R&D center.
- » Continue to research and diversify product lines, smart and environmentally-friendly fertilizers in line with Company's strategic orientation.

#### **CAPITAL, ASSET AND INVESTMENT MANAGEMENT**

- » Strictly control cash flows, restructure loans and reduce risk in foreign exchange rate. Focus on accelerating investment projects on the basis of well-controlled costs, progress and quality.
- Control progress and closely comply with legal regulations, especially in the project of Plant producing complex fertilizer from molten urea with capacity of 300,000 tons/year.

#### **HEALTH, SAFETY AND ENVIRONMENT**

- » Strictly comply with legal regulations relating to health safety environment.
- » Effectively operate occupational health and safety according to OHSAS 18001:2007.



#### REPORT OF BOARD OF DIRECTORS



Since the beginning of the year, together with the Board of Management, BOD has deployed proactively the operations in, strongly applied modern management tools, taken advantages and having effective and timely measures to overcome difficulties, thereby helping the Company successfully complete the targets and duties assigned by the GMS.



#### ASSESSMENT ON THE COMPANY'S PERFORMANCE





**BILLION VND** 

**BILLION VND** 



#### **BUSINESS RESULTS**

- Since the periodic maintenance in August 2016, the Plant operated safely and stably in 300 consecutive days at a high capacity, at average 108% of designed capacity (based on capacity of Ammonia workshop), making a significant contribution in completing the production target of 2017 53 days ahead of schedule. 2017 was also the first year the Company hit the record of 851.08 thousand tons of output (reaching 113% of the plan) after 6 years of operation.
- Total revenues reached VND5,920 billion, completing 111% of the plan. Profit before tax was recorded at VND679.3 billion, reaching 102% of the plan for 2017. Products were consumed timely, minimizing inventories, in which 864.50 thousand tons of Urea was successfully

sold, reaching 115% of the plan. Thanks to the prompt solutions, in 2017, PVCFC continued to maintain its market share and enhance brand value in the market.

#### **IMPLEMENTATION RESULTS OF KEY TASKS**

#### Strategy and planning

- » Implementing the instruction of PetroVietnam on strategy development and divestment plan of PVN from PVCFC, in 2017, PVCFC determined its suitable development directions, focusing on the solutions after 2018 when the gas price regulation mechanism ends. The Company has completed capital strategy and reported to the Group about the plan and timeline for PVN's divestment down to 51% of charter capital of PVCFC in line with the Restructuring Plan approved by the Goverment.
- Implementing the development strategy of "Ca Mau Fertilizer" brand in 2017 - 2020 period with differentiation. In 2017, PVCFC improved and changed product package models and brand identity, completed and deployed communication and marketing strategy simultaneously as well as brand development orientation associating with sustainable and hi-tech agriculture.



THE ENTERPRISE WITH

#### **BEST MANAGEMENT SYSTEM**

IN 2017 OF PETROVIETNAM

#### Corporate governance

- » In 2017, the Company amended and released some internal regulations such as Business Management Regulation, Regulation on investment capital management into other company, Compliance Management Regulation, Regulation on salary, bonus and Remunerations to BOD, BOM, etc.
- » Already put ERP Phase 1 into operation and added in more functions; continue to deploy ERP -Phase 2: standardize internal processes under **COSO**; deploy Big Data project applying information technology in managing, collecting and exploiting data for sales and distribution management.
- » Human resources training and development was focused in 2017. The Company trained 6,646 people. reaching 127.9% of annual plan. The Company is **implemeting KPI system** to help the Company recognize individual performance exactly, motivating the employees and strengthen their trust and commitment to the Company.
- » Operation and exploitation economic-technical norms match with the advanced technologies at the Plant and effectively control the consumption rate effectively. The consumption of energy, chemicals and materials are lower than the norms. The estimated average consumption rate of main fuels (gas and power) is 3% lower than the norms.
- » Build a solidarity collective, jointly aiming toward Company's goals. Through the activities under culture reform program, PVCFC gradually complete a particular cultural identity where the employees will work dedicate - be rewarded and shine in practical activities.

#### Other tasks

- » In 2017, the Company implemented the project of investing and constructing the Plant to produce complex fertilizer from molten Urea with capacity of 300,000 tons/year and material import port with capacity of 500,000 tons/year in careful manner, ensuring effectiveness and savings and complying with the process.
- » Finished total production maintenance within 16 days, ensuring safety, quality and saving 14.9% of costs. Periodic maintenance is always implemented as scheduled, ensuring backup equipments is always available.

» Push research and development activities in line with fertilizer lines development, which contributes to create and build a smart and sustainable agriculture. During the year, PVCFC has established an R&D center, continued to cooperate with international and local partners in researching liquid fertilizer lines, bio fertilizers, smart fertilizers and applying new technologies in high-tech agriculture.

In addition to directing the performance of business operations, environmental and social responsibility are also recognized by PVCFC as one of the top priorities. Given awareness that safety and environment are a vital issue of an enterprise, since establishment, PVCFC has always shown high sense of responsibility to comply with the environmental laws. PVCFC has been implementing environmental protection according to the Safety -Ouality - Environment management system under ISO 9001, ISO 14001, and OHSAS 18001 standard. With the orientation of sustainable development, PVCFC continues to strengthen research for product diversification and develop environmentally-friendly product lines.

In addition, implementing the important policy of PVN to develop business in association with corporate social responsibility, in 2017, PVCFC continues to carry out meaningful CSR activities. During the year, **PVCFC has** spent VND40 billion sponsorship donation such as scholarships for poor students, building schools, clinics, etc. Moreover, the programs such as farmer companion, start-up funding projects in agricultural sector, etc. are regularly implemented by PVCFC with the purpose of harmonizing benefits among enterprises, customers, partners and social communities.



PVCFC 67

#### REPORT OF BOARD OF DIRECTORS (CONTINUED)



Leaders of Vietnam National Oil and Gas Group awarded Certificate of Merit "Best management system in 2017" for PVCFC.

#### **BOD'S SUPERVISION ON BOM**

#### SUPERVISION METHOD

- » Supervise the progress of business planning for 2017 and the implementation of planned targets approved by the General Meeting of Shareholders.
- » Attend BOM's periodic meetings on business operations and monthly/quarterly meetings to timely support and ensure the performance efficiency of BOM, BOM's assisting team and the representatives of Company's capital in other entities.
- » Closely coordinate with BOS in checking and handling the actual business activities of the Company, appraising financial statements in accordance with the prevailing regulations.

#### SUPERVISION RESULT

In 2017, BOD assessed that BOM has successfully completed its role of business execution and made efforts to excellently accomplish the planned targets, to be specific:

- » BOM has managed and operated business operations in high sense of responsibility, ensuring compliance with the resolutions of GMS and the directions of BOD as well as complying with the procedures and regulations in the operation of the Company as described in the Company's Charter, Corporate governance regulation and legal regulations.
- » Business results grew compared to 2016, especially in production and consumption with encouraging achievements. The Plant was operated effectively, safely and stably. Accordingly, the Company received "Operational Excellence Certificate" from Haldor Topsoe A/S (Denmark) with a record of more than 300 consecutive days of operation at Ammonia workshop
- » Continuously improve governance capabilities, managing closely, flexibly and strictly, thereby helping PVCFC apply governance tools effectively.
- » Comply with the laws in the operation of the Company.



Consolidate and implement the Company Development Strategy

#### STRATEGY AND PLAN

tasks as follows:

» Complete and deploy the development strategies to catch up opportunities in the future toward sustainable development.

The market forecast in 2018 continues facing difficulties and shortage of gas. 2018 is the final year to apply gas price regulation mechanism. Given that situation, BOD has set out some key

**BOD'S OPERATIONAL ORIENTATION IN 2018** 

- Supervise the implementation of business plan in 2018 and build business plan for 2019 with high efficiency assurance. Develop market and prepare market penetration for selling products of NPK Plant.
- » Instruct and direct to deploy investment projects in 2018, ensuring efficiency, schedule and compliance with the law, especially the project of complex fertilizer plant with capacity of 300,000 tons per year and material import port.
- » Seek partners and implement PVN's divestment from PVCFC, down to 51% of charter capital in line with the Restructuring Plan approved by the Government.
- Accelerate research of strategic products to meet market demands; suitable with Company's competitive advantages.
- » Instruct governance, management and operation of the Plant in safety and stability; wellimplementing maintenance and repair in safety, ensuring progress, quality and cost saving.
- » Instruct the selling of fertilizers from Ca Mau Fertilizer Plant and the subsidiary PPC, ensuring business efficiency, consolidating and enhancing brand and product value. Diversify products and services for customers.
- » Support PPC in strategy development and governance to maximize potentials and improve business performance.
- » Continue to complete and implement culture reform project, creating environment and motivation for sustainable development.



Seek for partners and

implement PVN's

divestment from

PVCFC down to 51%

of charter capital

Practice savings and strictly manage costs in production and business activities

#### CORPORATE GOVERNANCE

- » Continue to complete and apply modern governance tools and maximize the Company's resources effectively. Study to apply the fourth industrial revolution into business operations (distribution management, agricultural data support, brand promotion, etc.)
- Continue to promote training and development of human resources for management and professional roles to create quality human resources meeting the development requirements of the Company.
- » Continue to improve risk management system to minimize negative impacts on business performance and sustainable development goals of the Company.
- » Strengthen practices of savings, strictly manage costs in production and business activities; continue culture reform program and sustainable brand development.



Consolidate risk

management

system



#### REPORT OF BOARD OF SUPERVISORS

#### INSPECTION AND SUPERVISION RESULTS IN 2017 AND PLAN FOR 2018



In 2017, BOS held six (06) meetings with full participation of members to get comments from the members on the following issues: getting agreement on verification of financial statements, assessing the Company's business operations; reviewing and evaluating inspection and supervision results during the year; developing operational plan for 2018, etc.



#### **ASSESSMENT ON BOS PERFORMANCE IN 2017**

BOS has supervised the Company's operation in 2017 based on the plan approved by GMS, focusing on the following issues: the compliance with the Company's Charter, resolutions and decisions of GMS and BOD and the Company's internal regulations: the use and preservation of capital; the implementation of business plans in 2017; the implementation of economictechnical norms, measures to save/reduce costs; the implementation of investment projects; and verification of financial statements.

The inspection and supervision were carried out by reviewing and evaluating the periodical and extraordinary reports of the entities and departments on business operations and financial position of the Company; directly inspecting activities of units/departments; supervising the implementation of recommendations from inspection team; attending meetings of BOD, periodic meetings and other meetings of PVCFC. Accordingly, BOS has given timely recommendations and suggestions to BOD and General Director and quarterly reported the inspection and supervision results to the higher management level (PVN).

In 2017, BOS held six (06) meetings with full participation of members to get comments from the members on the following issues: getting agreement on verification of financial statements, assessing the Company's business operations; reviewing and evaluating inspection and supervision results during the year; developing operational plan for 2018, etc.



#### Activities of each member

BOS consists of 03 supervisors to be responsible for the duties which are specifically assigned to each member, to be specific:

#### Ms PHAN THI CAM HUONG Chief of the Board

- > Taking general responsible for running activities of BOS.
- > Making supervising plan for the year and organizing implementation.
- > Inspecting and supervising the compliance with the State's regulations and the Company's Charter, the implementation of resolutions and decisions; the implementation of business plan and financial position of the Company.
- > Considering approval and selection of auditor for financial statements; appraising financial statements.

#### Mr. DO MINH DUONG Supervisor

- Inspecting and supervising investment and procurement; economic-technical norms; human resources and training.
- Taking part in building and implementing inspection and supervision plan during the year.

#### Mr. **NGUYEN THANH HAO** Supervisor

- Supervising management and preservation of capital at the Company; taking part in the verification of financial statements.
- Participating in making plan for the year.

The members of BOS have made efforts to fulfill their responsibilities and functions as well as successfully completed their duties and plan for inspection and supervision as approved by GMS.

#### Salaries, remunerations and operating expenses of BOS

Salaries, remunerations and operating expenses of each BOS member are paid in accordance with the Company's regulations and are approved by GMS. Total income of BOS in 2017 was VND1.9 billion.

#### RESULTS OF SUPERVISION ON BUSINESS OPERATIONS AND FINANCIAL POSITION IN 2017

#### SUPERVISION ON BUSINESS OPERATIONS

In 2017, given the situation that imported fertilizer continued to increase and GPP Plant went into operation, PVCFC encountered many difficulties and challenges. However, with the close and timely direction of BOD and the active and flexible management of BOM, the Company has completed the planned targets for business and production. The results are as follows:

- » Total production (Urea fertilizer): 851.08 thousand tons, reaching 113% of the plan.
- tons, reaching 115% of the plan.
- » Total revenue: VND5,920 billion, reaching 111% of the » Dividend payment: The Company has paid the
- » Profit before tax: VND679.3 billion, reaching 102% of the plan.
- » Total consumption (Urea fertilizer): 864.50 thousand » Contribution to the State budget: VND86.18 billion, reaching 156% of the plan.
  - remaining dividend in 2016 at the rate of 5% (equivalent to VND500 per share).

PVCFC 7



#### REPORT OF BOARD OF SUPERVISORS (CONTINUED)



Automatic port system at Ca Mau Fertilizer Plant

» Business situation: PVCFC's plant has operated safely and stably with the average capacity of 103.2%, completing the production target in 2017 in 53 days ahead of schedule. Total production maintenance was performed in safety, on schedule and ensuring cost efficiency.

PVCFC continued to maintain and increase the consumption proportion in target markets. Deployed sales promotion toward diversification in content and form of cooperation. Put distribution management system (DMS) into trial operation and received positive feedback from agents and end-customers.

The Company has launched new brand identity, communication strategy and website. Communication and market research were organized regularly through organizing customer conferences, farmer seminars; sponsorship, advertising and CSR programs, etc.

» Implementation of construction projects: Two large projects i.e. investment project to produce complex fertilizer from molten urea with capacity of 300,000 tons per year for which the Company has signed EPC contract, commenced the construction on November 8<sup>th</sup> 2017 and move forward to next steps at present, and 500,000-ton-per-year material import port for which construction drawings and cost estimates are being completed according to the technology adjustment plan.

Total implemented value of investment projects in 2017 was VND161.95 billion, reaching 30% of the plan. All investment projects are implemented in accordance with the applicable regulations and are strictly supervised.



PVCFC has cooperated with domestic and foreign partners to study the liquid, biological and smart fertilizer lines applied in high-tech agriculture.

- » Research and development: In 2017, PVCFC has launched its R&D center, improving facilities, organizational structure, processes and regulations. Completed studies on product characteristics and evaluation on crop efficiency in saline soil, acid soil and organophosphate poisoning soil. In addition, PVCFC has cooperated with international and local partners to research liquid, biological and smart fertilizer lines applied in high-tech agriculture.
- Restructuring: PVCFC has coordinated with the consulting firm to finalize capital strategy and made report to the Group on PVN's divestment from PVCFC, down to 51% under the Restructuring plan approved by the Government.
- » Corporate governance: Corporate governance is always paid highest attention from the Company's leadership. The Company has put into application and implemented effectively modern management systems. The Company is also developing development strategy, building corporate culture, creating environment and motivation for sustainable development.

Strengthening human resources, promoting assignment and decentralization in the leadership; modifying, supplementing and finishing regulations and processes in accordance with the State's regulations and the actual situation at the Company.

» Financial investment: As of December 31<sup>st</sup> 2017, PVCFC invested in only one (01) subsidiary - PetroVietnam Packaging Joint Stock Company with the contributed capital of VND20.83 billion, accounting for 51.03% of charter capital of this company.

#### SUPERVISION ON FINANCIAL POSITION

Based on inspecting and supervising the actual operation at the Company and the auditor's report of independent auditor (Deloitte Vietnam Co., Ltd.) on financial statements for the fiscal year ended December 31<sup>st</sup> 2017, BOS assessed that the financial position of PVCFC in 2017 was healthy, ensuring debt repayment, capital preservation and development. The assessment results are as follows:

- » The financial statements have given a true and fair view, in all material respects, of the financial position of the Company as at December 31st 2017.
- » The financial statements have fully presented the business results and the financial position of the Company and are presented in accordance with the applicable forms as regulated by the Ministry of Finance.
- » The recording, opening of accounting books, and classification of accounts have met the accounting standards issued by the Ministry of Finance.
- » PVCFC has complied with regulations on capital management and financial management in 2017.
- » Key financial ratios were higher than allowable levels, to be specific: current ratio (1.92 times), quick ratio (1.77 times), debt to total assets ratio (0.51 times), debt-to-equity ratio (1.02 times), Return on Equity ROE (10.69%), and Return on Assets ROA (5.03%).



#### REPORT OF BOARD OF SUPERVISORS (CONTINUED)

#### SUPERVISION ON ACTIVITIES OF BOD AND BOM



In 2017, BOD organized 6 official meetings to make timely decisions and directions in carrying out the tasks assigned by GMS. The reports of BOD and BOM have fully and truly reflected the business results of PVCFC in 2017.

99

- » BOD has issued resolutions and decisions related to the operation of PVCFC in accordance with the order and authority, the law and the Company's regulations. BOM has also instructed functional departments to strictly implement the resolutions and instructions of BOD and GMS
- » BOD members have fully participated in meetings and worked in high sense of responsibility. They have well performed the role of supervising, directing and creating favorable conditions for BOM to operate business activities.
- » BOM has made great efforts and managed PVCFC's activities in a flexible way, always complied with the law, improved the management and operation, optimized production, reduced costs, took the initiative in product consumption and over fulfilled the business targets of 2017.



BOM signed cooperation with Viettel on application of Customer Management Software

#### ASSESSMENT ON COORDINATION AMONG BOS, BOD AND BOM

The coordination between BOS, BOD and BOM is based on the principles of transparency, clarity, and compliance with the law to ensure the interests of the Company and shareholders.

BOD and BOM have closely coordinated, supported and facilitated BOS in inspection and supervision. Provided full information, invited BOS to attend all meetings, and implemented the recommendations of BOS.

#### COMMENTS AND RECOMMENDATIONS

In 2018, in addition to certain advantages, the Company still encountered many difficulties and challenges. In order to maintain and improve business performance, BOS has some recommendations as follows:

- » Continue to improve corporate governance, strictly control costs and inventory, reduce production costs and effectively manage cash flow.
- » Strengthen risk management in business operations.

- » Promote research for new products, diversify products with high added values.
- » Strictly control the progress and cost of investment projects, especially NPK project.
- » Promote preparing market penetration for NPK products.

#### **BOS PLAN FOR 2018**

BOS will continue to supervise and periodically inspect the operations of PVCFC as well as strengthen the coordination between BOS and BOD, BOM and relevant departments so that the receipt and treatment of information among the parties get the most effectiveness. The operating plan of BOS in 2018 focuses on the following contents:

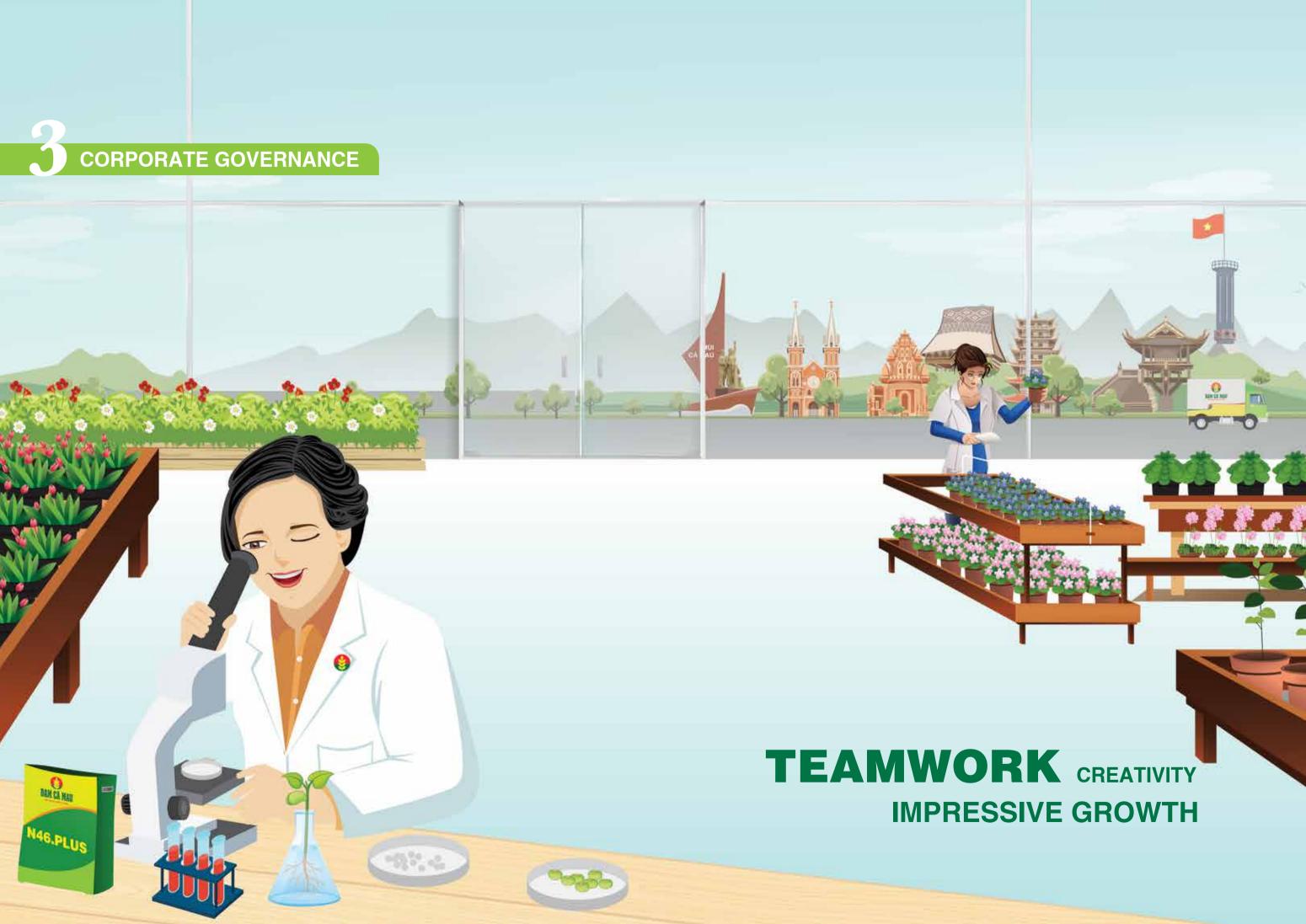
- » Supervise the management and operation of PVCFC according to the functions and duties stipulated in the Law on Enterprises and the Company's Charter.
- » Supervise the compliance with the law and the Company's Charter as well as the implementation of resolutions and decisions of GMS and BOD, regulations of Vietnam Oil and Gas Group (PVN) and internal regulations of the Company.
- » Inspect and supervise the implementation of business plan in 2018.

- » Inspect and supervise the implementation of economic-technical norms, cost saving/reducing measures.
- » Inspect and supervise the implementation of investment projects.
- » Inspect and supervise the management of owner's equity and PVCFC's capital in other entities.
- » Supervise the construction and deployment of PVN's divestment, down to 51% of charter capital of PVCFC.
- » Verify financial statements and quarterly/annual financial position of PVCFC.
- » Make reports and implement other duties as requested by GMS and PVN and in accordance with the prevailing regulations.

#### SELECTION OF INDEPENDENT AUDITOR

Considering and evaluating the auditing firms approved by State Securities Commission for listed companies, BOS proposed GMS to authorize BOD and BOS to select one of those auditing firms:

- » Deloitte Vietnam Co., Ltd.
- » Ernst and Young Vietnam Limited will conduct the audit for financial statements for fiscal ending 2018.





#### STRUCTURE AND OPERATION OF BOD

#### MEMBERS AND STRUCTURE OF BOD

BOD in the term 2015-2020 has 5 members, including Chairman, 01 Member cum General Director, 02 members and 01 independent member.

| No. | Board of Directors | Position     | Number of representing shares | Number of holding shares | Remark                         |
|-----|--------------------|--------------|-------------------------------|--------------------------|--------------------------------|
| 1   | Nguyen Duc Thanh   | Chairman     | 135,323,057                   | 8,100                    |                                |
| 2   | Bui Minh Tien      | Board member | 105,880,000                   | 52,000                   | Cum PVCFC'<br>General Director |
| 3   | Tran My            | Board member | 79,410,000                    | 2,900                    |                                |
| 4   | Tran Chi Nguyen    | Board member | 79,410,000                    | 1,600                    | Cum PPC'<br>Chairman           |
| 5   | Tran Thi Binh      | Board member | 0                             | 0                        | Independent<br>Board member    |

#### **OPERATIONS OF BOD**

he activities of BOD are carried out on a collective basis according to the law, the Company's Charter and specific assignment to each member in each field to verify the contents under the BOD's competences

before making decision. At the same time, according to the assigned field, the members direct, supervise and push BOM to implement BOD's resolutions and decisions, ensuring governance effectiveness.

In 2017, BOD held 06 meetings with full attendance of all members. The meetings of BOD focused on solving important issues in development and implementation of business plans, key investment projects, etc.; reviewing vision and mission in line with the Company's strategic orientation.

BOD successfully held Annual General Meeting of Shareholders on April 21<sup>st</sup> 2017 with the attendance of all members of BOD, BOS and BOM. At the meeting, the Company's leadership satisfactorily answered the questions from shareholders. Voting results of each content are recorded in Meeting minutes. Meeting minutes and resolutions have been announced in sufficient and timely manner.



Annual General Meeting of Shareholders 2017

Apart from the 06 direct meetings, BOD approved the decisions by way of collecting written opinions. In 2017, the Board issued 98 Resolutions, Decisions including some important decisions as follows:

| No. | Resolution/<br>Decision | Date       | Content  |
|-----|-------------------------|------------|--|
| 1   | 25/NQ-PVCFC             | 05/01/2017 | Approving business plan for 2017 of PVCFC.   |
| 2   | 60/QÐ-PVCFC             | 12/01/2017 | Approving business plan for 2017 of PPC.   |
| 3   | 63/NQ-PVCFC             | 30/03/2017 | Approving operation plan of PVCFC's BOD in 2017.   |
| 4   | 108/NQ-PVCFC            | 23/01/2017 | Approving list of credit institutions and deposit limit of PVCFC in 2017.  |
| 5   | 109/QÐ-PVCFC            | 25/01/2017 | Approving the policy on developing business digitization project and customer services of PVCFC.   |
| 6   | 181/QÐ-PVCFC            | 10/02/2017 | Approving business management mechanism of PVCFC.  |
| 7   | 257/NQ-PVCFC            | 22/02/2017 | Approving operation plan for 2017 of supervisors and BOS members representing PVCFC at PPC.  |
| 8   | 283/QÐ-PVCFC            | 24/02/2017 | Approving and releasing management mechanism of investment capital in other enterprises of PVCFC.  |
| 9   | 374/QÐ-PVCFC            | 10/03/2017 | Approving trial business plan of 2,000 tons of DCM+Nano Chitosan.  |
| 10  | 420/QÐ-PVCFC            | 22/03/2017 | Releasing Compliance management mechanism.   |
| 11  | 442/QÐ-PVCFC            | 27/03/2017 | Establishing Branch of PVCFC - Research & Development Center.  |
| 12  | 498/QÐ-PVCFC            | 27/03/2017 | Approving the implementation of social security items in 2017 of PVCFC.  |
| 13  | 589/NQ-PVCFC            | 07/04/2017 | BOD's Meeting for the Quarter I/2017.  |
| 14  | 615/NQ-PVCFC            | 12/04/2017 | Approving contents of Annual General Meeting of Shareholders 2017 of PPC.  |
| 15  | 714/NQ-PVCFC            | 21/04/2017 | Annual General Meeting of Shareholders 2017.   |
| 16  | 752/QÐ-PVCFC            | 27/04/2017 | Approving and releasing temporary material consumption norms in producing N46.Plus and N46 Nano C+ fertilizers of PVCFC.   |
| 17  | 753/QÐ-PVCFC            | 03/05/2017 | Amending and supplementing Regulations on compensation and benefit management.   |
| 18  | 794/QÐ-PVCFC            | 10/05/2017 | Approving contractor selection plan for the remaining items of the project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year".   |
| 19  | 882/QÐ-PVCFC            | 18/05/2017 | Releasing Regulations on salary, bonus and remuneration for management team.   |
| 20  | 899/QÐ-PVCFC            | 19/05/2017 | Approving scope of works and cost estimates of EPC Package "Design, supply of materials and construction" of the Project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year". |
| 21  | 925/QĐ-PVCFC            | 24/05/2017 | Receiving and appointing Mr. Nguyen Tuan Anh.  |
| 22  | 943/QĐ-PVCFC            | 26/05/2017 | Paying dividend of 2016 for shareholders.  |
| 23  | 946/QÐ-PVCFC            | 26/05/2017 | Approving scope of works and cost estimates of the Package "Project management consultancy" of the Project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year".               |

#### STRUCTURE AND OPERATION OF BOD (CONTINUED)

| No. | Resolution/<br>Decision | Date       | Content  |
|-----|-------------------------|------------|--|
| 24  | 1046/QÐ-PVCFC           | 05/06/2017 | Approving the revised contractor selection plan for the Package "Design, fabricate and supply Heat Exchanger E06102 for PVCFC".  |
| 25  | 1050/NQ-PVCFC           | 05/06/2017 | Approving the selection of Deloitte Vietnam Co., Ltd. as independent auditor for financial statements for the year ended 2017 of PVCFC.  |
| 26  | 1263/NQ-PVCFC           | 07/07/2017 | BOD's Meeting for the Quarter II/2017.   |
| 27  | 1286/QÐ-PVCFC           | 12/07/2017 | Amending contractor selection plan as per Decision no.794/QĐ-PVCFC dated 10/5/2017 of the Project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year".  |
| 28  | 1641/QÐ-PVCFC           | 23/08/2017 | Releasing Regulations on salary, bonus and remuneration for the representatives of PVCFC's contributed capital in other entities.  |
| 29  | 1781/QÐ-PVCFC           | 15/09/2017 | Approving contractor selection result for the Package: Design - Material and equipment procurement - Construction and trial running of the Project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year". |
| 30  | 1799/QÐ-PVCFC           | 20/09/2017 | Approving contractor selection result for the Package "Design, fabricate and supply Heat Exchanger E06102 for Ca Mau Fertilizer Plant".  |
| 31  | 1925/NQ-PVCFC           | 18/10/2017 | BOD's Meeting for the Quarter III/2017.  |
| 32  | 1994/QÐ-PVCFC           | 31/10/2017 | Approving PVCFC's development strategy toward the image of a "Nurturer" (in 2017- 2020).   |
| 33  | 2012/QÐ-PVCFC           | 06/11/2017 | Approving economic growth update (FID) of the project "Producing complex fertilizer from molten Urea, capacity of 300,000 tons/year".  |
| 34  | 2205/QĐ-PVCFC           | 05/12/2017 | Cooperating to distribute Israel Potash.   |
| 35  | 2212/QĐ-PVCFC           | 06/12/2017 | Collecting shareholder comments in written to extract scientific and technological development fund.   |
| 36  | 2245/QĐ-PVCFC           | 11/12/2017 | Approving HR plan and salary fund for employees in 2017.   |
| 37  | 2246/QÐ-PVCFC           | 11/12/2017 | Approving salary fund, remuneration and bonus funds for the Company's management team in 2017.   |
| 38  | 2323/QĐ-PVCFC           | 14/12/2017 | Approving and issuing "Economic-Technical Norms of PVCFC".   |
| 39  | 2354/QĐ-PVCFC           | 19/12/2017 | Approving the selection of construction design and cost estimates of the Project "Material import port of Ca Mau Fertilizer Plant, capacity of 500,000 tons/year".   |

#### REPORT ON PERFORMANCE OF EACH BOD MEMBER

According to Resolution No.206/NQ-PVCFC dated March 2<sup>nd</sup> 2015 regarding "Assign the professional areas in BOD", the BOD has assigned works to each member as follows:

Mr. Nguyen Duc Thanh, Chairman of BOD, takes general responsibility in running BOD and relation with major shareholders, Parent Company and State administrative agencies; is directly in charge of the issues related to personnel and training, employee policies, promulgation and amendment of strategies, general regulations and policies, R&D, etc.; and directs the representatives for the Company's contributed capital in its subsidiary.

Mr. Bui Minh Tien, General Director, operates the Company's operation; is responsible for cooperation projects, joint venture companies/projects, and capital connection with other entity; and supervises operations of Parent company and subsidiary (PPC).

Mr. Tran Chi Nguyen is responsible for communication and trading, financial and accounting management, managing share issuance, share offering, and capital mobilized from share issuance. Mr. Tran Chi Nguyen also holds the position of Chairman of BOD of PetroVietnam Packaging JSC (PPC).

Mr. Tran My is responsible for business plan, bidding, investment projects, and legislation and plays the role of stock market commentator.

Ms. Tran Thi Binh, independent member of BOD, undertakes long-term development strategy, economic-technical norms and technical process and product quality standards.

BOD has issued Resolution no.63/NQ-PVCFC dated January 13<sup>th</sup> 2017 approving operating plan of BOD and each member in 2017. Accordingly, all BOD members have fulfilled their duties effectively in their assigned scoped of works, reviewed and summarized the material issues (in operation, finance, compliance and risk management) with a high sense of responsibility as well as directing all the Company's activities smoothly to complete the assigned tasks.

#### ACTIVITIES OF INDEPENDENT MEMBER OF BOD AND SUBCOMMITTEES.

Independent member of PVCFC's BOD has many years of experience in management and owns professional competences suitable to the Company's requirements and the assigned areas.

As assigned, independent member is in charge of long-term development strategies, economic-technical norms,

technical processes and product quality standards. The comments of the independent member in 2017 have shown a high role and responsibility in objective and independent manners.

BOD does not establish sub-committees.

#### CORPORATE GOVERNANCE TRAINING

All members of PVCFC's BOD meet the standards in accordance with the laws and the Company's Charter and are trained in corporate governance.

#### CHANGES IN HUMAN RESOURCES.

During the year, BOD decided to receive and appoint Mr. Nguyen Tuan Anh as the Company's Deputy General Director.

#### OPERATING EXPENSES OF BOD

The Board members regularly work at the Company and use working rooms, utilities, means of transport, and working tools, participates in business trips and training, etc. according to the Company's Regulations on administrative norms and equipment, Regulations on business trip allowance, employee policy, etc. All expenses are allocated into general operating expenses of the Company.



## SALARIES, BONUSES, REMUNERATIONS AND BENEFITS OF BOD, BOM, AND BOS

#### BOARD OF DIRECTORS AND BOARD OF SUPERVISORS

| No. | Full Name            | Position                             | Salary -<br>compensation | Bonus -<br>welfare | Total income |
|-----|----------------------|--------------------------------------|--------------------------|--------------------|--------------|
| I.  | Board of Directors   |                                      |                          |                    |              |
| 1.  | Nguyen Duc Thanh     | Chairman                             | 77.4%                    | 22.6%              | 100.0%       |
| 2.  | Bui Minh Tien        | Board member cum<br>General Director | 78.7%                    | 21.3%              | 100.0%       |
| 3.  | Tran My              | Member                               | 84.6%                    | 15.4%              | 100.0%       |
| 4.  | Tran Chi Nguyen      | Member                               | 84.8%                    | 15.2%              | 100.0%       |
| 5.  | Tran Thi Binh        | Member                               | 84.6%                    | 15.4%              | 100.0%       |
| II. | Board of Supervisors |                                      | -                        |                    |              |
| 1.  | Phan Thi Cam Huong   | Chief                                | 84.5%                    | 15.5%              | 100.0%       |
| 2.  | Do Minh Duong        | Member                               | 87.8%                    | 12.2%              | 100.0%       |
| 3.  | Nguyen Thanh Hao     | Member                               | 100.0%                   | _                  | 100.0%       |

#### BOARD OF MANAGEMENT AND CHIEF ACCOUNTANT

| No. | Full Name           | Position                                   | Salary -<br>compensation | Bonus -<br>welfare | Total income |
|-----|---------------------|--|--------------------------|--------------------|--------------|
| I.  | Board of Management |  |                          |                    |              |
| 1.  | Hoang Trong Dung    | Deputy General Director                    | 84.3%                    | 15.7%              | 100.0%       |
| 2.  | Van Tien Thanh      | Deputy General Director                    | 82.3%                    | 17.7%              | 100.0%       |
| 3.  | Nguyen Duc Hanh     | Deputy General Director                    | 84.5%                    | 15.5%              | 100.0%       |
| 4.  | Le Ngoc Minh Tri    | Deputy General Director                    | 84.8%                    | 15.2%              | 100.0%       |
| 5.  | Nguyen Tuan Anh     | Deputy General Director (since 01/06/2017) | 83.7%                    | 16.3%              | 100.0%       |
| II. | Chief Accountant    |  |                          |                    |              |
| 1.  | Dinh Nhu Cuong      | Chief Accountant                           | 84.3%                    | 15.7%              | 100.0%       |

#### TRANSACTIONS OF INTERNAL SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS AND RELEVANT PERSONS

| No. | Transaction<br>conductor                                  | Relationship with internal<br>shareholders/ major<br>shareholders | Number of shares<br>holding at the<br>beginning of the<br>period (December<br>31st 2016) | Number of shares<br>holding at the<br>end of the period<br>(December 31 <sup>st</sup><br>2017) | Increase/<br>Decrease |
|-----|---|---|--|--|-----------------------|
| 1   | Dang Hoang Quan   | Husband / Phan Thi Cam<br>Huong - Chief of BOS                    | 90,119   | 9  | -90,110               |
| 2   | Do Minh Duong   | Member of BOS   | 53,000   | 2,000  | -51,000               |
| 3   | Tran Kim Phuong   | Wife / Tran Chi Nguyen -<br>Member of BOD                         | 10,000   | -  | -10,000               |
| 4   | Dinh Nhu Cuong  | Chief Accountant  | 216,700  | 56,700   | -160,000              |
| 5   | Trinh Cam Ly  | Wife / Nguyen Tuan Anh -<br>Deputy General Director               | -  | 23,000   | 23,000                |
| 6   | PetroVietnam Finance<br>Investment Joint<br>Stock Company | Major shareholder   | 53,839,980   | 45,174,690   | -8,665,290            |

The Company has no information on indirect shares of major shareholders and internal shareholders.

### CONTRACT OR TRANSACTION WITHINTERNAL SHAREHOLDERS

There was no transactions between the Company and the members of BOD, BOS and BOM and other management personnel in 2017.

## IMPLEMENTATION OF CORPORATE GOVERNANCE REGULATIONS

The Company fully complies with the law on governance in listed companies.

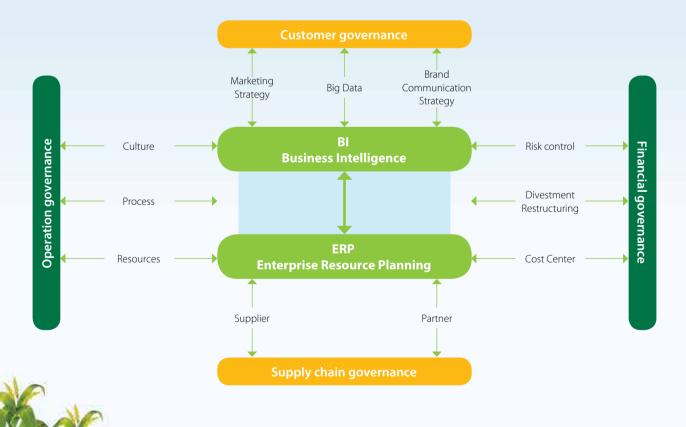




#### **CORPORATE GOVERNANCE AT PVCFC**

With comprehensive governance solutions and the Company's efforts, after more than 6 years of operation, PVCFC has preserved and grown capital, over fulfilled the business plan, and built an advanced and modern governance system, meeting to the fast, strong and sustainable development of the Company.

PVCFC indicates governance models in four key areas: financial governance, operations governance, customer governance, and supply chain governance, in which Enterprise Resource Planning (ERP) and Business Intelligence (BI) Reporting play the key and basic role.



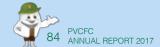


#### **PRODUCTION** GOVERNANCE

- Continue to apply controlling and supporting software in plant operation and maintenance such as CMMS, System 1, RBI, APC, etc, to enhance production efficiency. The enhancement of control applications has helped reduce the need of continuous supervision and minimize emergency handling during the production operation.
- Continue to simultaneously implement 5S program and ASK program (safety - 5S - initiative combination) to raise awareness and take the initiative in production safety, neat and clean working environment and continuous improvement.
- Build IT Master Plant model for Ca Mau Fertilizer Plant in 2018.

#### **ENTERPRISE RESOURCE** PLANNING (ERP) **GOVERNANCE**

- Continue to operate SAP ERP (went live from January 1st 2016) with modules on production management, purchasing management, warehouse management, sales management and develop more systems to complete finance and accounting module. Up to now, the system is working stably; information and data are updated continuously and timely to optimize resources and support the leadership in corporate governance.
- » Since early 2018, the Company has started to build Business Intelligence (BI) Reporting which gets input data from ERP system, integrates analysis, comparison and evaluation tools, provides the leadership with deep and wide information through graphical interface analysis reports, dashboards and support the leadership to make decisions in quick and accurate manners. It is expected to complete and go live at the end of 2018.



#### CORPORATE GOVERNANCE AT PVCFC (CONTINUED)

#### STRATEGIC **MANAGEMENT**

Being aware of challenges after 2018, PVCFC's BOM has actively selected a consulting agency to co-operate with the Company in building development strategy, focusing on the solutions after 2018 when the gas price regulation mechanism ends.

#### PLANNING AND **COST MANAGEMENT**

- » Standardize operating expenses planning in 2017 for cost centers:
- Assign and control a cost plan for each department in the Company in accordance with the objectives/action plans/implementation budget and cost centers to each department and thereby, manage and evaluate KPIs toward the form of cost allocation.
- Operating expense data are centrally controlled on SAP ERP system.

#### **RISK MANAGEMENT UNDER COSO-ERM STANDARDS**

» Set up and complete Enterprise Risk Management System under COSO-ERM standards of the United States to support the Company's governance and management. Integrate ERP-COSO-ISO-OHSAS systems to form a comprehensive control mechanism applicable to all activities at all levels.

#### **HUMAN RESOURCES MANAGEMENT**

- » Build a human resource management toolkits including: capability dictionary, key performance indicators (KPIs), and annual employee assessment criteria, based on feedbacks from relevant individuals/departments. Since the end of Quarter II/2017, KPIs have been established for business division to put into practice in April 2018.
- » Build up employee development program:
- Develop employee career path and suitable training programs in line with the Company's development strategy.
- > Standardize internal training program: building training matrix, E-library, and E-learning system.
- Application of training techniques to develop employees, improve productivity and performance.
- » Build talent management plan to discover, foster and care for the talented people, serving long-term goals of the Company.

#### CORPORATE CULTURE

Continue to build PVCFC culture, focusing on comprehensive human development, in 2018, the Company will continue to implement Phase 2 of "PVCFC Culture Reform" project - Build cultural identity by developing and implementing cultural handbook to fine-tune core values and differentiating features in PVCFC culture.





#### **RISK MANAGEMENT**



From the start, PVCFC has applied enterprise risk management model under COSO framework. PVCFC has completed COSO risk management system - Phase 1 in the previous vears. In 2017, the Company continued to carry out Phase 2: COSO - ERM.

99

#### **ACHIEVEMENTS**

#### PRODUCTION AND ENVIRONMENTAL PROTECTION RISK

At PVCFC, risk management has been set up since its business commencement date (in 2012). Up to now, the Plant always operates in safe and stable condition and is no serious incident related to occupational safety, fire and explosion, or environment. Product quality indicators are always equal to or even higher than the disclosed standards. Environmental indicators are always conformable and within the permitted limit of Vietnamese standards (TCVN), international standards (ISO), and European standards (IEC) through the specialized and interdisciplinary investigations and assessments of independent organizations and State authorities.

The Company is always proactive in training and operating by internal training programs and operation training simulator (OTS); Contacting and collaborating with State authorities (Department of Natural Resources and Environment, Department of Labor, War Invalids and Social Affairs, Fire Fighting and Prevention Police) to organize compulsory training and coaching courses according to law to raise awareness of occupational safety, health and environment.

The employees' initiatives have been successfully applied in production to enhance products quality, save energy and protect environment, bringing high effectiveness in economic, social and environment.

#### **MARKET RISK**

#### Risks in oversupply

PVCFC improves capability of existing distribution network, reviews and completes policies on sales, aftersale services, and promotes exportation to overseas market.

#### Competitive risk

PVCFC focuses on building strategic plan and flexible/appropriate business model to exist and develop under the pressure of fierce competition in the current market.

#### New products development risk

Catching the trend of the world, turning into organic and biological fertilizers usage instead of inorganic fertilizer, PVCFC has produced smart and hi-end fertilizers to provide solutions for soil improvement.

Responding to climate changes in recent years and heading toward environmentally-friendly goal, PVCFC actively researches and develops new products as well as strengthens cooperation with local and overseas partners in Japan, USA, India, and Canada. Particularly, many highend fertilizers (N.Humate + TE, N46.Plus, DAP, Potash, etc.) with verified high efficiency have been introduced by the Company and received positive support from the market.

#### **FINANCIAL RISK**

#### Interest rate risk

PVCFC restructures loans to reduce loan interest, balances cash flows, analyses, assesses and chooses deposit terms with higher interest rate.

#### **Exchange rate risk**

The Company balances cash flows to use advanced payment contracts and makes provision for fluctuations in exchange rate.

#### RISKS RELATED TO INVESTMENT IN SUBSIDIARY

PVCFC has one subsidiary: PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (PPC). At present, PPC is showing its impressive business performance thanks to many solutions in production management, corporate governance, and business operation.



### RISKS RELATED TO ACTIVITIES, COMPLIANCE, AND CHANGES IN LEGISLATION

#### Risks in activities and compliance

Implementing project of building internal control system under COSO-IC integrated with COSO-ERM, PVCFC and PwC (Pricewaterhouse Cooper) have successfully reviewed and set up the whole production and business process of the Company in accordance with the best standards and practices in Vietnam and the world to improve efficiency and control risks in activities of the Company's departments. In addition, to ensure enforceability and compliance, in activities and efficiency of internal control system, PVCFC and PwC consultant have successfully set up and put compliance control system into operation in line with COSO and prevailing practices.

#### **PVCFC** is affected by legislation changes

Deletion of VAT of 5% on fertilizer has considerably affected the Company's business operations. However, to minimize competitive pressure and create more surpluses, the Company diversifies and improves product quality and actively expands local and overseas market as well as actively cooperates with other enterprises in fertilizer industry and State authorities to request Ministry of Industry and Trade, Ministry of Finance and the Government to apply VAT of 0% for fertilizers.

#### **RISK MANAGEMENT STRATEGY IN 2018**

PVCFC continues the roadmap of building and finishing internal control system and enterprise risk management effectively under COSO framework. In 2017 and 2018, PVCFC continues to work with PwC to develop and put Enterprise Risk Management System (ERM) under COSO framework into application. Subsequently, the Company will complete the remaining components of internal control system and officially put the most advanced internal control system integrated with enterprise risk management system under COSO framework in 2018.

#### STRUCTURE AND OPERATION OF RISK MANAGEMENT SUBCOMMITTEE

Operating in the field of Urea production from gas materials, PVCFC pays high attention to risk management, especially risk in fire safety and environment. At present, the Company is applying a risk management model including the Board of Supervisors and there is no Risk Management Committee or Risk Management Committee. The Company has a Risk Management Division under Internal Control Board and risk management staffs who are working at the departments, divisions and workshops and are responsible for developing and applying risk management tools, identifying risks and proposing solutions to prevent and minimize losses upon actual risks.





#### SUSTAINABLE DEVELOPMENT MESSAGE

Operating in the field of producing and solutions for plants, PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company (PVCFC) asserted its long-term goal of sustainable development in a strategy is reflected through many action programs and can be summarized in three active aspects: product, human and community.

**PVCFC** of product, concentrates on promoting research and development of new products toward organic trend, harmonizing the elements of land, water, air, etc. to ensure production development is closely associated with environmental preservation. The Company also transfers fertilizer techniques properly to farmers to minimize environmental impact.

For human factor, PVCFC defines trading fertilizer and providing nutritional this is either target or motivation for development. Therefore, the Company always has a strategy to support, train and develop human resources sustainably, including the reform of sustainable agriculture in Vietnam. That a corporate culture with both solid foundation and identity. It is an environment where the differentiation is respected to promote creativity and mindset is constantly innovated to enhance professional qualifications and skills.

> In order to going far and sustainably, PVCFC determined an association with the community. It is also the mission of PVCFC to balance benefits among stakeholders and fulfill the responsibilities to society, community and environment. The recognition of the community is a true measure for the Company's sustainable development.

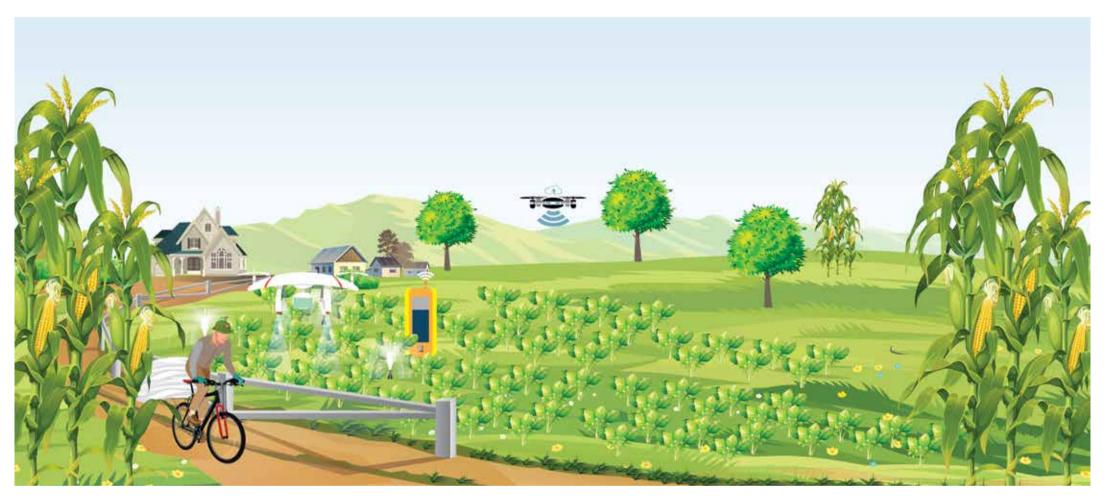








#### **REPORTING STATEMENTS**



Throughout the development history, PVCFC has always given sustainable development a strategic position and implemented the economic growth objectives on the principle of balancing interests among stakeholders toward the prosperity of the community, society and environmental sustainability.

2017 is an important year for PVCFC reflecting clearly the breakthrough, willingness, and "think innovatively - take action innovatively" motto of the Company in every activity so that PVCFC is ready to enter a new development period whereas sustainable development goals continue to be put at a deeper and more comprehensive level in all production and business activities.

#### Contents of sustainable development report

In 2017, PVCFC actively applied Sustainability Reporting Handbook according to the Guidelines on preparation of Annual Report 2016 of Vietnam Annual Report Awards (ARA), Guidelines on environmental and social disclosure of State Securities Commission, and Circular No.155/2015/ TT-BTC of the Ministry of Finance giving guidance on information disclosure in the securities market. We also referred to GRI Standards in determining material areas affecting the stakeholders to have a comprehensive view in developing the contents of sustainable development report as well as giving out sustainable business strategies in the future.

During the year, although facing many difficulties and challenges, PVCFC actively analyzed the factors that have been causing positive and negative effects on business operations to ensure highest business efficiency and balance benefits of stakeholders.

#### Report period

Information and data in sustainable development report are updated for the fiscal year ended 2017 of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company, from January 1st 2017 to December 31st 2017. The reports on occupational safety, society, and environment are consolidated from main activities at Parent company and member companies. The report reflects operating results in 2017 and mentions the Company's sustainable development orientations and objectives for the coming years.



PVCFC always strives to maintain effective business in order to bring practical contributions to the lives of farmers and the national economy which helps create jobs for millions of Vietnamese people.

### Method to determine contents of the report

Approaching sustainable development issues at PVCFC results from the Company's long-term growth goals in combination with social development and environmental protection to make positive contributions to the general development of the society.

2017 was the third year PVCFC presented sustainable development contents as a part of Annual Report. The issues relating to sustainable development goals continued to be assessed and considered in relation to current activities. Critical issues were clearly determined to be reviewed, improved and further presented in sustainable development report 2018.

#### Scope and boundary of the report

The report was prepared in Vietnam, regarding to fertilizer production and trading, for the activities of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company (PVCFC) and its subsidiary and functional departments.



#### **Contact**

We are looking forwards to your sincere opinions for a more transparent and sufficient report contents. To give your feedback on sustainable development report, please access to:

» Website: http://www.pvcfc.com.vn/ (Contact)

PVCFC 95



#### PARTICIPATION OF STAKEHOLDERS

## CUSTOMERS - • » FARMERS

- » Considering the trust and satisfaction of customers as a measure of product quality and brand credibility in the market.
- » Providing quality products into the market which are suitable for many kinds of soils and plants, environmentally-friendly and with reasonable prices.



- Expressing gratitude to customers through the farmer accompanying programs such as "For Golden Harvest - Sincere Gratitude", promotion activities and after sales services.
- » Actively protecting customers from counterfeit and poor quality fertilizers; promoting methods to identify real and fake products.

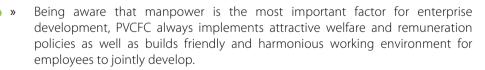
## CUSTOMERS - • » DISTRIBUTORS & AGENTS



Commitment long-term benefits for distributors, especially agent network through sales promotion activities, farmer seminars, logistics, promotion programs, discounts, etc. according to the Company's sales policy.

» Supporting consultancy on new products N46.Plus which was launched in the market in 2016, giving clear consultancy on efficiency and environmental friendliness.

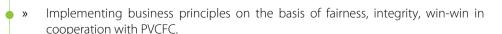
#### EMPLOYEES ♦ »





- » As expected in 2018, PVCFC will apply KPI to raise fairness and transparency in employee's performance assessment and clarify responsibilities of each employee in each specific position and job title.
- » PVCFC increasingly studies to release and modify policies on salary, bonus and allowance clearly to be worth the efforts and dedication of employees, especially allowance for workers in the Plant.

#### PARTNERS • »





- » Building transparent collaboration mechanism without opportunism affecting the Company's general benefits.
- » Fair treatment among domestic and overseas partners.

#### SUPPLIERS • »





- Selecting suppliers transparently and fairly, based on their profiles, quality, competences and experiences, etc.
- » Not disclosing confidential information of suppliers to their competitors.

## SHAREHOLDERS • AND INVESTORS

Always paying high attention to information disclosure in accordance with regulations of the Ministry of Finance to ensure timely information provision to shareholders and investors and transparency in business operations.



- » Actively disclosing important information which may have influence on rights and benefits as well as decisions of investors to help shareholders and investors follow up closely with activities of PVCFC.
- » Exchanging and disclosing information must ensure an equal investment opportunity for all investors.
- » Not disclosing information of investors and shareholders without permission.

## SOCIETY - \* \* COMMUNITY

» PVCFC always puts responsibilities to society and environment above all in our sustainable development strategies and is committed to minimizing environmental impacts in operating the Plant.



- All activities of PVCFC are implemented with highest business ethics and sense of responsibility to ensure environmental protection, bring values to the farmers and contribute to the general growth of the society and the country.
- » Continuing to promote "For Golden Harvest Sincere Gratitude" program, charity activities, scholarship and donation to poor students, joining hand to develop the community.

# LOCAL • » AUTHORITIES AND STATE » AGENCIES

- » Strictly complying with the laws on tax, environmental protection, occupational safety, etc.
- » Actively coordinating with local authorities in building factory, completing the project phase on schedule, contributing to the State budget and creating jobs for local labor force.



Giving appropriate suggestions to adjust the policies and regulations that are not suitable to the reality, helping the Government and the State agencies for better management.

## PRESS AND • » MEDIA

- » Building a good relationship with press and media agencies on the basis of transparency and legality.
- » Providing messages and information about the Company's activities clearly, accurately, sufficiently, and objectively.



Providing information relating to counterfeit fertilizers so that the press and media agencies can promptly inform to the farmers.

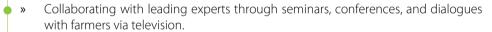
## MECHANISM TO RECEIVE OPINIONS FROM STAKEHOLDERS

In the general tendency on essential needs of sustainable development, PVCFC always focuses on the influence ability of stakeholders regardless of small or large extent. Therefore, all feedback from the stakeholders is considered and solved by PVCFC. During the year, PVCFC has actively built a sustainable relationship with each stakeholder, based on the brand value and business ethics of the Company to bring long-term value chain for all parties.

In 2017, sustainable development matters were paid high attention by PVCFC. The Company actively approached and exchanged with stakeholders via many interactive channels. The mechanism to receive opinions from stakeholders is specified as below:

#### **SUBJECTS • INTERACTION CHANNELS**

## CUSTOMERS - • » FARMERS





» Organizing training and coaching courses about technical knowledge and fertilizer application methods for farmers.

- » Connecting and honoring achievements of farmers through meaningful programs such as promotion (in forms of gifts or products); giving gifts such as clothes, helmets, plastic basin for fertilizer distribution, etc. to the farmers both in Vietnam and Cambodia.
- » Setting up 24/24 telephone exchange to directly receive feedback from farmers.

## CUSTOMERS - \* \* DISTRIBUTORS & AGENTS \*

- » Negotiating to sign sales contracts with local and overseas distributors, agents, and commercial customers to consume products.
- » Interacting with customers to know their demands and expectations through marketing teams in Vietnam and in Cambodia.



- » Deploying regular customer care programs such as visiting and giving gifts to customers on their special occasions.
- » Connecting customers through tourism activities, etc.
- » Creating connection between distributors and agents.
- » Interacting with customers via 24/24 telephone exchange.

#### **SUBJECTS • INTERACTION CHANNELS**

#### PARTNERS • »

» Meeting and exchanging directly with partners.



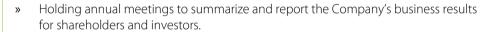
- » Getting agreement in cooperation contracts to build long-term relationships.
- » Cooperating to expand scope of agricultural value chains, especially focusing on researches to create products and services in the direction of providing "nutritional product ranges" for high value plants.

Organizing annual or extraordinary General Meeting of Shareholders according to

## SHAREHOLDERS • » AND INVESTORS



- law.
- » Exchanging via email, phone, fax, etc.



- » Disclosing information in the Company's website.
- » Participating in investment forums and seminars to share information and investment opportunities.

## LOCAL • » AUTHORITIES AND STATE AGENCIES



- » Making all required reports during the operating progress such as environmental protection, firefighting and prevention, price declaration and announcement, fertilizer market stabilization, regulations on promotion and advertising, etc.
- Giving opinions on legal documents issued by the State.
- Coordinating with investigation teams of ministries, departments, etc., explaining relevant matters and fixing outstanding limitations (if any) as requested by the investigation teams.
- » Coordinating with State agencies to prevent fake and poor quality products.
- » Joining organizations and associations such as Fertilizer Association of Vietnam, Oil and Gas Young Enterprise Association, etc.
- » Attending the conferences and seminars held by ministries, departments, etc.
- » Coordinating with State agencies and related entities to deploy the key programs such as "Large-scale rice field model", "New-type cooperative model" to supply fertilizers for material zones at the localities.



#### MECHANISM TO RECEIVE OPINIONS FROM STAKEHOLDERS (CONTINUED)

#### **SUBJECTS • INTERACTION CHANNELS**

#### EMPLOYEES ♦ »

Approving Collective Bargaining Agreement signed between the Company's leaders and the employees' representative.



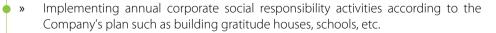
Establishing Trade Union, Veterans Association, Youth Union, Club for the Women's Advancement, etc.

- Getting opinions via email, surveying, etc.
- Holding programs to vote typical individuals and collectives.
- » Holding programs to propagandize occupational Health Safety Environment for entire employees, especially the employees working in factory.
- Deploy "PVCFC culture reform".
- Organizing seminars and inviting speakers to share experiences and skills for
- Building training plan and organizing training courses for employees.
- Organizing internal activities on art, sport, tourism, etc.
- Encourage employees to participate in charity activities such as supporting flood victims, poor people, poor students, building gratitude houses, etc.

#### SUPPLIERS • »

- Directly meeting and exchanging via email, phone, etc. with suppliers.
- Approving regulations and policies on procurement and consumption of products and services.
- Approving tending activities and evaluating suppliers.
- Building interactive channels between two parties to improve quality of products and services.

#### COMMUNITY - ♦ » SOCIETY





- Holding programs to share and support disadvantaged people due to natural disasters, etc.
- Maintaining annual scholarship "Dam Ca Mau For Golden Harvests" to support and encourage poor students with good achievements.
- Sponsoring events and activities of entities involved in agriculture, rural area, fertilizer, farmer, etc.

#### **SUBJECTS** • INTERACTION CHANNELS

#### PRESS AND • » MEDIA

- Disclosing information transparently in mass media.
- Meeting and responding to press interviews on request (direct, indirect).



Frequently updating important news and events in the Company's website, completing website contents in English to expand scope and reach foreign customers who want to learn about the Company in order to increase investment opportunities.





#### MECHANISM TO RECEIVE OPINIONS FROM STAKEHOLDERS (CONTINUED)

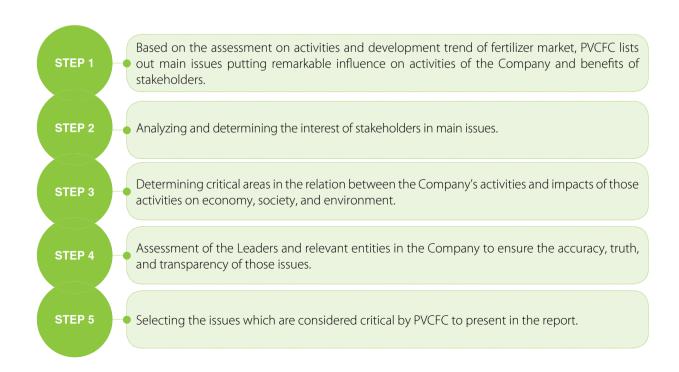
#### BASIS TO DETERMINE MATERIAL AREAS

PVCFC's Sustainable Development Report 2017 is prepared with lots of fluctuations and fierce competition in fertilizer market. In 2017, besides non-stop market manipulation of counterfeit and poor-quality goods, causing losses to consumers, the fierce competition from imported fertilizer also caused many difficulties for the local manufacturers. Therefore, this report will focus on the remedies to losses caused by the market as well as presenting best measures for the Company's business operations.

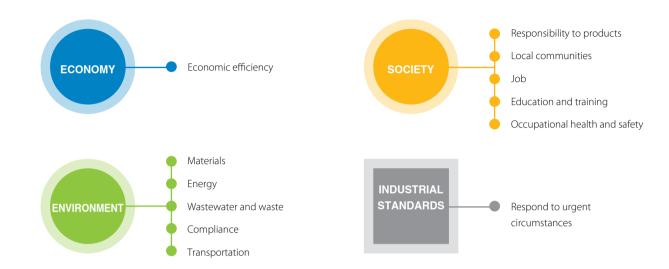
Sustainable development report of PVCFC in 2017 was implemented through the assessment on critical areas involved in economy, society and environment in relation with the Company's business operations as well as demand from stakeholders. Accurate determination of critical areas is very important to ensure best benefits of stakeholders and is a basis for further completion of sustainable report 2018.

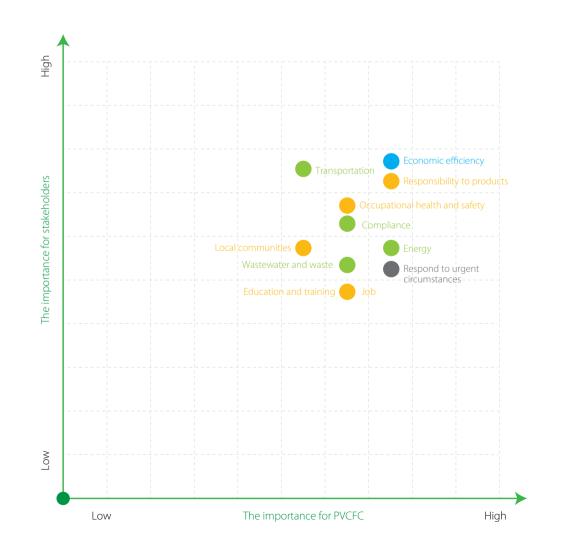
#### PROCEDURE OF CRITICAL AREAS ASSESSMENT AND DETERMINATION

Procedure for critical area assessment and determination includes the following steps:



#### Accordingly, the critical areas to be determined including:







#### **ETHICS AND INTEGRITY**

#### CORPORATE CUI TURE AT PVCFC



Corporate culture is a decisive factor for sustainable development and success of an enterprise and each enterprise has a unique culture. For PVCFC, the past 6 years of sustainable development are the strongest evidence for a corporate culture putting ethics, integrity and human development above all.

PVCFC gathered Vietnamese people who talented and brave together with the determination in working towards the set common goals. Each member of PVCFC always takes the initiative in their work and makes every effort to increasingly learn and improve themselves. They consider corporate culture and spirit of 7 effective habits that the Company deployed in early 2016 as a guideline. This is also the starting point for a PVCFC culture with modern working style, harmoniously combining traditional values of Vietnamese culture and global values which will be a foundation for the Company's leading position in the field of agricultural fertilizer.

"7 Effective Habits" have become the cultural foundation which helps PVCFC handle the work more effectively in a higher sense of responsibility, giving each member of PVCFC a motivation to self-train and improve individual capability to aim at new development in work and life. On the basis of its beautiful culture, PVCFC has increasingly gathered the best human resources and partners to achieve successes in every action plan and every innovation program in management and technology. Thanks to those, only in a short time, PVCFC has caught up with the world's agricultural fertilizer, especially in producing long-lasting green, economical and environmentally-friendly fertilizer products.

The determination, enthusiasm, ethics and humanity are not only the outstanding features at work but also an outstanding culture of PVCFC in activities in which farmers are considered as companion and the production and business are associated with corporate social responsibility, culture, entertainment and community activities.

#### CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY (CSR)

With the position and the certain roles in the market during the past 6 years, PVCFC has contributed to the CSR on daily basis in both quality and quantity through activities such as supporting the flood victims in the Central and Northern provinces, sharing difficulties of the people in flooded areas, giving gifts to the poor in Lunar New Year, etc. Particularly, PVCFC's Veterans Association has visited Vietnamese Heroic Mothers and the families under preferential treatment policy to give them encouragement and hand over "Friendship" houses to veterans. The Company also sponsors facilities to support people with mental illness in Ca Mau Province, organized meaningful activities on the occasion of Remembrance Day, gives "Trade Union homes" to the typical Trade Union members of the Company with the message of sharing dream and belief in life.

Contributing to the educational development, PVCFC has continued to finance and construct many primary schools and kindergartens with totally 30 schools during the past 7 years. This is a meaningful activity of the Company to support the children of farmers in education, helping them nurture dreams as well as implementing the Company's mission. More and more wellequipped schools will be constructed by PVCFC to give the remote poor children opportunities to go school, to make their dreams come true.

To living the dream of "Nurturing knowledge", "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" scholarship has given hundreds of scholarships at total values of VND2 billion to VND2.5 billion, actively taking part in social activities, especially caring for the young generations.

#### CONSIDER FARMERS AS COMPANIONS

PVCFC increasingly researches to introduce new products with high quality meeting specific nutrition needs on each plants, adding values for the farmers. The Company provides the market with high quality products at reasonable price, helping the farmers save input costs for agriculture remarkably, contributing to improve quality of agricultural products and increasing income of the farmers.

PVCFC has organized thousands of seminars and trial use of fertilizers as well as supporting policies to the farmers to actively support and take part in the new rural development programs through many activities such as technology transfer to the farmers, helping them improve cultivation knowledge, etc., more deeply and widely developing

fertilizer usage guidance program according to the nutritional product ranges for each stage, supporting the farmers with trial use of products, giving them practical experience in their cultivation.



PVCFC agricultural engineers were guiding the farmers to use fertilizers effectively on the fields.

#### CULTURAL ACTIVITIES AT PVCFC

Deeply understanding that "A strong mind in a healthy body", at PVCFC, besides production and business tasks, after the hard working hours and dedication to the works, many sports, entertainment and cultural activities are organized to enhance mental health for employees. To be specific:



The Company has established clubs of ping pong, tennis, badminton, aerobic, yoga, walking, etc. with well- equipped tools and facilities for employees and their families.

The Company has also developed a book reading club with many meaningful activities including book reading, introducing, discussing to book review to enhance physical and mental health of employees and thereby, developing mindset of employees to give out effective business plans as well as optimal operation and maintenance solutions, increasingly developing the collective brand.

The Company has organized a mini marathon named PVCFC RUN 2017 and "Children garden" where the children are guided to plant flowers making the Company's dormitory more beautiful. In addition, many sports and entertainment programs are often held by the Company, especially on the occasion of holidays and festivals. These activities are always maintained as a traditional culture at PVCFC.

Striving to develop simultaneously and balancing physical, mental, intellectual health aspects is the key for each person to promote inner strength, creativity and dedication aiming toward further goals, bringing PVCFC to new achievements. With a solid foundation of corporate culture, each member of PVCFC considers the Company as a second house where they engage, spend almost their time to live and work here and are proud of a member of PVCFC in spite of their position and role.





#### **ENSURE INDEPENDENCE** OF THE THIRD PARTY

The development and implementation of activities and development strategies of PVCFC always have the participation of independent units as the roles of consultant or inspectors for the Company's activities. The assessment and assurance on the independence of the third parties are reflected in relevant activities. To be specific:

- » Independent audit on the Company's interim/year-end financial
- » Supervision assessment or re-issuance of certificates on ISO 9001 - Quality control, OHSAS 18001 - Occupational safety and health, and ISO 14001 - Environment management.
- » In addition, investigation and inspection of the State administrative agencies, relevant authorities and Vietnam Gas & Oil Group in the course of the compliance with the laws in all the Company's business operations.



For sustainable development goals, the Company has built up and applied management systems to quality control, environment and occupational health and safety.

#### CORPORATE GOVERNANCE MODEL

The Company has obtained Certificate of OHSAS 18001 on occupational health and safety, Certificate of ISO 14001 on environmental management and Certificate of ISO 9001 on quality control from DNV GL Business Assurance.



#### POLICY ON QUALITY - SAFETY - HEALTH AND ENVIRONMENT

The Company has also developed and issued the policy on Quality - Safety - Health and Environment with specific contents promulgated to the employees. The Company commits to well implement this policy as follows:

- » Develop the Company to become a leader in providing nutritional solutions for plants in Vietnam and in the region with high quality products.
- » Operate the Plant safely and stably, ensuring service quality and effective distribution.

- » Ensure stable and guick supply of products based on market demand.
- » Implement business ethics, pay attention to benefits of employees and stakeholders by ensuring occupational health and safety, improving working environment.

#### COMMITMENT OF PVCFC

To well implement the policies on Quality - Safety - Health and Environment, PVCFC is committed to:

- » Building up, maintaining and improving continuously the management system (QHSE) integrated with sustainable development policy toward the satisfaction of increasing demands of customers, stakeholders and communities.
- » Fully complying with the applicable laws and standards on Quality Safety Health and Environment.
- » Developing high-tech human resources, creating a modern, positive, professional and creative working environment.
- » Applying technical initiatives and advanced management solutions to enhance business performance.
- » Actively supporting and participating social activities, engaging and implementing the responsibilities to the community.



#### **ECONOMIC ISSUES**

#### INDIRECT ECONOMIC IMPACT

In addition to the workforce coming from Ca Mau Province and surrounding provinces, the Company considerably contributes into the provincial budget by paying taxes and using products and services in the province as well as promoting the demand on using products and services serving the lives of the people in the locality where the Company is located, contributing to local economic development.

The enterprises in Ca Mau Gas - Power - Fertilizer Complex under Vietnam National Oil and Gas Group

have contributed over 40% of local budget and created over 30% of employment to local workforce. Ca Mau Gas - Power - Fertilizer Complex is an important economic motivation, giving the former Ca Mau "muddy land" into a "new appearance". Ca Mau Gas - Power - Fertilizer Complex together with accompanying infrastructures such as industrial park facilities, traffic roads, electrical system, water supply and drainage system, and airport also helps Ca Mau exploit eco-tourism, grow and export aquaculture products as well as connecting to the provinces and cities in the country.

#### RESPONSIBILITY TO PRODUCTS

#### Commitment on product quality

In 2017, PVCFC continued to provide the market with fertilizers produced by the Company such as granular Urea and N.Humate+TE and new product N46.Plus. In addition, PVCFC imported other fertilizers such as DAP and Potash to provide for the customers in Vietnam and Cambodia. In spite of producing or importing, PVCFC is always committed to the product quality. Besides, the Company promotes researches to diversify products and develop products with high efficiently, environmental friendliness, and meeting demand of the market. Continue to contribute into the sustainable development of the green agriculture.

#### Regulations on product labeling

- » All fertilizers produced and distributed by PVCFC are complied with the regulations on labeling and information about ingredients, manual instruction, packing, etc. to facilitate the farmers in applying the products.
- » All PVCFC's products are registered in terms of trademark, quality standards, product specification, etc. before launching in the market, affirming the reputation of the brand "Dam Ca Mau - For Golden Harvests".

#### Procedure for customer complaint settlement





#### **ANTI-CORRUPTION**

Besides continuous improvement for better corporate governance, PVCFC has released and updated the regulations on its business operation to prevent negative actions. At present, the Company has following regulations on anti-corruption:

Additionally, accelerating risk identity and management has helped the Company determine the potential risk in corruption in the Company and related to the Company and, thereby, completing policies and regulations on anti-corruption.

Moreover, PVCFC has combined different ways and

channels to communicate with the leadership and employees about the policies and regulations on anti-

corruption and red tape. The Company also ensures transparency and clarity in the regulations, processes and

inspection. The regular supervision also helps enhance

awareness and responsibility of employees in anti-



- Regulation on management of investment into other enterprises
- Regulation on financial management
- Regulation on in-cash capital management
- Regulation on procurement
- Regulation on investment decentralization and contractor selection management
- Regulation on management of business operation, compliance, etc.



#### ANTI-COMPETITIVE PRACTICES

- » PVCFC absolutely complies with the Law on Competition No.27/2004/QH11 dated December 13<sup>th</sup> 2004.
- » In the progress of purchasing goods and services or selling products, the Company always complies with the regulations, ensuring equal opportunities of all partners, customers and suppliers.
- » All PVCFC's products are registered in terms of trademark, quality standards, product specification, etc. before launching in the market, affirming the reputation of the brand "Dam Ca Mau - For Golden Harvests".



### **ENVIRONMENTAL ISSUES**

#### REPORT ON CONSUMPTION OF GAS, POWER AND WATER

| Consumption    | Unit     | Unit 2017 2010 |              | 2015         | Consumption for a ton of Urea (conversion) |        |        |
|----------------|----------|----------------|--------------|--------------|--|--------|--------|
|                |          |                |              |              | 2017                                       | 2016   | 2015   |
| 1 Natural gas  | $SM^3$   | 506,718,685    | 488,454,326  | 498,872,227  | 0.535                                      | 0.587  | 0.620  |
| 1. Natural gas | GJ (HHV) | 19,921,862     | 19,379,477.7 | 19,928,235.3 | 21.234                                     | 23.291 | 24.783 |
| 2. Power       | MWh      | 158,125,960    | 158,440,544  | 160,477,120  | 0.186                                      | 0.190  | 0.200  |
| 3. Water       | m³       | 1,126,414      | 1,173,162    | 1,196,354    | 1.341                                      | 1.410  | 1.488  |



**CONSUMPTION IN 2017** 

506,718,685

GAS CONSUMPTION

- » Gas material consumption in 2017: 506,718,685 SM<sup>3</sup>.
- Gas material consumption in 2016: 488,454,326 SM<sup>3</sup>.
- Gas material consumption in 2015: 498,872,227 SM<sup>3</sup>.



**CONSUMPTION IN 2017** 

158,125,960

#### POWER ENERGY

- » Production and domestics power consumption
- Total power consumption for production and living activities in 2017 numbered at 158,125,960 MWh.
- » Total power consumption for production and living activities in 2016 numbered at 158,440,544 MWh.
- » Total power consumption for production and living activities in 2015 numbered at 160,477,120 MWh.



**CONSUMPTION IN 2017** 

1,126,414

#### WATER CONSUMPTION

- » The water serving the Company is supplied by two waster supply companies i.e. Ca Mau Water Supply-Sewerage & Urban Work Co., Ltd., Khanh An Water Supply and Environment JSC.
- Water consumption for production and living activities in 2017 numbered at 1,126,414m<sup>3</sup>.
- » Water consumption for production and living activities in 2016 numbered at 1,173,162m<sup>3</sup>.
- Water consumption for production and living activities in 2015 numbered at 1,196,354m<sup>3</sup>.



In 2017, after upgrading the plant capacity up to 110%, consumption norms of power, gas and water remarkably decreased. PVCFC also implemented some other material and energy saving measures, bringing high effectiveness in saving power and water for the Company, to be specific:

#### SOLUTIONS FOR MATERIAL CONSUMPTION AND **ENERGY SAVINGS**

- » Encouraging the employees to enhance awareness of power and water saving.
- » Repairing and replacing the pipes and equipment with water leakage risk.
- » Water is recycled.
- Cooling water is recycled without discharge.
- » A part of condensing water is led to the demineralized water production station to reuse.
- » Installing total gauges and valves to control water consumption volume according to each purpose.
- » Increasingly making investment in equipment with power saving technology.



PVCFC produces Urea from gas, therefore, the Company does not use other materials for production and does not recycle materials or use recycled materials to produce the main products of the Company.





#### ENVIRONMENTAL PROTECTION, CONTROL OF WASTE, GAS EMISSIONS AND DISCHARGE



To ensure compliance with legal regulations on environmental protection and make environmental protection become an awareness and action of all employees, PVCFC has built and applied environmental standard ISO 14001: 2015.

Accordingly, the Company performs environment monitoring 4 times/year in line with the commitment on environmental impact assessment and periodically takes samples for testing in each shift to ensure compliance with the law on environmental protection. Results are as follows:

| Type of waste   | Monitoring criteria (*)  |
|---|--|
| Air   | Dust, $SO_2$ , $NO_x$ , $NH_3$ , $CO$ , noise, vibration.  |
| Domestic water  | Temperature, pH, BOD <sub>5</sub> , TSS, TDS, H <sub>2</sub> S, Nitrat, Phosphat, Coliforms.   |
| Water serving production (oil and NH <sub>3</sub> contaminated) | Temperature, color, pH, BOD <sub>5</sub> , COD, total Nitrogen, total Phosphate, Oil, floating solids, Coliform, Ammonium, heavy metals (Asen, Hydrargyrum, Plumbum, Cadmium, Cuprum). |
| Cooling water   | Temperature, pH, Cl <sub>2</sub> .   |



#### WASTEWATER, EMISSION, WASTE, NOISE, AND VIBRATION



Implementing the new legal regulations in granting permit on discharging river water used for cooling purpose, the Company has been granted permit on discharging to the water resource according to the Decision No.3195/GP-BTNMT dated December 14th 2017 by the Ministry of Natural Resource and Environment. The Company has also fully and strictly complied with the regulations in the permit.



#### Wastewater

Declaration and payment for environmental protection fee for wastewater are always implemented by PVCFC in line with the inter-ministerial Circular No. 63/2013/TTLT-BTNMT-BTC.

- » Production wastewater: Oil contaminated wastewater, Ammonium-contaminated wastewater, wastewater from cooling water are complied with the prevailing standards. Discharging indicators are eligible to QCVN 40:2011/BTNMT
- » Domestic wastewater: From the activities of employees. Discharging indicators are eligible to QCVN 14/2008/BTNMT.
- Reduction measures:
  - > Storm basin system of the Plant is separated. Domestic wastewater and production wastewater of the Plant are collected and treated at the Plant's wastewater treatment system.
  - Total volume of wastewater of the Plant now is around 2,580m<sup>3</sup>/day (in theory). In 2018, the Company will install automatic monitoring system to control discharging parameters at general catch basin and ensure to comply with the prevailing standards.
- » Treatment method: Physical chemistry and microbiology.



#### **Emission**

Emission from 3 chimneys and 2 torches is online monitored and sample of emission is regularly tested to ensure the emission within allowable limitation (QCVN19:2009/BTNMT and QCVN21:2009/BTMT). The Company's emission is always complied with Decree No. 38/2015/ NĐ-CP and Circular No. 36/2015/TT-BTNMT.

- » Emission from sub-boilers and primary reforming: Main pollutant gases are CO and NO.
- » Emission from granule forming: Main pollutant gases are dust and NH<sub>3</sub>.
- » Emission from safety valves when the Plant encounters incidents: NH<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, etc.
- » Reduction measures:
  - Emission of sub-boilers and primary reforming: The Company installs equipment to continuously analyze CO, NO,, and O<sub>3</sub> indicators. The volume of O<sub>2</sub> is properly adjusted to reduce CO and NO.
  - Emission from valves when the Plant encounters incidents will be led to the torches to burn at the temperature of 1,050°C.
  - Oriented in 2018, the Company will install continuous automatic monitoring transducer system at the granulating chimney (Z07601).
- » Treatment method: Physical chemistry.

#### Waste

- » *Domestic waste:* from offices, canteens, kitchen, toilets, etc.
  - Collection, storage and treatment plan: Signing contract with Ca Mau Water Supply-Sewerage & Urban Work Co., Ltd. for implementation.
- » Production waste: Wood chips, broken pallets, plastic, steel scraps, etc.
  - Collection, storage and treatment method: Transfer to functional entities for treatment under the law
- » *Hazardous waste:* Oil contaminated rags, fluorescent lamps, waste oil, chemical waste of laboratories, etc.
  - Collection, storage and treatment method: Sort and collect at source and transfer to functional entities for treatment. The 4<sup>th</sup> granted register of waste source and hazardous waste No. QLCTNH: 96.000016.T dated December 23<sup>rd</sup> 2014 of the Company was issued by Department of Natural Resources and Environment of Ca Mau Province.

#### **Noise and vibration**

This impact arises mainly from the operation of machinery and equipment in production area from the operation progress of machinery and equipment.

- » Reduction method
  - > Earplugs are regularly provided to the workers to limit impact to their health. Regular check and maintenance of machinery and equipment and check of working conditions are performed.
  - Daily, monthly and quarterly safety check is carried out to timely detect and prevent the factors that may affect occupational health.



#### SOLUTIONS TO COMPLETE ENVIRONMENTAL ACTIVITIES









#### POLLUTION PREVENTION POLICY

**PVCFC** is applying the following certification on quality control and HSE:



ISO 9001:2008 (QUALITY CONTROL)



ISO 14001:2004 (ENVIRONMENT MANAGEMENT)



OHSAS 18001: 2007 / ISO 45001 (OCCUPATIONAL HEALTH AND SAFETY)

#### INSTRUMENTS AND METHODS TO TAKE ENVIRONMENTAL SAMPLES

#### Sampling method

| No. | Parameter                                 | Sampling method                                   | No. | Parameter        | Sampling method                    |
|-----|---|---|-----|------------------|------------------------------------|
| I.  | Wastewater quality                        |   | 11  | Total N          | TCVN 6638:2000                     |
| 1   | рН  | TCVN 6492:2011                                    | 12  | Total P          | TCVN 6202:2008                     |
| 2   | Temperature                               | SMEWW 2550B:2012                                  | 13  | Amoni            | TCVN 61-1:1996                     |
| 3   | Smell                                     | Sensorial   | 14  | Asen (As)        | TCVN 6626:2000                     |
| 4   | TSS                                       | SMEWW 2540D:2012                                  | 15  | Hydrargyrum (Hg) | TCVN 7877:2008                     |
| 5   | TDS                                       | SMEWW 2540C:2012                                  | 16  | Plumbum (Pb)     | TCVN 9163B:1996                    |
| 6   | BOD <sub>5</sub>                          | TCVN 6001-1:2008                                  | 17  | Cadimi (Cd)      | TCVN 6193B:1996                    |
| 7   | COD                                       | SMEWW 5220-C:2012                                 | 18  | Cuprum (Cu)      | TCVN 6193:1996                     |
| 8   | Sunfua (SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> )   | SMEWW 45000-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> -E:2012 | 19  | Mineral Oil      | TCVN 5070-1995                     |
| 9   | Nitrat (NO <sub>3</sub> -)                | TCVN 6180:1996                                    | 20  | Total Coliform   | TCVN 6187-1:2009                   |
| 10  | Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) | TCVN 6202:2008                                    | 21  | Cl <sub>2</sub>  | SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -G:2012 |





#### Measurement method at site

| No. | Parameter                                 | Sampling method                                  | Detection<br>limitation  | Measurement<br>limitation | Remark    |
|-----|---|--|--------------------------|---------------------------|-----------|
| I.  | Emission quality                          |  |                          |                           |           |
| 1   | Noise                                     | TCVN 7878-2:2010                                 |                          | 30 -130 dB                |           |
| 2   | Vibration                                 | TCVN 6963:2001                                   |                          | 20 -110 dB                |           |
| 3   | Dust                                      | US.EPA Method 5                                  | 7.2 mg/Nm <sup>3</sup>   |                           |           |
| 4   | SO <sub>2</sub>                           | TCVN 7246:2003                                   | 5.4 mg/Nm <sup>3</sup>   |                           | Testo 350 |
| 5   | NOx                                       | TCVN 7245:2003                                   | 1.5 mg/Nm <sup>3</sup>   |                           |           |
| 6   | NH <sub>3</sub>                           | TQKT   | 1.12mg/Nm <sup>3</sup>   |                           |           |
| 7   | CO  | TCVN 7242:2003                                   | 2.73 mg/Nm <sup>3</sup>  |                           |           |
| 11. | Wastewater quality                        |  |                          |                           |           |
| 1   | рН  | TCVN 6492:2011                                   | _                        | 0 -14                     | Equipment |
| 2   | Temperature                               | SMEWW2550B:2011                                  | _                        | 0 -7°C                    | Equipment |
| 3   | Smell                                     | _  | _                        | _                         | Sensorial |
| 4   | TSS                                       | _  | _                        | _                         | _         |
| 5   | TDS                                       | SMEWW2540C:2012                                  | 0 - 1.999mg/l            | _                         | _         |
| 6   | BOD <sub>5</sub>                          | TCVN 6001-1:2008                                 | 1mg/l                    | _                         | _         |
| 7   | COD                                       | SMEWW-5220.C:2012                                | 1.4mg/l                  | -                         | _         |
| 8   | Sunfua (SO <sub>4</sub> ²-)               | SMEWW 4500-SO <sub>4</sub> <sup>2-</sup> .E:2012 | 1mg/l                    | -                         | -         |
| 9   | Nitrat (NO <sub>3</sub> -)                | TCVN 6180:1996                                   | 0.014mg/l                | -                         | -         |
| 10  | Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) | TCVN 6202:2008                                   | 0.007mg/l                | -                         | -         |
| 11  | Total N                                   | TCVN 6638:2000                                   | 1mg/l                    | -                         | -         |
| 12  | Total P                                   | TCVN 6202:2008                                   | 0.007mg/l                | _                         | -         |
| 13  | Amoni                                     | TCVN 6179-1:1996                                 | 0.026mg/l                | _                         | -         |
| 14  | Asen (As)                                 | TCVN 6626:2000                                   | 0.002mg/l                | -                         | -         |
| 15  | Hydrargyrum (Hg)                          | TCVN 7877:2008                                   | 3×10 <sup>-4</sup> mg/l  | -                         | -         |
| 16  | Plumbum (Pb)                              | TCVN 6193B:1996                                  | 33×10 <sup>-4</sup> mg/l | -                         | -         |
| 17  | Cadimi (Cd)                               | TCVN 6193B:1996                                  | 45×10 <sup>-5</sup> mg/l | -                         | -         |
| 18  | Cuprum (Cu)                               | TCVN 6193:1996                                   | 0.028mg/l                | -                         | -         |
| 19  | Mineral Oil                               | TCVN 5070-1995                                   | 0.3mg/l                  |                           | _         |
| 20  | Total Coliform                            | TCVN 6187-2:2009                                 | 2 bacteria/100ml         | _                         | _         |
| 21  | Cl <sub>2</sub>                           | SMEWW 4500-Cl <sub>2</sub> -G:2012               | 0.01mg/l                 | -                         | -         |

#### MONITORING RESULTS

#### Parameters and monitoring result of air quality

| Vasu/Itam       | 2016  |       |       | 2017 |     |     | I I m i 4 | QCVN19:2009/ |  |
|-----------------|-------|-------|-------|------|-----|-----|-----------|--------------|--|
| Year/ Item      | KT1   | KT2   | KT3   | KT1  | KT2 | KT3 | Unit      | BTNMT        |  |
| Dust            | 54    | 42    | 62    | 42   | 23  | 28  | mg/m³     | 160          |  |
| CO              | 30.9  | 30.9  | <1.14 | 31   | 64  | 64  | mg/m³     | 800          |  |
| $NO_{\chi}$     | 62.6  | 62    | <1.23 | 72   | 41  | 61  | mg/m³     | 800          |  |
| SO <sub>2</sub> | <2.66 | <2.66 | <2.66 | <21  | <10 | 10  | mg/m³     | 400          |  |
| NH <sub>3</sub> | 0     | 0     | KPH   | 4.2  | 6   | KPH | mg/m³     | 40           |  |

#### Remark:

KT1: Emission at primary reforming chimney (Z04201).

KT2: Emission at sub-boiler chimney (Z29101).

KT3: Emission at granule forming chimney (Z07601).

#### Parameters and monitoring results of production wastewater quality

| QCVN40:2011/ |
|--------------|
| BTNMT        |
| 5.5-9        |
| 81           |
| 121.5        |
| 40.5         |
| 32.4         |
| 4.86         |
| 8.1          |
| 0.081        |
| 0.0081       |
| 0.405        |
| 0.081        |
| 8.1          |
| 1.62         |
| 40           |
| 5,000        |
|              |

#### Remark:

NT1: Discharge of oil-contaminated wastewater treatment system

NT2: Discharge of ammonium-contaminated wastewater treatment system

NT3: Discharge of general pipe connecting to river

### **ENVIRONMENTAL COMPLIANCE**

PVCFC always respects and fully complies with the applicable laws in all our activates. In 2017, PVCFC did not record any minutes or announcements related to the violations of environmental laws/regulations. The auditor's reports also did not record any penalty.

at the discount the sections

## REPORTS RELATING TO GREEN CAPITAL MARKET

### From its establishment, GREEN FOUNDATION

is chosen by PVCFC and is considered a lodestar for all business activities of the Company

The whole production line and equipment at Ca Mau Fertilizer Plant is the most advanced technology from developed countries. Accordingly, a number of solutions to enhance efficiency and save fuels and energy in production, R&D activities to create environmentally friendly products, researches to increase nutrition for plants and many other programs for environmental protection, and so on have been implemented by PVCFC during the last time. With sustainable development orientation, the Company focuses on R&D activities to create green products, limiting negative impacts to water, soil, and air environment such as N-Humate+TE, N46.Plus and complex fertilizer from molten Urea accordingly, step-by step deploys investment projects and uses capital for "GREEN" purpose, willing to overcome all challenges to gain success.





#### **SOCIAL ISSUES**

#### BENEFITS PROVIDED TO FULL-TIME EMPLOYEES

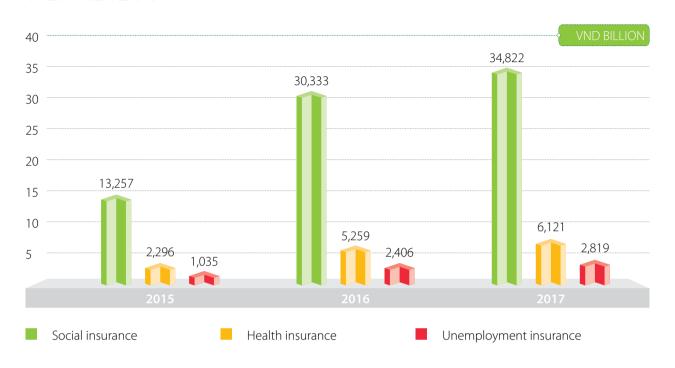
- » Policies applied to employees: The Company always strives to create a convenient and safe working environment for the employees as well as well implementing the policies on labor, salary, bonus, social insurance, health insurance and unemployment insurance and other policies of the law, the Group and the Company.
- » The Company makes payment for salary, bonus, overtime work, and other allowances in line with the Regulation on compensation and benefits and pays social insurance, health insurance and unemployment insurance in timely and sufficient manners as regulated in Labor Code and the Law on Social Insurance. In 2017, the Company had no debt related to social insurance, health insurance and unemployment insurance.
- » The Company strictly implements the training on occupational safety and hygiene and fully provides personal protection equipment for employees in accordance with regulations. The Company also

- pays hazardous and toxic allowance and gives in kind support to the laborers working in hazardous and toxic environment according to the State's regulations. The Company annually organizes health examination for all employees.
- » The Company applies personal accident insurance (PVI Care) to all employees, post-payment life insurance (Sun Life), and voluntary retirement insurance to the employees who are eligible to the conditions as described in the Company's Employee Benefit Policy in order to create favorable conditions for attracting laborers and stabilizing the lives of employees.
- » In addition to ensuring policies of labor, salary and social welfare, the Company pays high attention to the mental health of employees through many activities such as giving gifts and supporting employees in difficult circumstances, organizing cultural exchange programs and sport events to create a helpful playground and enhance solidarity in the Company.



Housing area of the staff of Ca Mau Gas - Power - Fertilizer Complex

### CHART OF SOCIAL INSURANCE, HEALTH INSURANCE, UNEMPLOYMENT INSURANCE OVER THE YEARS



#### MATERNITY LEAVE



TOTAL NUMBER OF EMPLOYEES IN MATERNITY LEAVE

PERSONS



TOTAL EMPLOYEES ALREADY RESIGNED

> 15 PERSONS



TOTAL EMPLOYEES RETURNING TO WORK AFTER MATERNITY LEAVE

**20** 



TOTAL EMPLOYEES
BEING KEPT AFTER 12
MONTHS FROM THE DATE
RETURNING TO WORK

20 PERSONS



RATE OF EMPLOYEES RETURNING TO WORK AND BEING KEPT AFTER MATERNITY LEAVE

100







The Company has a Safety - Health Environment Department to be responsible for ensuring health and safety of employees. The employees are given periodical health examinations for early detection and prevention of diseases, including occupational diseases due to the impact of working conditions.



#### LABOR/MANAGEMENT RELATIONS

- » Collective bargaining agreement is signed annually (adjusted in accordance with the law) between the employer and Trade Union Chairman in Labor Conference, committing to implement the regimes and policies on compensation and benefits, creating a safe, comfortable and beneficial working environment for employees.
- Facilitate the employees to know and give opinions on the issues relating to their rights, obligations and responsibilities.
- » Implement democratic rights of employees, organize periodical dialogue with employees at the Company.
- » Enhance sense of responsibility and obligation of employer to employees, creating favorable conditions for sociopolitical organization (Party, Trade Union, Youth Union, Veterans Association) of the Company to operate under the law.
- » Organize monthly meetings to take initiative in business operations, ensuring to fulfill the planed targets, contributing to ensuring interests and benefits of employees.



- » General Director reports the business results and the implementation of collective bargaining agreement and compensation and benefits policy of the Company, and gives feedback to the recommendations of employees.
- » All employees sign labor contracts in accordance with the law.
- » The Company promulgates collective bargaining agreement and employee policy which contain the provisions on health and welfare that are more favorable to employees and higher than the law. The Company has issued regulations on in kind support to the workers directly serving production and special policies for female workers.
- » The Company has a Safety Health Environment Department to be responsible for ensuring health and safety of employees. The employees are given periodical health examinations for early detection and prevention of diseases, including occupational diseases due to the impact of working conditions.

#### CHILD LABOR AND FORCED LABOR

The Company does not employ child labor and forced

ISSUES RELATING TO FOR THE TURNOVER, EDUCATION AND TRAINING. DIVERSITY OF MANAGEMENT LEVELS AND EMPLOYEES

Please see pages 44-47 - Organization and Human

#### NO DISCRIMINATION

- » The Company is committed to non-discrimination in race, color, religion, gender, national origin and social
- » Total number of discrimination cases in 2017: 0 (none).

#### **DIVERSITY AND EQUAL OPPORTUNITIES**

The Company ensures fair and equal treatment to employees in all activities of training, development, promotion, payment and reward according to each individual's contribution.









To ensure long-term health for all employees, PVCFC always strictly adheres to the laws relating to Safety -Health - Environment, building occupational health and safety management system according to ISO 45001.

#### OCCUPATIONAL HEALTH AND SAFETY

#### **SECURITY ASSURANCE**

PVCFC regularly organizes patrols and periodic and sudden inspections on security and order performance based on the plan approved. The Company organizes its own internal security team to monitor the external security services (PVS) and closely coordinates with the Public Security of Industrial Park and Public Security of Ca Mau Province. In 2017, the security and order in PVCFC was ensured and there were no problems related to security and order or stealing cases.

#### SAFETY, TRAINING AND COMMUNICATION

- » In order to ensure safety for health and lives of employees in working at the plant, PVCFC has fully equipped with safety equipment and provided necessary personal protection equipment for employees, contractors and especially, trainees.
- » The Company always pays attention to internal training and professional training to improve capabilities of employees in charge of HSE work.



Training on scaffolding Level 1 & 2 for 107 staffs.

Training on radiation safety for 16 employees.

Training on technological safety for 03 staffs.

Training on safe operating technique for boiler and pressure equipment for 278 employees.

Training on emergency for 100 employees.

Training on occupational safety and health for 676 employees.

- » Conduct training on safety and health examination for contractors and visitors at Ca Mau Fertilizer Plant, training for new 1,943 people with focusing on occupational safety and health and fire prevention for internship students from Da Nang Polytechnic University, HCMC University of Technology, Hanoi University of Science and Technology, Hanoi University of Mining and Geology, PetroVietnam University, Industrial University, etc. to equip the students with useful knowledge, beside their professional knowledge, on occupational safety and health, fire prevention and firefighting to work after graduation safely and effectively. This has contributed to spreading the spirit of compliance with the laws on occupational safety and health and traffic safety.
- » Strengthen the propaganda in raising awareness of compliance with occupational safety and health for all employees by implementing ASK (Safety - 5S - Initiative) program. ASK includes 3 programs, to be specific, Safety Observation - to reduce risks and prevent occupational accidents and diseases, 5S Production Management - to improve working environment and labor productivity, Initiative - to recognize ideals, improvements and promote the movement of creativity in working. In 2017, the Company recorded more than 30,452

conversations/discussions on occupational safety and health. The Company has recorded the problems to improve the system and recognized the positive sides to expand and promote the safety culture for each employee. It is thanks to a complete and continuouslyimproved system of occupational safety and health, working habits and sense of compliance of employees have been gradually improved; the safety work is always guaranteed without occupational accidents.

#### **HEALTH CARE AND IMPROVEMENT OF** OCCUPATIONAL SAFETY AND HYGIENE

- » Health of employees is a valuable asset of the enterprise. Understanding this issue, the Company's leadership has instructed HSE Department, besides fully giving employees with periodic health and occupational disease examination under the law, to give more health checking items to promptly detect possible diseases of employees.
- » Every month, insecticides are sprayed into office and plant areas to prevent disease.
- » The Company periodically measures environmental indicators in workplace under the law and promptly gives solutions to improve the working environment which do not satisfy the standards as well as equipping personal protection for the workers at those places to prevent occupational diseases.
- » Attach to the programs of "Corporate Culture Reform" and "7 Habits of Highly Effective People" - a famous book by Stephen R. Covey, which is considered a bedside book of the leaders and successful businessmen.





» The Company has organized the program "Effectiveness and responsibility" for all employees. In addition, the Company's leadership has launched a monthly health training and check-up program to encourage all employees to participate in physical training and sport activities at the clubs. Thanks to that, the physical health of employees will be gradually strengthened, contributing to increasing labor productivity. The guarterly number of employees participating in the program is as follows:



STAFFS

**STAFFS** 

Taking physical exams



Taking physical exams

Taking physical exams

In addition, PVCFC regularly organizes health consultation seminars for laborers, providing them with more knowledge about family health care and disease screening for timely diagnosis and treatment.

FIREFIGHTING AND FIRE PREVENTION, RESCUE, EMERGENCY RESPONSE AND FIREFIGHTING REHEARSAL

Safety always is prioritized by PVCFC. Accordingly, firefighting and fire prevention is always implemented consistently and effectively.

Firefighting and fire prevention plays a very important role in protecting the lives of employees and assets of the enterprise. Especially, for factories with high operating capacity and continuous operation, firefighting and fire prevention and rescue works require a strict supervision. For many years, PVCFC has carried out firefighting and fire prevention inspection according to scheduled and unscheduled plan. The Company has built up and consolidated the process and guidance system on firefighting and fire prevention to serve the inspection and maintenance of firefighting and fire prevention system as well as organizing emergency response rehearsal to ensure that firefighting and fire prevention system and personnel are willing to respond in every circumstance.

» The Company has organized a force to check the firefighting and fire prevention system daily, weekly, monthly and quarterly to continuously maintain safety conditions for firefighting and fire prevention, strictly complying with the legal regulations (Circular No.07/2016/TT-BCA)

- » Coordinate with related entities to timely repair shortcomings and damages of firefighting and fire prevention system, taking the initiative in technology and improving firefighting and fire prevention system.
- » Coordinate with related entities to implement the plan for prevention and response to emergent circumstances in 2017 as approved by BOM.
- » Emergency response rehearsal is paid high attention and strictly implemented, to be specific:

#### **LEVEL 1**

Organized 21 level-1 rehearsals (internal company) with 194 participants.

#### LEVEL 2

Organized 01 level-2 rehearsal (coordinating among the companies in the industrial park including PVCFC, PVPOWER, PVGA, and PVS) with 33 participants.

Thanks to regular rehearsal and strict compliance with the regulations on firefighting and fire prevention, there was no fire incident at the Company in 2017.

#### **HUMAN RESOURCES, EDUCATION AND TRAINING**

#### **Human Resources**

- » Young, dynamic, and enthusiastic human resources; well-educated from prestigious international and local universities; experienced and trained through real environment during production and business operations; fluent at foreign languages, computer skills, and ability to work independently.
- » Most of the operation, production and maintenance teams have joined the Plant since the beginning; therefore, they have a lot of experience in the construction, installation, trial running and operation of the Plant.
- » The Company always spends a significant fund for human resource training. Technicians are regularly assigned to attend the advanced training courses in developed countries.

#### Assessment on labor management and recruitment in 2017

» The recruitment of the Company is governed by the Labor Code, Recruitment Regulation issued by BOD and Recruitment Process issued by General Director. The recruitment is derived from the actual needs of the departments in the Company based on the approved annual personnel targets. The recruitment is always carried out strictly in accordance with the procedures, the law and ensuring transparency and publicity.

» The appointment, re-appointment, planning, assessment and classification of personnel are carried out in accordance with regulations and procedures from the actual needs. The appointed personnel have well promoted their roles and responsibilities in new positions. The appointment, re-appointment, planning, assessment and classification of personnel are carried out by PVCFC in accordance with the regulations of the Party, the State, Vietnam Oil and Gas Group and the Personnel management regulation issued by the Company's Party Committee. The appointed personnel have promoted their roles and responsibilities in a new position, contributing to the development of the Company.

#### Personnel rotation and training

- » The personnel rotation is implemented based on the actual workload or based on the HR plan, in order to create favorable conditions for the personnel to learn and enrich experience in the management and operation process.
- » The planned and appointed personnel are entitled to learning and advanced training on professional and management skills corresponding to meet the requirements of each position. Most of the appointed personnel from the position of deputy department head or equivalent to above have passed the "Middle-Level Management Capabilities" training course organized by PACE.



#### **CA MAU FERTILIZER**

# MAKING EFFORTS FOR COMMUNITY, SHARING FOR SOCIETY

?

To ensure long-term health status for all employees, PVCFC always strictly adheres to the legal regulations on Safety - Health - Environment, building an occupational health and safety management system. according to ISO 45001.



Understanding that "Leverage for the development of every business as well as the general development of the social community is when we are aware of combining responsibility and coordinating strength among the parties to jointly create the development. It is this close connection that creates the foundations for sustainable development". In 2017, PVCFC has made continuous efforts for the community and joined hands for a prosperous society.

#### **CORPORATE SOCIAL RESPONSIBILITY ACTIVITIES**

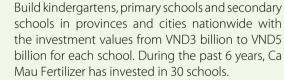
Given difficulties in national economy and facing the fierce competition in the market along with maintaining and pushing effective business and production, increasingly growing "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" brand, over the past 6 years, Ca Mau Fertilizer has spent more than VND300 billion to carry out many meaningful projects and programs for society. The Company's leadership determines that this is not only a duty but also the sharing and concern for the community and implementing the Group's major policy on business development associated with social responsibility.

- » From the CSR fund which is always higher than that of the previous year, PVCFC has been: constructing many schools for educational development, supporting public works such as bridge and traffic roads in rural areas, funding poor pupils and students, etc., contributing to poverty reduction, human intelligence enhancement, etc.
- » The activities such as visiting and giving gifts to families under preferential treatment policy, offering free illness treatment and free medicine and supporting to upgrade health stations are always concerned and maintained by PVCFC, showing a beauty in corporate culture and creating a good relationship with the social community.
- » PVCFC defines that doing CSR well is implementing well the policy of the Party and the State on economic development, sharing responsibilities with the community and adhering with the farmers and the poor. New roads, new bridges, new schools, etc. are the most practical evidences of sense of responsibility of PVCFC to the social responsibility.





#### **OUTSTANDING ACTIVITIES IN 2017**





Build and upgrade many medical stations to ensure the initial illness examination and treatment for local people.



Continue "Dam Ca Mau - For Golden Harvests" scholarship annually as a commitment for learning promotion movement in the country and fostering the dream to go school and develop intelligence. This scholarship spends from VND2 billion to VND2.5 billion every year.



Support to overcome natural disasters, humanitarian assistance.



Many rural bridges are put into operation, developing the countryside and supporting the community.



Visit families under preferential treatment policy on the occasion of holidays and Lunar New Year. Give gifts to the poor in Ca Mau and Mekong Delta provinces.







## "Effective nutritional solutions for plants are the heart of the PVCFC expert team".



Associate Professor - Dr. Nguyen Bao Ve talked about Ca Mau Fertilizer

# FARMING WORKS ARE EASIER & MORE ECONOMICAL thanks to Ca Mau Fertilizer

At the time of harvest, every family is very busy from housework to farming works. One Sunday morning under the sunshine, a group of engineers from Ca Mau Fertilizer visited few farmers who have been close customers of Ca Mau Fertilizer for many years..

Visiting the rice field of man named Bay Chung at My Phu A Hamlet, Hoa My Commune, Phung Hiep District, Hau Giang Province, we met him standing under the shade to relax after checking around his rice fields. Wiping the sweat from his forehead, he happily told that his family has used Ca Mau fertilizers for 5 years. Although the climate changes are very complicated recently, he still believe in Ca Mau fertilizers, challenging all kinds of weather. High quality products from Ca Mau Fertilizer Plant have provided sufficient nutrients, helping his rice trees grow strongly and have a good resistance to the weather. Slowly absorbing fertilizer also make rice tree more sturdy and less diseases.

Not far from the rice field of Bay Chung is Ba Tri's ones. He comes from Tuyen Thanh Commune, Kien Tuong Town, Moc Hoa District, Long An Province. After visiting his rice fields, Ba Tri said in smiles, "I has used Ca Mau fertilizers for 3 years and I do not want to change to any other kinds". have tried dividing the rice fields into 4 parts and applying different cultivation methods with different kinds of fertilizers. Finally, after making comparison, I continue to choose Ca Mau Fertilizers because of its productivity and effectiveness. Ca Mau Fertilizer not only helps me with easier farming works but also save considerable expenses. Also thanks to the experts from Ca Mau Fertilizer Plant who have guided us carefully how to use fertilizers effectively in modern agricultural practices, rice productivity is higher and higher. Household economy gets stable and we can invest on the studying of our children".

Attending many seminars on demonstration model of Ca Mau Fertilizer product ranges, Mr. Sau Dung, living in Hoa Hung Commune, Giong Rieng District, Kien Giang Province shares that Ca Mau fertilizers are easy to mix, less dust, slowly dissolve, making rice plant sturdier and less disease. He told that his family is very happy because the rice price is increasing while the harvest comes, promising a golden season. In a more-than-1.5-hectare field using Ca Mau Fertilizer for 5 consecutive years, the rice plants are showing off golden seeds, shimmering in the wind. He consistently collects 500-550kg of rice per 1000 m² rice field.

These are the experiences of three individuals among many farmers trusting and using Ca Mau Fertilizer in such a long time and getting positive results. Although the products are trusted by the farmers, PVCFC increasingly researches and improves the quality of products as well as being constantly creative to develop new nutritional solutions for plants. With the mission of accompanying and supporting the farmers in developing a green sustainable agriculture, bringing in high economic values, PVCFC frequently develops demonstration models using Ca Mau fertilizers in order to give technical guidance visually and lively, helping farmers access to the fertilizer application methods suitable to specific farming conditions to increase productivity, profitability and environment and health protection.







### **GRI STANDARDS CHECKLIST**

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS   | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page         |
|---------------------------|---|---|--------------|
| GRI 102                   | General Disclosures   |   |              |
| 102-1                     | Name of the organization  | $\square$                                 | 13           |
| 102-3                     | Location of headquarters  | $\square$                                 | 13           |
| 102-4                     | Location of operations  | $\square$                                 | 20 -21       |
| 102-5                     | Ownership and legal form  | $\square$                                 | 8            |
| 102-6                     | Markets served  | $\square$                                 | 20 - 21      |
| 102-7                     | Scale of the organization   | $\square$                                 | 17 - 20 - 21 |
| 102-8                     | Information on employees and other workers                                    | $\square$                                 | 44 - 45      |
| 102-9                     | Supply chain  | ×   |              |
| 102-10                    | Significant changes to the organization and its supply chain                  | ×   |              |
| 102-11                    | Precautionary Principle or approach   | $\square$                                 | 86 - 87      |
| 102-12                    | External initiatives  | <b>x</b>                                  |              |
| 102-13                    | Membership of associations  |   | 97           |
| 102-14                    | Statement from senior decision-maker  | <b>✓</b>                                  | 90           |
| 102-15                    | Key impacts, risks, and opportunities   | ×   |              |
| 102-16                    | Values, principles, standards, and norms of behavior                          | <u> </u>                                  | 102 - 103    |
| 102-17                    | Mechanisms for advice and concerns about ethics                               |   | 93           |
| 102-18                    | Governance structure  | <b>✓</b>                                  | 104          |
| 102-19                    | Delegating authority  | <b>☑</b>                                  | 74 - 75      |
| 102-20                    | Executive-level responsibility for economic, environmental, and social topics | ☑   | 70 - 75      |
| 102-21                    | Consulting stakeholders on economic, environmental, and social topics         | <b>I</b>                                  | 96 - 99      |
| 102-22                    | Composition of the highest governance body and its committees                 | ☑   | 76 - 79      |
| 102-23                    | Chair of the highest governance body  | ×   |              |
| 102-24                    | Nominating and selecting the highest governance body                          | $\square$                                 | 30 - 76      |
| 102-25                    | Conflicts of interest   | ×   |              |
| 102-26                    | Role of highest governance body in setting purpose, values, and strategy      | Ø   | 54           |
| 102-27                    | Collective knowledge of highest governance body                               | ×   |              |
| 102-28                    | Evaluating the highest governance body's performance                          | Ø   | 105          |
| 102-29                    | Identifying and managing economic, environmental, and social impacts          | ☑   | 86 - 97      |
| 102-30                    | Effectiveness of risk management processes                                    | <b>d</b>                                  | 86 - 87      |
| 102-31                    | Review of economic, environmental, and social topics                          | <b>I</b>                                  | 86 - 87      |

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS  | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page                             |
|---------------------------|--|---|----------------------------------|
| 102-32                    | Highest governance body's role in sustainability reporting                     | ×   |                                  |
| 102-33                    | Communicating critical concerns  | <b>I</b>                                  | 100 - 101                        |
| 102-34                    | Nature and total number of critical concerns                                   | <b>☑</b>                                  | 100 - 101                        |
| 102-35                    | Remuneration policies  | $\square$                                 | 158                              |
| 102-36                    | Process for determining remuneration   | ×   |                                  |
| 102-37                    | Stakeholders' involvement in remuneration                                      | ×   |                                  |
| 102-38                    | Annual total compensation ratio  | ×   |                                  |
| 102-39                    | Percentage increase in annual total compensation ratio                         | ×   |                                  |
| 102-40                    | List of stakeholder groups   | $\square$                                 | 146 - 147                        |
| 102-41                    | Collective bargaining agreements   | ×   |                                  |
| 102-42                    | Identifying and selecting stakeholders   | <b>✓</b>                                  | 94 - 95                          |
| 102-43                    | Approach to stakeholder engagement   | $\square$                                 | 96 - 97 - 98 - 99<br>- 100 - 101 |
| 102-44                    | Key topics and concerns raised   | <b>I</b>                                  | 100 - 101                        |
| 102-45                    | Entities included in the consolidated financial statements                     | ×   |                                  |
| 102-46                    | Defining report content and topic Boundaries                                   | $\square$                                 | 92 - 93                          |
| 102-47                    | List of material topics  | <b>I</b>                                  | 100 - 101                        |
| 102-48                    | Restatements of information  | ×   |                                  |
| 102-49                    | Changes in reporting   | ×   |                                  |
| 102-52                    | Reporting cycle  | <b>d</b>                                  | 93                               |
| 102-55                    | GRI Content index  | $\blacksquare$                            | 134                              |
| GRI 103                   | Management Approach  |   |                                  |
| 103-1                     | Explanation of the material topic and its Boundary                             | <b>d</b>                                  | 146 - 147                        |
| 103-2                     | The management approach and its components                                     | $\blacksquare$                            | 70 - 75                          |
| 103-3                     | Evaluation of the management approach  | ×   |                                  |
| GRI 201                   | Economic Performance   |   |                                  |
| 201-1                     | Direct economic value generated and distributed                                | $\square$                                 | 50 - 58 -64                      |
| 201-2                     | Financial implications and other risks and opportunities due to climate change | ×   |                                  |
| 201-3                     | Defined benefit plan obligations and other retirement plans                    | ×   |                                  |
| 201-4                     | Financial assistance received from government                                  | ×   |                                  |
| GRI 202                   | Market Presence  |   |                                  |
| 202-1                     | Ratios of standard entry level wage by gender compared to local minimum wage   | <b>X</b>                                  |                                  |
| 202-2                     | Proportion of senior management hired from the local community                 | ×   |                                  |
|                           | 7  |   |                                  |



#### GRI STANDARDS CHECKLIST (CONTINUED)

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS   | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page            |
|---------------------------|---|---|-----------------|
| GRI 203                   | Indirect Economic Impacts   |   |                 |
| 203-1                     | Infrastructure investments and services supported   | <b>Ø</b>                                  | 104 - 128 - 129 |
| 203-2                     | Significant indirect economic impacts   | <b>Ø</b>                                  | 106             |
| GRI 204                   | Procurement Practices   |   |                 |
| 204-1                     | Proportion of spending on local suppliers   | ×   |                 |
| GRI 205                   | Anti-corruption   |   |                 |
| 205-1                     | Operations assessed for risks related to corruption   | $\square$                                 | 107             |
| 205-2                     | Communication and training about anti-corruption policies and procedures  | <b>☑</b>                                  | 107             |
| 205-3                     | Confirmed incidents of corruption and actions taken   |   | 107             |
| GRI 206                   | Anti-competitive Behavior   |   |                 |
| 206-1                     | Legal actions for anti-competitive behavior, anti-trust, and monopoly practices   |   | 107             |
| GRI 301                   | Materials   |   |                 |
| 301-1                     | Materials used by weight or volume  |   | 109             |
| 301-2                     | Recycled input materials used   |   | 109             |
| 301-3                     | Reclaimed products and their packaging materials  | $\square$                                 | 109             |
| GRI 302                   | Energy  |   |                 |
| 302-1                     | Energy consumption within the organization  |   | 108 - 109       |
| 302-2                     | Energy consumption outside of the organization  | ×   |                 |
| 302-3                     | Energy intensity  | ×   |                 |
| 302-4                     | Reduction of energy consumption   | <b>I</b>                                  | 108 - 109       |
| 302-5                     | Reductions in energy requirements of products and services  | ×   |                 |
| GRI 303                   | Water   |   |                 |
| 303-1                     | Water withdrawal by source  | <u> </u>                                  | 109             |
| 303-2                     | Water sources significantly affected by withdrawal of water   | ×   |                 |
| 303-3                     | Water recycled and reused   | <b>I</b>                                  | 109             |
| GRI 304                   | Biodiversity  |   |                 |
| 304-1                     | Operational sites owned, leased, managed in, or adjacent to, protected areas and areas of high biodiversity value outside protected areas | ×   |                 |
| 304-2                     | Significant impacts of activities, products, and services on biodiversity   | ×   |                 |
| 304-3                     | Habitats protected or restored  | ×   |                 |
| 304-4                     | IUCN Red List species and national conservation list species with habitats in areas affected by operations                                | ×   |                 |

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS   | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page      |
|---------------------------|---|---|-----------|
| GRI 305                   | Emissions   |   |           |
| 305-1                     | Direct (Scope 1) GHG emissions  | ×   |           |
| 305-2                     | Energy indirect (Scope 2) GHG emissions   | <b>×</b>                                  |           |
| 305-3                     | Other indirect (Scope 3) GHG emissions  | ×   |           |
| 305-4                     | GHG emissions intensity   | <b>x</b>                                  |           |
| 305-5                     | Reduction of GHG emissions  | <b>×</b>                                  |           |
| 305-6                     | Emissions of ozone-depleting substances (ODS)   | <b>x</b>                                  |           |
| 305-7                     | Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX), and other significant air emissions   | ×   |           |
| GRI 306                   | Effluents and Waste   |   |           |
| 306-1                     | Water discharge by quality and destination  | <b>I</b>                                  | 111       |
| 306-2                     | Waste by type and disposal method   | <b>I</b>                                  | 111       |
| 306-3                     | Significant spills  | <b>X</b>                                  |           |
| 306-4                     | Transport of hazardous waste  | $\square$                                 | 102       |
| 306-5                     | Water bodies affected by water discharges and/or runoff   | <b>×</b>                                  |           |
| GRI 307                   | Environmental Compliance  |   |           |
| 307-1                     | Non-compliance with environmental laws and regulations  | $\square$                                 | 117       |
| GRI 308                   | Supplier Environmental Assessment   |   |           |
| 308-1                     | New suppliers that were screened using environmental criteria   | ×   |           |
| 308-2                     | Negative environmental impacts in the supply chain and actions taken  | ×   |           |
| GRI 401                   | Employment  |   |           |
| 401-1                     | New employee hires and employee turnover  | $\square$                                 | 46        |
| 401-2                     | Benefits provided to full-time employees that are not provided to temporary or part-time employees                            | <b>I</b>                                  | 120 - 121 |
| 401-3                     | Parental leave  | $\square$                                 | 121       |
| GRI 402                   | Labor/Management Relations  |   |           |
| 402-1                     | Minimum notice periods regarding operational changes  | ×   |           |
| GRI 403                   | Occupational Health and Safety  |   |           |
| 403-1                     | Workers representation in formal joint management-worker health and safety committees   | Ø   | 122       |
| 403-2                     | Types of injury and rates of injury, occupational diseases, lost days, and absenteeism, and number of work-related fatalities | Ø   | 122 - 123 |
| 403-3                     | Workers with high incidence or high risk of diseases related to their occupation  | Ø   | 122 - 123 |
| 403-4                     | Health and safety topics covered in formal agreements with trade unions   | ×   |           |



#### GRI STANDARDS CHECKLIST (CONTINUED)

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS  | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page            |
|---------------------------|--|---|-----------------|
| GRI 404                   | Training and Education   |   |                 |
| 404-1                     | Average hours of training per year per employee  | ×   |                 |
| 404-2                     | Programs for upgrading employee skills and transition assistance programs  | <b>I</b>                                  | 47              |
| 404-3                     | Percentage of employees receiving regular performance and career development reviews                                       | ×   |                 |
| <b>GRI 405</b>            | Diversity and Equal Opportunity  |   |                 |
| 405-1                     | Diversity of governance bodies and employees   | <u>✓</u>                                  | 44 - 45 - 46 47 |
| 405-2                     | Ratio of basic salary and remuneration of women to men   | ×   |                 |
| GRI 406                   | Non-discrimination   |   |                 |
| 406-1                     | Incidents of discrimination and corrective actions taken   | ×   |                 |
| GRI 407                   | Freedom of Association and Collective Bargaining   |   |                 |
| 407-1                     | Operations and suppliers in which the right to freedom of association and collective bargaining may be at risk             | ×   |                 |
| GRI 408                   | Child Labor  |   |                 |
| 408-1                     | Operations and suppliers at significant risk for incidents of child labor  |   | 123             |
| GRI 409                   | Forced or Compulsory Labor   |   |                 |
| 409-1                     | Operations and suppliers at significant risk for incidents of forced or compulsory labor                                   | Ø   | 123             |
| GRI 410                   | Security Practices   |   |                 |
| 410-1                     | Security personnel trained in human rights policies or procedures  | $\square$                                 | 124 - 125       |
| GRI 411                   | Rights of Indigenous Peoples   |   |                 |
| 411-1                     | Incidents of violations involving rights of indigenous peoples   | ×   |                 |
| GRI 412                   | Human Rights Assessment  |   |                 |
| 412-1                     | Operations that have been subject to human rights reviews or impact assessments  | ×   |                 |
| 412-2                     | Employee training on human rights policies or procedures   | ×   |                 |
| 412-3                     | Significant investment agreements and contracts that include human rights clauses or that underwent human rights screening | ×   |                 |
| GRI 413                   | Local Communities  |   |                 |
| 413-1                     | Operations with local community engagement, impact assessments, and development programs                                   | ×   |                 |
| 413-2                     | Operations with significant actual and potential negative impacts on local communities                                     | ×   |                 |

| GRI<br>Standard<br>Number | GRI STANDARDS   | Sustainable<br>Development<br>Report 2017 | Page |
|---------------------------|---|---|------|
| GRI 414                   | Supplier Social Assessment  |   |      |
| 414-1                     | New suppliers that were screened using social criteria  | ×   |      |
| 414-2                     | Negative social impacts in the supply chain and actions taken                                 | ×   |      |
| GRI 415                   | Public Policy   |   |      |
| 415-1                     | Political contributions   | ×   |      |
| GRI 416                   | Customer Health and Safety  |   |      |
| 416-1                     | Assessment of the health and safety impacts of product and service categories                 | ×   |      |
| 416-2                     | Incidents of non-compliance concerning the health and safety impacts of products and services |   | 106  |
| GRI 417                   | Marketing and Labeling  |   |      |
| 417-1                     | Requirements for product and service information and labeling                                 | $\square$                                 | 106  |
| 417-2                     | Incidents of non-compliance concerning product and service information and labeling           |   | 106  |
| 417-3                     | Incidents of non-compliance concerning marketing communications                               | ×   |      |
| GRI 418                   | Customer Privacy  |   |      |
| 418-1                     | Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data  | ×   |      |
| GRI 419                   | Socioeconomic Compliance  |   |      |
| 419-1                     | Non-compliance with laws and regulations in the social and economic area                      |   | 116  |







#### PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

(Incorporated in the Socialist Republic of Vietnam)

## AUDITED CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS FOR THE YEAR ENDED 31 DECEMBER 2017

#### **TABLE OF CONTENTS**

| CONTENTS                                       | PAGE(S    |
|--|-----------|
| STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS            | 141 - 142 |
| INDEPENDENT AUDITORS' REPORT                   | 143 - 144 |
| CONSOLIDATED BALANCE SHEET                     | 145 - 146 |
| CONSOLIDATED INCOME STATEMENT                  | 147       |
| CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT               | 148 - 149 |
| NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS | 150 -178  |

#### STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS

The Board of Directors of PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company (the "Company") presents this report together with the Company's consolidated financial statements for the year ended 31 December 2017.

#### **BOARDS OF MANAGEMENT AND DIRECTORS**

The members of the Boards of Management and Directors of the Company who held office during the year and to the date of this report are as follows:

#### **BOARD OF MANAGEMENT**

Mr. Nguyen Duc Thanh
Mr. Bui Minh Tien
Ms. Tran Thi Binh
Mr. Tran Chi Nguyen
Mr. Tran My
Member
Mr. Tran My
Member

#### **BOARD OF DIRECTORS**

Mr. Bui Minh Tien General Director

Mr. Hoang Trong DungDeputy General DirectorMr. Van Tien ThanhDeputy General DirectorMr. Nguyen Duc HanhDeputy General DirectorMr. Le Ngoc Minh TriDeputy General Director

**Mr. Nguyen Tuan Anh** Deputy General Director (appointed on 24 May 2017)

#### **BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY**

The Board of Directors of the Company is responsible for preparing the consolidated financial statements, which give a true and fair view of the financial position of the Company and its subsidiary as at 31 December 2017, and their financial performance and their cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to cosolidated financial reporting. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Directors is required to:

- ✓ Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- ✓ Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- ✓ State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements;
- ✓ Prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- ✓ Design and implement an effective internal control system for the purpose of properly preparing and presenting the consolidated financial statements so as to minimize errors and frauds.







STATEMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS (CONTINUED)

# **BOARD OF DIRECTORS' STATEMENT OF RESPONSIBILITY (CONTINUED)**

The Board of Directors is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and that the consolidated financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting. The Board of Directors is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of frauds and other irregularities.

The Board of Directors confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these consolidated financial statements.

For and on behalf of the Board of Directors.



Le Naoc Minh Tri Deputy General Director

17 March 2018

No.: 616 /VN1A-HN-BC

# INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

THE SHAREHOLDERS TO:

> THE BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF DIRECTORS PETROVIETNAM CAMAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY

We have audited the accompanying consolidated financial statements of PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company (the "Company"), prepared on 17 March 2018, as set out from page 145 to page 178, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2017, the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended, and a summary of significant accounting policies and other explanatory information.

### BOARD OF DIRECTORS' RESPONSIBILITY FOR THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Directors is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting and for such internal control as the Board of Directors determines is necessary to enable the preparation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

### **AUDITORS' RESPONSIBILITY**

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Company's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Company's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the Board of Directors, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

# **OPINION**

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company and its subsidiary as at 31 December 2017, and their financial performance and their cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

No.: 616 /VN1A-HN-BC

# **INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (CONTINUED)**

# **EMPHASIS OF MATTERS**

- ✓ The Company has been officially transformed into a joint stock company since 15 January 2015. The consolidated financial statements for the year ended 31 December 2017 do not include any adjustments that may arise related to the determination of the State capital portion as the Company has not had a minutes of determination of the State capital portion as at the date of the Company's official transformation into a joint stock company.
- ✓ As stated in Note 8 of the Notes to the consolidated financial statements, the Company has been recording a receivable from Vietnam Oil and Gas Group related to the equitization phase with the amount of approximately VND 276.8 billion. Such amount is the Company's profit for the period from 01 January 2014 to 14 January 2015, which has been overpaid to the Group. The Board of Directors determined that this receivable would be recovered when the Company performs finalization regarding the State capital portion with Vietnam Oil and Gas Group.

Our opinion is not modified in respect of these matters.



**Tran Huy Cong** 

Deputy General Director Audit Practising Registration Certificate No. 0891-2018-001-1 We\_\_\_\_

Do Trung Kien

Auditor Audit Practising Registration Certificate No. 1924-2018-001-1

### **DELOITTE VIETNAM COMPANY LIMITED**

17 March 2018 Hanoi, S.R. Vietnam

# Form B01-DN/HN

# **CONSOLIDATED BALANCE SHEET**

As at 31 December 2017

Unit: VND

| ASSE | ets .  | Codes | Notes | Closing balance     | Opening balance     |
|------|--|-------|-------|---------------------|---------------------|
| A.   | CURRENT ASSETS                                       | 100   |       | 4,838,709,104,648   | 4,034,415,094,113   |
| I.   | Cash and cash equivalents                            | 110   | 4     | 1,896,184,894,173   | 813,518,747,412     |
|      | 1. Cash  | 111   |       | 393,834,894,173     | 481,518,747,412     |
|      | 2. Cash equivalents                                  | 112   |       | 1,502,350,000,000   | 332,000,000,000     |
| II.  | Short-term financial investments                     | 120   | 5     | 2,100,000,000,000   | 2,300,000,000,000   |
|      | 1. Held-to-maturity investments                      | 123   |       | 2,100,000,000,000   | 2,300,000,000,000   |
| III. | Short-term receivables                               | 130   |       | 400,478,657,863     | 481,716,332,388     |
|      | 1. Short-term trade receivables                      | 131   | 6     | 1,298,187,390       | 6,814,108,300       |
|      | 2. Short-term advances to suppliers                  | 132   | 7     | 88,361,010,852      | 18,741,754,171      |
|      | 3. Other short-term receivables                      | 136   | 8     | 310,340,894,112     | 456,160,469,917     |
|      | 4. Deficits in assets awaiting solution              | 139   |       | 478,565,509         | -                   |
| IV.  | Inventories  | 140   | 9     | 370,662,712,495     | 374,120,518,186     |
|      | 1. Inventories                                       | 141   |       | 370,662,712,495     | 375,625,582,334     |
|      | 2. Provision for devaluation of inventories          | 149   |       | -                   | (1,505,064,148)     |
| ٧.   | Other short-term assets                              | 150   |       | 71,382,840,117      | 65,059,496,127      |
|      | 1. Short-term prepayments                            | 151   | 10    | 27,233,376,867      | 29,671,646,612      |
|      | 2. Value added tax deductibles                       | 152   |       | 43,662,950,934      | 32,040,550,899      |
|      | 3. Taxes and other receivables from the State budget | 153   | 16    | 486,512,316         | 3,347,298,616       |
| В.   | NON-CURRENT ASSETS                                   | 200   |       | 7,617,455,035,205   | 8,932,636,790,069   |
| I.   | Long-term receivables                                | 210   |       | 3,000,000           | 3,000,000           |
|      | 1. Other long-term receivables                       | 216   | 8     | 3,000,000           | 3,000,000           |
| II.  | Fixed assets   | 220   |       | 7,501,543,498,779   | 8,754,407,466,113   |
|      | 1. Tangible fixed assets                             | 221   | 11    | 7,469,583,622,805   | 8,691,967,185,395   |
|      | - Cost   | 222   |       | 13,931,183,545,130  | 13,861,770,166,630  |
|      | - Accumulated depreciation                           | 223   |       | (6,461,599,922,325) | (5,169,802,981,235) |
|      | 2. Intangible assets                                 | 227   | 12    | 31,959,875,974      | 62,440,280,718      |
|      | - Cost   | 228   |       | 85,774,363,908      | 95,872,466,668      |
|      | - Accumulated amortisation                           | 229   |       | (53,814,487,934)    | (33,432,185,950)    |
| III. | Long-term assets in progress                         | 240   |       | 104,446,521,029     | 79,196,837,346      |
|      | 1. Construction in progress                          | 242   | 13    | 104,446,521,029     | 79,196,837,346      |
| IV.  | Other long-term assets                               | 260   |       | 11,462,015,397      | 99,029,486,610      |
|      | 1. Long-term prepayments                             | 261   | 10    | 8,528,310,860       | 99,029,486,610      |
|      | 2. Deferred tax assets                               | 262   |       | 2,933,704,537       | -                   |
| тота | L ASSET (270 = 100 + 200)                            | 270   |       | 12,456,164,139,853  | 12,967,051,884,182  |

The accompanying notes are an integral part of these consolidated financial statements



# **CONSOLIDATED BALANCE SHEET**

As at 31 December 2017 (continued)

Form B01-DN/HN

Unit: VND

| RESC | OURCES   | Codes | Notes | Closing balance    | Opening balance    |
|------|--|-------|-------|--------------------|--------------------|
| C.   | LIABILITIES  | 300   |       | 6,302,642,116,732  | 7,116,808,808,039  |
| l.   | Current liabilities                                      | 310   |       | 2,525,325,658,242  | 2,535,800,653,695  |
|      | 1. Short-term trade payables                             | 311   | 14    | 437,540,179,720    | 688,405,588,269    |
|      | 2. Short-term advances from customers                    | 312   | 15    | 83,530,106,522     | 64,450,940,342     |
|      | 3. Taxes and amounts payable to the State budget         | 313   | 16    | 15,559,115,869     | 3,374,874,622      |
|      | 4. Payables to employees                                 | 314   |       | 53,668,946,577     | 47,541,974,859     |
|      | 5. Short-term accrued expenses                           | 315   | 17    | 610,284,379,084    | 67,875,659,036     |
|      | 6. Other current payables                                | 319   | 18    | 221,137,473,632    | 248,030,850,984    |
|      | 7. Short-term loans and obligations under finance leases | 320   | 19    | 1,062,377,986,921  | 1,359,162,384,314  |
|      | 8. Bonus and welfare funds                               | 322   |       | 41,227,469,917     | 56,958,381,269     |
| II.  | Long-term liabilities                                    | 330   |       | 3,777,316,458,490  | 4,581,008,154,344  |
|      | 1. Other long-term payables                              | 337   | 18    | -                  | 1,055,667,075      |
|      | 2. Long-term loans and obligations under finance leases  | 338   | 20    | 3,673,878,941,199  | 4,538,380,155,040  |
|      | 3. Scientific and technological development fund         | 343   | 21    | 103,437,517,291    | 41,572,332,229     |
| D.   | EQUITY   | 400   |       | 6,153,522,023,121  | 5,850,243,076,143  |
| l.   | Owners' equity   | 410   | 22    | 6,153,522,023,121  | 5,850,243,076,143  |
|      | 1. Owners' contributed capital                           | 411   |       | 5,294,000,000,000  | 5,294,000,000,000  |
|      | - Ordinary shares carrying voting rights                 | 411a  |       | 5,294,000,000,000  | 5,294,000,000,000  |
|      | 2. Investment and development fund                       | 418   |       | 238,735,534,003    | 161,063,726,429    |
|      | 3. Retained earnings                                     | 421   |       | 594,403,715,402    | 368,288,538,698    |
|      | - Retained earnings accumulated to the prior year end    | 421a  |       | 98,105,509,479     | 570,337,282        |
|      | - Retained earnings of the current year                  | 421b  |       | 496,298,205,923    | 367,718,201,416    |
|      | 4. Non-controlling interests                             | 429   |       | 26,382,773,716     | 26,890,811,016     |
| ТОТА | L RESOURCES (440 = 300 + 400)                            | 440   |       | 12,456,164,139,853 | 12,967,051,884,182 |

**Dinh Nhat Duong** 

Preparer

Dinh Nhu Cuong Chief Accountant

Le Ngoc Minh Tri Deputy General Director

17 March 2018

CÔNG TY CỔ PHẨN

HÂN BÓN ĐẦU KHÍ

CÀ MAU

# Form B02-DN/HN

# **CONSOLIDATED INCOME STATEMENT**

For the year ended 31 December 2017

Unit: VND

| ITEMS  | Codes | Notes | Current year      | Prior year        |
|--|-------|-------|-------------------|-------------------|
| 1. Gross revenue from goods sold and services rendered           | 01    | 25    | 5,832,973,328,808 | 4,971,748,943,654 |
| 2. Deductions  | 02    | 25    | 85,218,359,150    | 61,578,260,352    |
| 3. Net revenue from goods sold and services rendered (10=01-02)  | 10    |       | 5,747,754,969,658 | 4,910,170,683,302 |
| 4. Cost of sales   | 11    | 26    | 4,366,452,519,088 | 3,595,507,736,544 |
| 5. Gross profit from goods sold and services rendered (20=10-11) | 20    |       | 1,381,302,450,570 | 1,314,662,946,758 |
| 6. Financial income  | 21    | 28    | 168,762,736,688   | 281,352,006,888   |
| 7. Financial expenses  | 22    | 29    | 202,888,783,558   | 432,719,478,011   |
| - In which: Interest expense                                     | 23    |       | 182,986,530,390   | 206,622,388,743   |
| 8. Selling expenses  | 25    | 30    | 333,600,305,285   | 275,833,011,237   |
| 9. General and administration expenses                           | 26    | 30    | 337,350,868,958   | 254,753,830,327   |
| 10. Operating profit (30=20+(21-22)-(25+26))                     | 30    |       | 676,225,229,457   | 632,708,634,071   |
| 11. Other income   | 31    | 31    | 3,182,396,723     | 26,209,791,117    |
| 12. Other expenses   | 32    | 31    | 82,492,494        | 27,031,577        |
| 13. Profit from other activities (40=31-32)                      | 40    | 31    | 3,099,904,229     | 26,182,759,540    |
| 14. Accounting profit before tax (50=30+40)                      | 50    |       | 679,325,133,686   | 658,891,393,611   |
| 15. Current corporate income tax expense                         | 51    | 32    | 40,882,128,966    | 34,551,571,563    |
| 16. Deferred corporate tax (income)/expense                      | 52    |       | (2,933,704,537)   | -                 |
| 17. Net profit after corporate income tax (60=50-51-52)          | 60    |       | 641,376,709,257   | 624,339,822,048   |
| 17.1. Equity holders of the Parent Company                       | 61    |       | 637,879,025,730   | 619,831,354,510   |
| 17.2. Non-controlling interests                                  | 62    |       | 3,497,683,527     | 4,508,467,538     |
| 18. Basic earnings per share                                     | 70    | 33    | 1,074             | 1,011             |

**Dinh Nhat Duong** Preparer

Dinh Nhu Cuong Chief Accountant

Le Ngoc Minh Tri Deputy General Director

17 March 2018

CÔNG TY CÔ PHẨN

FHÂN BÓN ĐẦU KHÍ

CÀ MAU



**ITEMS** 

Provisions

currency items

Interest expense

Other adjustments

Changes in receivables

Changes in inventories

income tax payable)

Interest paid

Other cash inflows

Other cash outflows

Changes in prepaid expenses

Corporate income tax paid

1. Profit before tax

2. Adjustments for:

Depreciation and amortisation

(Gain) from investing activities

# **CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT**

Codes

01

02

03

04

05

06

07

08

09

10

11

12

15

16

17

20

21

23

24

27

30

**Current year** 

679,325,133,686

1.309.000.550.484

(1,505,064,148)

(10,234,614,310)

(156,680,247,539)

182,986,530,390

72,825,537,606

27,973,717,696

4,962,869,839

362,668,158,683

92,939,445,495

(177,285,840,755)

(26,829,335,955)

(93,912,397,585)

2,266,234,443,587

(119,674,908,983)

(4,800,000,000,000)

5,000,000,000,000

153,838,386,428

234,163,477,445

2,075,717,826,169

For the year ended 31 December 2017

I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES

Foreign exchange (gain)/loss arising from translating foreign

3. Operating profit before movements in working capital

Changes in payables (excluding accrued loan interest and corporate

Balance of investment and development fund transferred to the Group

1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets

2. Cash outflow for lending, buying debt instruments of other entities

3. Cash recovered from lending, selling debt instruments of other entities

Net cash generated by operating activities

II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES

4. Interest earned, dividends and profits received

Net cash generated by investing activities

Form B03-DN/HN

Unit: VND

**Prior year** 

658,891,393,611

1,292,036,751,160

792,216,475

72,779,573,574

(155,766,178,207)

206,622,388,743

15,000,000,000

2,090,356,145,356

(422,503,226,805)

16,417,103,018

(32,280,566,034)

(3,419,886,119)

(204,848,817,000)

(6,006,124,720)

(64,190,319,665)

(286,574,832,277)

1,086,949,475,754

(172,907,748,871)

(5,100,000,000,000)

5,502,555,555,556

164,284,492,616

393,932,299,301

Form B03-DN/HN

# **CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT**

For the year ended 31 December 2017 (continued)

Unit: VND

| ITEMS  | Codes | Current year        | Prior year          |
|--|-------|---------------------|---------------------|
| III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES                      |       |                     |                     |
| 1. Proceeds from borrowings                                    | 33    | 198,310,040,751     | 142,496,074,020     |
| 2. Repayment of borrowings                                     | 34    | (1,348,465,440,374) | (1,390,029,720,486) |
| 3. Dividends and profits paid                                  | 36    | (267,607,040,000)   | (634,944,650,000)   |
| Net cash (used in) financing activities                        | 40    | (1,417,762,439,623) | (1,882,478,296,466) |
| Net increase/(decrease) in cash (50=20+30+40)                  | 50    | 1,082,635,481,409   | (401,596,521,411)   |
| Cash and cash equivalents at the beginning of the year         | 60    | 813,518,747,412     | 1,215,079,331,489   |
| Effect of changes in foreign exchange rates                    | 61    | 30,665,352          | 35,937,334          |
| Cash and cash equivalents at the end of the year (70=50+60+61) | 70    | 1,896,184,894,173   | 813,518,747,412     |

**Dinh Nhat Duong** Preparer

**Dinh Nhu Cuong** Chief Accountant

Le Ngoc Minh Tri Deputy General Director

17 March 2018

**CÔNG TY** 

CỔ PHẨN

CÀ MAU

MAU-

E PHÂN BÓN ĐẦU KHÍ

Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements

### 1. GENERAL INFORMATION

# Structure of ownership

PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company (the "Company"), formerly known as PetroVietnam Camau Fertilizer Company Limited - a subsidiary of Vietnam Oil and Gas Group, was established in Vietnam under Corporate Registration Certificate No. 2001012298 issued by Camau Province's Department of Planning and Investment on 24 March 2011.

PetroVietnam Camau Fertilizer Company Limited was officially transformed into a Joint Stock Company with the name of PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company under Corporate Registration Certificate for Joint Stock Company No. 2001012298 issued by Camau Province's Department of Planning and Investment on 15 January 2015, with the charter capital of VND 5,294,000,000,000. The Company's stocks were listed on Ho Chi Minh City Stock Exchange on 31 March 2015 under the stock code as "DCM".

The parent company of the Company is Vietnam Oil and Gas Group.

The number of employees of the Company and its subsidiary as at 31 December 2017 was 1,187 (as at 31 December 2016: 1,053).

### Operating industry and principal activities

The operating industry of the Company includes:

- ✓ Production of fertilizers, nitrogen compounds and basic chemicals.
- ✓ Wholesale of fertilizers, chemicals used in industry agriculture.
- ✓ Retail of fertilizers, chemicals used in industry agriculture.
- ✓ Architectural activities and consultancy on techniques using fertilizers and chemicals.
- ✓ Warehousing, storage and handling cargo.
- ✓ Research and experiment of development of natural science and engineering, technical testing and analysing.
- ✓ Machinery and equipment repair and maintenance.

The principal activities of the Company are fertilizer production and trading.

# Normal production and business cycle

The Company's normal production and business cycle is carried out for a time period of 12 months or less.

# The Company's structure

The subsidiary of the Company is PetroVietnam Packaging Joint Stock Company. General information about the subsidiary is as below:

|   | Place of incorporation and operation | Proportion of ownership interest | Proportion<br>of voting<br>power held | Principal<br>activity                      |
|---|--------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|
| PetroVietnam Packaging<br>Joint Stock Company | Bac Lieu                             | 51,03%                           | 51,03%                                | Package and<br>fertilizer<br>manufacturing |

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

The Company has 02 branches that are dependent accounting units, located in plot D, Ward 1 Industrial Zone, Ngo Quyen Street, Ward 1, Ca Mau City, Ca Mau Province, have their own seal for transaction and are allowed to open accounts at banks in accordance with Vietnamese laws. Details of the Company's branches are as follows:

- ✓ Branch of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company Project Management Unit was established under Decision No. 1109/QD-PVCFC dated 01 June 2016 of the Board of Management.
- ✓ Branch of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company Research and Development Unit was established under Decision No. 442/QD-PVCFC dated 27 March 2017 of the Board of Management.

### Disclosure of information comparability in the consolidated financial statements

Comparative figures are the figures of the audited consolidated financial statements for the year ended 31 December 2016.

### 2. ACCOUNTING CONVENTION AND FINANCIAL YEAR

# Accounting convention

The accompanying consolidated financial statements, expressed in Vietnam Dong (VND), are prepared under the historical cost convention and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting.

The accompanying consolidated financial statements are not intended to present the consolidated financial position, consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

# Financial year

The Company's financial year begins on 01 January and ends on 31 December.

# 3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

The significant accounting policies, which have been adopted by the Company in the preparation of these consolidated financial statements, are as follows:

### **Estimates**

The preparation of the consolidated financial statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, accounting regime for enterprises and legal regulations relating to consolidated financial reporting requires the Board of Directors to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of assets, liabilities and disclosures of contingent assets and liabilities at the date of the consolidated financial statements and the reported amounts of revenues and expenses during the financial year. Although these accounting estimates are based on the Board of Directors' best knowledge, actual results may differ from those estimates.

Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### Basis of consolidation

The consolidated financial statements incorporate the financial statements of the Company and enterprise controlled by the Company (its subsidiary) for the year ended 31 December 2017. Control is achieved where the Company has the power to govern the financial and operating policies of an investee enterprise so as to obtain benefits from its activities.

The results of subsidiary acquired or disposed of during the year are included in the consolidated income statement from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal, as appropriate.

Where necessary, adjustments are made to the financial statements of subsidiary to bring the accounting policies used in line with those used by the Company.

Intragroup transactions and balances are eliminated in full on consolidation.

Non-controlling interests consist of the amount of those non-controlling interests at the date of the original business combination (see below) and the non-controlling interests' share of changes in equity since the date of the combination. Losses in subsidiary are respectively attributed to the non-controlling interests even if this results in the non-controlling interests having a deficit balance.

### Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, demand deposits and short-term, highly liquid investments that are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

# Financial investments

### Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments comprise investments that the Company has the positive intent or ability to hold to maturity, including bank term deposits held to maturity to earn periodic interest.

Held-to-maturity investments are recognised on a trade date basis and are initially measured at acquisition price plus directly attributable transaction costs. Post-acquisition interest income from held-to-maturity investments is recognised in the consolidated income statement on accrual basis. Pre-acquisition interest is deducted from the cost of such investments at the acquisition date.

Held-to-maturity investments are measured at cost less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts relating to held-to-maturity investments is made in accordance with prevailing accounting regulations.

### Receivables

Receivables represent the amounts recoverable from customers or other debtors and are stated at book value less provision for doubtful debts.

Provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue for six months or more, or when the debtor is in dissolution, in bankruptcy, or is experiencing similar difficulties and so may be unable to repay the debt.

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### Inventories

Inventories are stated at the lower of cost and net realisable value. Cost of inventory includes direct materials, direct labour costs and overheads, where applicable, that have been incurred in bringing the inventories to their present location and condition. Issue cost is calculated using the weighted average method. Net realisable value represents the estimated selling price less all estimated costs to completion and costs to be incurred in marketing, selling and distribution. The Company accounts inventory under perpetual inventory count method.

The evaluation of necessary provision for inventory obsolescence follows current prevailing accounting regulations which allow provisions to be made for obsolete, damaged, or sub-standard inventories and for those which have costs higher than net realisable values as at the balance sheet date.

# Tangible fixed assets and depreciation

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The costs of purchased tangible fixed assets comprise their purchase prices and any directly attributable costs of bringing the assets to their working conditions and locations for their intended use. The costs of tangible fixed assets formed from construction investment by contractual mode or self-construction or self-generating process are the settled costs of the invested construction projects in accordance with the prevailing State's regulations on investment and construction management, directly-related expenses and registration fee (if any). In the event the construction project has been completed and put into use but the settled costs thereof have not been approved, the cost of tangible fixed assets is recognised at the estimated cost based on the actual cost incurred. The estimated cost will be adjusted according to the settled costs approved by competent authorities.

Tangible fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives, as follows:

|   | Current year<br>(Years) |
|---|-------------------------|
| Buildings and structures                  | 5 - 25                  |
| Machinery and equipment                   | 5 - 12                  |
| Motor vehicles and transmission equipment | 5 - 8                   |
| Office equipment                          | 3 - 6                   |
| Others                                    | 3 - 6                   |

The Company's tangible fixed assets were revalued when it was equitized as a state-owned enterprise. Their cost and accumulated depreciation are adjusted based on the revaluation value approved by competent authorities as regulated. Adjusted depreciation was applied when the Company officially started operating as a joint stock company.

Loss or gain resulting from sales and disposals of tangible fixed assets is the difference between profit from sales or disposals of assets and their residual values and is recognised in the consolidated income statement.

### Intangible assets and amortisation

Intangible assets represent land use rights, copyright, patents and computer software that are stated at cost less accumulated amortisation.







Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

Land use rights increase because of the revaluation and transfer to another form in which the State assigns land to the enterprise in exchange of land use fee, allowing the Company to record an increase in payables to the State when being transformed into a Joint Stock Company.

Intangible assets are amortised using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

|                    | Current year<br>(Years) |
|--------------------|-------------------------|
| Land use rights    | 20 - 50                 |
| Copyright, patents | 3                       |
| Computer software  | 3                       |

The Company's intangible assets were revalued when it was equitized as a state-owned enterprises. Their cost and accumulated amortisation are adjusted based on the revaluation value approved by competent authorities as regulated. Adjusted amortisation was applied when the Company officially started operating as a joint stock company.

# Construction in progress

Properties in the course of construction for production, rental and administrative purposes or for other purposes are carried at cost. The cost includes any costs that are necessary to form the asset including construction cost, equipment cost, other directly attributable costs in accordance with the Company's accounting policy. Such costs will be included in the estimated costs of the fixed assets (if settled costs have not been approved) when they are put into use.

According to the State's regulations on investment and construction management, the settled costs of completed construction projects are subject to approval by appropriate level of competent authorities. The final costs of these completed construction projects may vary depending on the final approval by competent authorities.

### Prepayments

Prepayments are expenses which have already been paid but relate to results of operations of multiple accounting periods. Prepayments comprise the cost of Camau Fertilizer Production Plant's asset insurance, fixed assets repair expenses, expense for catalyst, goodwill and other types of long-term prepayments.

The Company's goodwill arises as a result of determining the business value for equitization. This goodwill will be allocated to operating expenses in 3 years since the Company officially operates as a joint stock company.

The cost of Camau Fertilizer Production Plant's asset insurance will be allocated to operation expenses based on the insurance period.

Other types of long-term prepayments comprise cost of catalyst, small tools, supplies issued for consumption, fixed asset repair expenses, etc which are expected to provide future economic benefits to the Company for one year or more. These expenditures have been capitalised as long-term prepayments, and are allocated to the consolidated income statement using the straight-line method over the period of no more than 3 years.

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

# Science and Technology Development Fund

Science and Technology Development Fund is appropriated at a rate of no more than 10% of taxable profit in order to invest in science and technology activities of the Company. This Fund was formed on the basis of the Company's development and technology innovation demand and is recognized in the operation results of the year.

### Foreign currencies

Transactions arising in foreign currencies are translated at exchange rates ruling at the transaction date. The balances of monetary items denominated in foreign currencies as at the balance sheet date are retranslated at the exchange rates on the same date. Exchange differences arising from the translation of these accounts are recognised in the consolidated income statement.

As guided by Official Letter No. 4360/DKVN-TCKT dated 30 June 2015 issued by Vietnam Oil and Gas Group and Official Letter No. 7526/BTC-TCDN dated 08 June 2015 issued by Ministry of Finance on the exchange rate of foreign currencies, the Company applied the buying rate announced by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam to translate monetary items denominated in foreign currencies as at 31 December 2017. The above mentioned rate differs from that stated in Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 issued by the Ministry of Finance guiding the accounting regime for enterprises ("Circular 200").

## Revenue recognition

Revenue from the sale of goods is recognised when all five (5) following conditions are satisfied:

- (a) the Company has transferred to the buyer the significant risks and rewards of ownership of the goods;
- (b) the Company retains neither continuing managerial involvement to the degree usually associated with the ownership or effective control over the goods sold;
- (c) the amount of revenue can be measured reliably;
- (d) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company; and
- (e) the costs incurred or to be incurred in respect of the transaction can be measured reliably.

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of such transactions can be measured reliably. Where a transaction involving the rendering of services is attributable to several years, revenue is recognised in each year by reference to the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date of that year. The outcome of a transaction can be measured reliably when all four (4) following conditions are satisfied:

- (a) the amount of revenue can be measured reliably;
- (b) it is probable that the economic benefits associated with the transaction will flow to the Company;
- (c) the percentage of completion of the transaction at the balance sheet date can be measured reliably; and
- (d) the costs incurred for the transaction and the costs to complete the transaction can be measured reliably.

Interest income is accrued on an accrual basis, by reference to the principal outstanding and at the applicable interest rate.

Dividend income from investments is recognised when the Company's right to receive payment has been established.

Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

# **Borrowing costs**

Borrowing costs are recognised in the income statement in the year when incurred unless they are capitalised in accordance with Vietnamese Accounting Standard No. 16 "Borrowing costs". Accordingly, borrowing costs directly attributable to the acquisition, construction or production of qualifying assets, which are assets that necessarily take a substantial period of time to get ready for their intended use or sale, are added to the cost of those assets, until such time as the assets are substantially ready for their intended use or sale. Investment income earned on the temporary investment of specific borrowings pending their expenditure on qualifying assets is deducted from the cost of those assets. For specific borrowings for the purpose of construction of fixed assets and investment properties, borrowing costs are capitalised even when the construction period is under 12 months.

### **Taxation**

Income tax expense represents the sum of the tax currently payable and deferred tax.

The tax currently payable is based on taxable profit for the year. Taxable profit differs from profit before tax as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other years (including loss carried forward, if any) and it further excludes items that are never taxable or deductible.

According to Investment Certificate No. 61101000153 dated 04 December 2012 issued by the People's Committee of Camau province, the Company is entitled to tax incentives with regard to Camau Fertilizer Plant project as follows:

- ✓ Corporate income tax: The Company is entitled to preferential tax rates, tax exemption and reduction in accordance with provisions of the prevailing law on corporate income tax.
- ✓ Land tax: The Company is exempted/reduced from land use tax, land use fees, rentals and water surface rental in accordance with provisions of the prevailing laws on land and tax.
- ✓ Import duty: The Company is exempted from import duty with regard to equipment, materials, motor vehicles and other goods for the implementation of investment projects in accordance with the law on import/export duties.

For income from main business activities arising from Camau Fertilizer Plant Project, the Company is in the period of corporate income tax incentives. The year 2017 was the second year the Company was entitled to a 50% reduction in tax payable. For other business activities than Camau Fertilizer Plant Project, the Company is obliged to pay corporate income tax at the applicable rate based on taxable profit.

Corporate income tax of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the Company's subsidiary - PPC) is applied as follows:

- ✓ For package manufacturing and trading activity: according to Decision No. 22/2010/QD-UBND dated 01 September 2010 issued by People's Committee of Bac Lieu province regarding promulgation of regulations and policies on investment encouragement, support and incentives in Bac Lieu province and the first Investment Certificate No. 60221000003 dated 23 June 2013 issued by Bac Lieu Industrial Zones Management Unit. Accordingly, PPC is entitled to tax incentives as follows: preferential tax rate of 20% for 10 years and tax exemption for 2 years from the first year PPC has taxable profit (2012), 50% tax reduction in tax payable for the next 4 years applicable to newly established enterprises of Investment Projects in areas with difficult socio-economic conditions. The year 2017 is the third year in which PPC is entitled to 50% tax deduction in tax payable.
- ✓ For fertilizer manufacturing and trading activity: the Company has had no taxable profit yet.

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

Deferred tax is recognised on significant differences between carrying amounts of assets and liabilities in the consolidated financial statements and the corresponding tax bases used in the computation of taxable profit and is accounted for using balance sheet liability method. Deferred tax liabilities are generally recognised for all temporary differences and deferred tax assets are recognised to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences can be utilised.

Deferred tax is calculated at the tax rates that are expected to apply in the year when the liability is settled or the asset realised. Deferred tax is charged or credited to profit or loss, except when it relates to items charged or credited directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in equity.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same tax authority and the Company intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Other taxes are paid in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

### 4. CASH AND CASH EQUIVALENTS

|                      | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|
| Cash on hand         | 331,972,815            | 84,430,897             |
| Bank demand deposits | 393,502,921,358        | 481,434,316,515        |
| Cash equivalents (*) | 1,502,350,000,000      | 332,000,000,000        |
|                      | 1,896,184,894,173      | 813,518,747,412        |

(\*) Cash equivalents represent the deposits in VND at commercial banks with original terms of three months or less.

Bank demand deposits and cash equivalents are deposited at commercial banks in Vietnam. The Company regularly evaluates and believes that the above deposits are exposed to no risk of recoverability or liquidation.

### 5. SHORT-TERM FINANCIAL INVESTMENTS

|   | Closing balance   |                        | Opening balance   |                        |
|---|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
|   | Cost<br>VND       | Carrying amount<br>VND | Cost<br>VND       | Carrying amount<br>VND |
| Short-term held-to-maturity investments   |                   |                        |                   |                        |
| Term deposits with maturity over 3 months | 2,100,000,000,000 | 2,100,000,000,000      | 2,300,000,000,000 | 2,300,000,000,000      |



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### **SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Hung Vuong Song Doc Joint Stock Company                     | 553,135,000            | -                      |
| Tuong Nguyen Import & Export Trading and Services Co., Ltd. | 162,085,000            | 3,102,057,200          |
| Phu My Chemical and Construction Co., Ltd.                  | -                      | 3,600,130,403          |
| Other customers   | 582,967,390            | 111,920,697            |
|   | 1,298,187,390          | 6,814,108,300          |

# **SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Chemical Industry Engineering Joint Stock Company                     | 47,759,883,484         | -                      |
| PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company                | 15,120,373,378         | -                      |
| Yokogawa Vietnam Company Limited                                      | 5,573,649,360          | -                      |
| VMARK Communication Corporation                                       | 2,763,700,000          | -                      |
| Vimico Equipment and Accessories Co., Ltd.                            | 895,294,617            | 2,115,198,796          |
| Tri Viet Trading Engineering Company Limited                          | 576,254,255            | 6,785,642,866          |
| Other suppliers   | 15,671,855,758         | 9,840,912,509          |
|   | 88,361,010,852         | 18,741,754,171         |
| Short-term advances to related parties (details presented in Note 36) | 17,919,325,565         | -                      |

# **OTHER RECEIVABLES**

|  | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|--|------------------------|------------------------|
| a) Other short-term receivables  |                        |                        |
| Receivable from Vietnam Oil and Gas Group  | 276,761,701,091        | 393,555,154,634        |
| - Estimated gas receivable for the year ended 31 December 2016                         | -                      | 116,793,453,543        |
| - Receivable related to the equitization phase (i)                                     | 276,761,701,091        | 276,761,701,091        |
| Accrued interest receivable from term deposits   | 27,045,577,779         | 24,203,716,668         |
| Capital granted to Camau Gas - Electricity - Fertilizer Project<br>Management Unit (*) | -                      | 19,718,000,000         |
| Advances to employees  | 6,147,410,887          | 6,366,971,000          |
| Receivable from PVI Insurance Ho Chi Minh City   | -                      | 4,053,625,704          |
| Collateral, deposits   | 325,000,000            | 390,000,000            |
| Other receivables  | 61,204,355             | 7,873,001,911          |
|  | 310,340,894,112        | 456,160,469,917        |
| b) Other long-term receivables   |                        |                        |
| Long-term collateral, deposits   | 3,000,000              | 3,000,000              |
|  | 3,000,000              | 3,000,000              |
| Other short-term receivables from related parties (details presented in Note 36)       | 276,761,701,091        | 415,245,932,412        |

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

- Represent profit of the period from 01 January 2014 to 14 January 2015, which had been transferred to Vietnam Oil and Gas Group due to the effect of price unit adjustment to gas purchased by the Company from Vietnam Oil and Gas Group during this period. This receivable will be recovered when the Company performs finalization regarding the State capital portion with Vietnam Oil and Gas Group.
- The balance of capital granted to Camau Gas Electricity Fertilizer Project Management Unit ("Project Management Unit") represents the amount the Company transferred to the Project Management Unit since 2013 to settle liabilities. This capital funding has no collateral and bears no interest. This balance was offset against the other short-term payables regarding input VAT for purchasing gas in the construction period before official commercial operations in 2017.

# **INVENTORIES**

|                      | Closing bala    | nce              | Opening b       | alance           |
|----------------------|-----------------|------------------|-----------------|------------------|
|                      | Cost<br>VND     | Provision<br>VND | Cost<br>VND     | Provision<br>VND |
| Raw materials        | 207,282,458,199 | -                | 178,516,791,621 | -                |
| Tools and supplies   | 4,833,713,407   | -                | 1,686,454,799   | -                |
| Work in progress     | 35,052,347,008  | -                | 56,423,373,299  | (1,505,064,148)  |
| Finished goods       | 113,052,877,561 | -                | 56,484,144,839  | -                |
| Goods                | 10,441,316,320  | -                | 27,061,792,000  | -                |
| Goods on consignment | =               | -                | 55,453,025,776  | =                |
|                      | 370,662,712,495 | -                | 375,625,582,334 | (1,505,064,148)  |

As at 31 December 2017, the Company assessed the net realisable value and reversed provision for devaluation of inventories with the amount of VND 1,505,064,148.

### 10. **PREPAYMENTS**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a) Short-term                               |                        |                        |
| Assets insurance for Camau Fertilizer Plant | 16,751,612,330         | 16,920,110,765         |
| Warranty extension and software copyrights  | 4,760,218,148          | 6,910,830,835          |
| Advertising pano                            | 1,240,979,132          | 2,677,433,264          |
| Other short-term prepaid expenses           | 4,480,567,257          | 3,163,271,748          |
|   | 27,233,376,867         | 29,671,646,612         |
| b) Long-term                                |                        |                        |
| Goodwill (*)                                | -                      | 46,513,175,754         |
| Fixed asset repair expenses                 | -                      | 20,130,240,727         |
| Employee training expense                   | 558,307,812            | -                      |
| Catalyst chemicals                          | 1,556,423,768          | 23,398,011,981         |
| Other long-term prepaid expenses            | 6,413,579,280          | 8,988,058,148          |
|   | 8,528,310,860          | 99,029,486,610         |

(\*) The Company's goodwill represents the value of goodwill arising from the determination of enterprise value for the purpose of equitization. Such goodwill is recognized in profit or loss within 3 years from the year in which the Company officially started operating as a joint stock company. The amount recognized as expense for the year was VND 46,513,175,754.

Form B09-DN/HN

**NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS** 

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

|  | Buildings and structures | Machinery and<br>equipment<br>VND    | Motor<br>vehicles and<br>transmission<br>equipment<br>VND | Office<br>equipment<br>VND | Others         | Total              |
|--|--------------------------|--------------------------------------|---|----------------------------|----------------|--------------------|
| COST                                   |                          |                                      |   |                            |                |                    |
| Opening balance                        | 3,374,394,301,307        | 10,313,630,444,234                   | 58,678,893,124  | 56,377,936,721             | 58,688,591,244 | 13,861,770,166,630 |
| Transfer from construction in progress | 17,402,780,362           | 15,943,959,478                       | 882,002,616   |                            | -              | 34,228,742,456     |
| Purchases                              | 358,448,339              | 25,372,751,018                       | 2,386,938,539   | 6,996,498,148              | 70,000,000     | 35,184,636,044     |
| Reclassification                       | ı                        | 2,682,631,200                        | 1   | (2,682,631,200)            | ı              | ı                  |
| Closing balance                        | 3,392,155,530,008        | 3,392,155,530,008 10,357,629,785,930 | 61,947,834,279  | 60,691,803,669             | 58,758,591,244 | 13,931,183,545,130 |
| ACCUMULATED DEPRECIATION               | NOI                      |                                      |   |                            |                |                    |
| Opening balance                        | 1,347,501,159,723        | 3,739,610,912,891                    | 35,171,639,014  | 31,165,426,176             | 16,353,843,431 | 5,169,802,981,235  |
| Charge for the year                    | 301,520,507,502          | 971,389,646,514                      | 9,225,147,503   | 9,080,016,074              | 581,623,497    | 1,291,796,941,090  |
| Closing balance                        | 1,649,021,667,225        | 4,711,000,559,405                    | 44,396,786,517  | 40,245,442,250             | 16,935,466,928 | 6,461,599,922,325  |
| NET BOOK VALUE                         |                          |                                      |   |                            |                |                    |
| Closing balance                        | 1,743,133,862,783        | 5,646,629,226,525                    | 17,551,047,762  | 20,446,361,419             | 41,823,124,316 | 7,469,583,622,805  |
| Opening balance                        | 2,026,893,141,584        | 6,574,019,531,343                    | 23,507,254,110  | 25,212,510,545             | 42,334,747,813 | 8,691,967,185,395  |

As stated further in Note 20, PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company (the Holding Company) has pledged the entire fixed assets formed from Camau Fertilizer Plant Project which have the carrying value of VND 7,127,915,909,028 as at 31 December 2017 (as at 31 December 2016: VND 8,346,611,298,925) to secure bank loans.

As stated in Note 20, PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the subsidiary) has pledged the entire fixed assets formed from Bac Lieu Packaging Production Plant Project and the fixed assets formed from granted loans with the total carrying amount of VND 73,279,224,370 as at 31 December 2017 (as at 31 December 2016: VND 49,061,353,253) to secure bank loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Bac Lieu branch.

t of the Company's tangible fixed assets as at 31 December 2017 includes VND 121,669,759,949 (as at 31 December 2016: VND 88,868,489,549) assets which have been fully depreciated but are still in use.

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

# **INCREASES, DECREASES IN INTANGIBLE ASSETS**

|                     | Land use rights<br>VND | Copyright,<br>patents<br>VND | Computer<br>software<br>VND | Total<br>VND     |
|---------------------|------------------------|------------------------------|-----------------------------|------------------|
| COST                |                        |                              |                             |                  |
| Opening balance     | 33,333,655,327         | 32,189,954,173               | 30,348,857,168              | 95,872,466,668   |
| Additions           | -                      | 293,512,000                  | 747,155,000                 | 1,040,667,000    |
| Other decrease (i)  | (11,138,769,760)       | _                            | -                           | (11,138,769,760) |
| Closing balance     | 22,194,885,567         | 32,483,466,173               | 31,096,012,168              | 85,774,363,908   |
| ACCUMULATED AMORTIS | ATION                  | -                            |                             |                  |
| Opening balance     | 3,778,161,865          | 13,824,183,167               | 15,829,840,918              | 33,432,185,950   |
| Charge for the year | 1,487,400,597          | 10,753,359,328               | 9,693,158,787               | 21,933,918,712   |
| Other decrease (i)  | (1,551,616,728)        | _                            | _                           | (1,551,616,728)  |
| Closing balance     | 3,713,945,734          | 24,577,542,495               | 25,522,999,705              | 53,814,487,934   |
| NET BOOK VALUE      | -                      | -                            |                             |                  |
| Closing balance     | 18,480,939,833         | 7,905,923,678                | 5,573,012,463               | 31,959,875,974   |
| Opening balance     | 29,555,493,462         | 18,365,771,006               | 14,519,016,250              | 62,440,280,718   |

According to Decision No. 70/QD-UBND dated 30 May 2017 of the Ca Mau Provincial People's Committee and Official Letter No. 1720/TB-CT dated 16 June 2017 of the Ca Mau Tax Department on approval of land price for the Project of construction of housing area for employees of PetroVietnam Ca Mau Fertilizer Joint Stock Company, the approved value of land use rights with the term of 20 years is VND 21,920,834,360. The Company has adjusted its land use rights and corresponding amortisation charges into its separate financial statements for this year.

The cost of the Company's intangible assets as at 31 December 2017 includes VND 16,268,335,312 (as at 31 December 2016: VND 770,105,114) of intangible assets which have been fully amortised but are still in use.

# **CONSTRUCTION IN PROGRESS**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| - Complex fertilizer production lines from melted Ure | 59,991,150,644         | 27,028,312,486         |
| - Public housing area clearance cost                  | 19,217,326,485         | 19,217,326,485         |
| - Improvement for sieving of grain size               | 9,466,711,521          | 2,768,240,076          |
| - Repair and renovation of houses phase 3             | 5,832,841,102          | -                      |
| - CCTV system phase 2                                 | 4,295,997,851          | 3,434,800,673          |
| - Bac Lieu Fertilizer Plant                           | -                      | 25,511,944,151         |
| - Others  | 5,642,493,426          | 1,236,213,475          |
|   | 104,446,521,029        | 79,196,837,346         |



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### **SHORT-TERM TRADE PAYABLES**

VND

|   | Closing         | balance                    | Opening         | balance                    |
|---|-----------------|----------------------------|-----------------|----------------------------|
|   | Amount          | Amount able to be paid off | Amount          | Amount able to be paid off |
| Short-term trade payables   |                 |                            |                 |                            |
| Vietnam Oil and Gas Group (*)   | 198,267,385,610 | 198,267,385,610            | 494,320,135,459 | 494,320,135,459            |
| PetroVietnam Power Corporation  | 33,178,356,253  | 33,178,356,253             | 33,178,233,697  | 33,178,233,697             |
| Tri Viet Trading Engineering Company<br>Limited                         | 17,521,782,922  | 17,521,782,922             | 1,804,871,343   | 1,804,871,343              |
| F.A Joint Stock Company   | 16,751,956,855  | 16,751,956,855             | -               | -                          |
| Sun Life Vietnam Insurance Company<br>Limited                           | 12,224,099,267  | 12,224,099,267             | -               | -                          |
| Others  | 159,596,598,813 | 159,596,598,813            | 159,102,347,770 | 159,102,347,770            |
|   | 437,540,179,720 | 437,540,179,720            | 688,405,588,269 | 688,405,588,269            |
| <b>Trade payables to related parties</b> (details presented in Note 36) | 250,752,258,961 | 250,752,258,961            | 547,884,668,383 | 547,884,668,383            |

(\*) Payable to Vietnam Oil and Gas Group mainly represents the amount payable by the Company to purchase natural gas of Block PM3 CAA and Block 46-Cai Nuoc under Contract Annex No. 04 dated 17 November 2014 amending Gas Purchases & Sales Contract No. 3918/HD-DKVN dated 23 May 2012 between the Company and the Holding Company - Vietnam Oil and Gas Group.

# **SHORT-TERM ADVANCES FROM CUSTOMERS**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Tuong Nguyen Import & Export Trading and Services Co., Ltd. | 14,503,050,000         | 5,381,802,353          |
| Dang Lan Service Trade Company Limited                      | 8,810,500,000          | -                      |
| Nguyen Khoa Trading., Ltd.                                  | 7,352,499,999          | 4,017,834,899          |
| Huu Nghi Company Limited                                    | 6,261,232,500          | 422,410,833            |
| Five Star International Fertilizer Cambodia Co., LTD        | 5,857,720,000          | 347,756,433            |
| Hung Thanh Agricultural Materials Company Limited           | 5,477,842,360          | -                      |
| Tuong Dung Private Enterprise                               | 5,273,000,000          | 1,971,087,800          |
| The Man Single Member Limited Liability Company             | 3,404,358,900          | 4,584,358,900          |
| Hung Thanh Private Enterprise                               | 432,286,240            | 3,023,291,970          |
| Thai Son Trading and Services Co., Ltd.                     | 330,000,000            | 974,646,000            |
| Dang Lan Private Enterprise                                 | _                      | 11,259,334,800         |
| Duy Thanh Co., Ltd.   | -                      | 992,381,200            |
| Other customers   | 25,827,616,523         | 32,468,416,354         |
|   | 83,530,106,522         | 64,450,940,342         |

Form B09-DN/HN

# **NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### TAXES AND AMOUNTS RECEIVABLE FROM/PAYABLE TO THE STATE BUDGET

VND

|                      | 0                  | Mov            | vement in the  | year           | Cl                 |
|----------------------|--------------------|----------------|----------------|----------------|--------------------|
| Items                | Opening<br>balance | Amount payable | Amount net-off | Amount<br>paid | Closing<br>balance |
| a) Receivables       |                    |                |                |                |                    |
| Value added tax      | 157,422,454        | 18,597,814,884 | 14,251,817,149 | 4,277,740,992  | 89,165,711         |
| Corporate income tax | 2,792,529,557      | 2,792,529,557  | -              | -              | -                  |
| Land rental fee      | 397,346,605        | 264,435,222    | -              | 264,435,222    | 397,346,605        |
|                      | 3,347,298,616      | 21,654,779,663 | 14,251,817,149 | 4,542,176,214  | 486,512,316        |
| b) Payables          |                    |                |                |                |                    |
| Value added tax      | 1,053,239,200      | 16,152,118,990 | 11,776,614,628 | 5,133,682,374  | 295,061,188        |
| Import duty          | -                  | 8,455,024,522  | -              | 8,455,024,522  | -                  |
| Personal income tax  | 311,619,722        | 38,095,719,409 | -              | 26,829,335,955 | 11,578,003,176     |
| Personal income tax  | 91,600,340         | 1,199,899,740  | -              | 1,158,103,620  | 133,396,460        |
| Other taxes          | 1,918,415,360      | 26,649,557,039 | -              | 25,015,317,354 | 3,552,655,045      |
| Personal income tax  | 1,309,097,587      | 23,904,285,150 | -              | 21,774,980,362 | 3,438,402,375      |
| Other taxes          | 609,317,773        | 2,745,271,889  | -              | 3,240,336,992  | 114,252,670        |
|                      | 3,374,874,622      | 90,552,319,700 | 11,776,614,628 | 66,591,463,825 | 15,559,115,869     |

# **SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES**

|  | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Personal income tax  | 64,274,035,669         | 58,538,290,059         |
| Trade discount   | 45,183,361,668         | -                      |
| Estimated gas payable for the year ended 31December 2017 (i)               | 479,181,172,915        | =                      |
| Guarantee fees   | 4,370,452,035          | 3,948,609,528          |
| Goods purchase expenses and others   | 17,275,356,797         | 5,388,759,449          |
|  | 610,284,379,084        | 67,875,659,036         |
| Accrued expenses payable to related parties (details presented in Note 36) | 479,181,172,915        | -                      |

Estimated gas payable to Vietnam Oil and Gas Group for the year ended 31 December 2017 was determined and adjusted by the Company at the temporarily settled price in 2017 of USD 3.038/million BTU based on Decision No. 1245/QD-DKVN dated 01 March 2018 of the Chief Executive Officer of Vietnam Oil and Gas Group.



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### 18. **OTHER PAYABLES**

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| a) Other short-term payables  |                        |                        |
| Camau Gas - Power - Fertilizer Project Management Unit  | 55,851,413,429         | 75,571,633,412         |
| - Input VAT for purchasing gas in the construction period before official commercial operations | 49,897,065,571         | 69,617,285,554         |
| - Other payables  | 5,954,347,858          | 5,954,347,858          |
| Payables to Vietnam Oil and Gas Group   | 152,890,357,958        | 152,448,336,377        |
| - Completed "Camau Fertilizer Production Plant" Project handed over (i)                         | 78,515,027,920         | 78,515,027,920         |
| - Profit payable (ii)   | 40,732,029,647         | 40,732,029,647         |
| - 2014 CIT overpayment  | 32,381,736,667         | 32,381,736,667         |
| - Corporate income tax payable in the period from 01/01/2015 to 14/01/2015                      | 1,176,849,040          | 1,176,849,040          |
| - Payable for equitization  | 247,500,000            | 247,500,000            |
| - Other payables  | (162,785,316)          | (604,806,897)          |
| Safety reward fund (iii)  | 2,155,892,699          | 968,785,241            |
| Trade union fee   | 1,271,810,485          | 884,990,682            |
| Short-term deposits and mortgages received  | 571,366,000            | 2,184,282,500          |
| Other short-term payables   | 8,396,633,061          | 15,972,822,772         |
|   | 221,137,473,632        | 248,030,850,984        |
| b) Other long-term payables   |                        |                        |
| Payable to the State budget for land use rights handed over                                     | -                      | 1,055,667,075          |
|   | -                      | 1,055,667,075          |
| Other payables to related parties<br>(details presented in Note 36)                             | 208,741,771,387        | 228,019,969,789        |

- According to Decision No. 1989/QD-DKVN dated 25 March 2014 issued by the Members' Council of Vietnam Oil and Gas Group on approval of final accounts of the completed Camau Fertilizer Production Plant project, the Company took over fixed assets and current assets of Camau Fertilizer Plant according to the finalized value. The Company temporarily recognized the difference between the handed over value and the charter capital and received loans as a payable to Vietnam Oil and Gas Group. The payable balance will be adjusted when the Company performed capital finalization with the Group.
- Represent carried-forward effects on profit payable to Vietnam Oil and Gas Group due to adjustments to the consolidated financial statements for the period from 01 January 2014 to 14 January 2015 based on recommendations of the State Auditor. The profit payable balance will be adjusted when the Company performs finalization regarding the State capital portion with Vietnam Oil and Gas Group.
- The Company made appropriation to safety reward fund under Official Letter No. 3514/LDTBXH-LDTL dated 16 September 2013 issued by the Ministry of Labour-Invalids and Social Affairs regarding safety reward in order to pay beneficiaries who are workers and staff of Camau Fertilizer Production Plant.

Form B09-DN/HN

# **NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

| Items  | Opening balance   | balance                       | In the year   | year              | Closing           | Closing balance               |
|--|-------------------|-------------------------------|---|-------------------|-------------------|-------------------------------|
|  | Amount            | Amount able to<br>be paid off | Increase  | Decrease          | Amount            | Amount able to<br>be paid off |
| Short-term loans (i)                           | 1                 | 1                             | 119,039,671,765   | 115,430,649,165   | 3,609,022,600     | 3,609,022,600                 |
| Current portion of longterm<br>loans (Note 20) | 1,359,162,384,314 | 1,359,162,384,314             | 1,359,162,384,314 1,244,165,002,820                                     | 1,544,558,422,813 | 1,058,768,964,321 | 1,058,768,964,321             |
|  | 1,359,162,384,314 | 1,359,162,384,314             | 1,359,162,384,314 1,363,204,674,585 1,659,989,071,978 1,062,377,986,921 | 1,659,989,071,978 | 1,062,377,986,921 | 1,062,377,986,921             |

Present the short-term loans of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the Company's subsidiary) from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Bac Lieu Branch in the loan terms of no more than 3 months to supplement working capital for black urea and package production and trading. The loans are not secured and bear interest at the base rate plus the required margin, but no less than the interest rate floor set by the lender.

19.

SHORT-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES

 $\equiv$ 



# **LONG-TERM LOANS AND OBLIGATIONS UNDER FINANCE LEASES**

Form B09-DN/HN

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

| Items   | Opening balance                     | balance                       | In the period  | period                           | Closing                             | Closing balance               |
|---|-------------------------------------|-------------------------------|----------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|
|   | Amount                              | Amount able<br>to be paid off | Increase       | Decrease                         | Amount                              | Amount able<br>to be paid off |
| Long-term loans   |                                     |                               |                |                                  |                                     |                               |
| BNP Parisbas Bank, Credit Agricole Bank,<br>Export - Import Bank of China (i)     | 3,498,110,000,000 3,498,110,000,000 | 3,498,110,000,000             | ı              | 506,330,000,000                  | 2,991,780,000,000 2,991,780,000,000 | 2,991,780,000,000             |
| Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (ii)                   | 1,931,852,620,271 1,931,852,620,271 | 1,931,852,620,271             | 1              | 365,645,769,166                  | 1,566,206,851,105 1,566,206,851,105 | 1,566,206,851,105             |
| Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank<br>- Can Tho Branch (iii)              | 373,560,934,469                     | 373,560,934,469               | I              | 344,888,736,461                  | 28,672,198,008                      | 28,672,198,008                |
| National Commercial Joint Stock Bank -<br>Sai Gon Branch (iv)                     | 58,333,000,000                      | 58,333,000,000                | 1              | 17,237,097,193                   | 41,095,902,807                      | 41,095,902,807                |
| Saigon – Hanoi Commercial Joint Stock Bank<br>(v)                                 | ı                                   | ı                             | 67,992,690,692 | ı                                | 67,992,690,692                      | 67,992,690,692                |
| Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Bac Lieu Branch (vi) | 35,685,984,614                      | 35,685,984,614                | 11,277,678,294 | 10,063,400,000                   | 36,900,262,908                      | 36,900,262,908                |
| Total   | 5,897,542,539,354 5,897,542,539,354 | 5,897,542,539,354             | 79,270,368,986 | 79,270,368,986 1,244,165,002,820 | 4,732,647,905,520 4,732,647,905,520 | 4,732,647,905,520             |
| In which:   |                                     |                               |                |                                  |                                     |                               |
| Amount due for settlement within 12 months  | 1,359,162,384,314                   |                               |                |                                  | 1,058,768,964,321                   |                               |
| Amount due for settlement after 12 months   | 4,538,380,155,040                   |                               |                |                                  | 3,673,878,941,199                   |                               |
|   |                                     |                               |                |                                  |                                     |                               |

and Gas Vietnam Oil a Borrower (exc Chief Executive Officer of 's, duties and rights of the E According to Decisions

the p 15 S 120 BNP <u>ن</u>ە. of banks, group nam Oil and Gas Group as the borrowe loan is to invest in "Camau Fertilizer The interest rate is 6-month LIBOR for with \ se of 1 purpose of on 25 July 2 loan interest is ina an USD 🤅

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

- This is the loan obtained from the Group under State Investment Credit Agreement No. HDTDDT-CM/PV-VIETINBANK2009 dated 25 September 2009 between Vietnam Oil and Gas Group (the borrower) and Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (Vietinbank the lender) in order to finance Camau Fertilizer Plant project. The loan term is 120 months from the first disbursement date; in which the grace period is 30 months from the first disbursement date, the principal repayment period is 90 months from the end of the grace period. The interest rate (calculated on the outstanding balance for due term) is the USD 6-month saving deposit interest paid in arrears of Vietinbank plus (+) 2.5% per annum; the interest rate is adjusted once every 6 months from the first withdrawal date. The overdue interest rate equals the interest rate for due term plus 1% per annum. The loan interest is paid once every 3 months. As at 31 December 2017, the outstanding principal balance is USD 69,102,442 (as at 31 December 2016: USD 85,047,442).
- This is the loan under Credit Agreement No. 235/HDW-PVB-CNCT dated 31 October 2014 between the Company and Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank Can Tho Branch with the credit limit of USD 48,071,638.74 in order to restructure the loan that is used to finance Camau Fertilizer Plant project according to State Investment Credit Agreement No. 01/2010/HDTDDT-NHPT dated 17 June 2010 between the Group and Vietnam Development Bank. The maximum loan term is 38 months from the first disbursement date. Loan interest rate is determined by reference interest plus margin interest (3.15% per annum and fixed during the loan term) on specified date and this interest rate does not exceed 5% at any time of the loan term. The applicable interest rate for the first year is 4% per annum. Interest will be paid monthly on the first day of the month.

Vietnam Oil and Gas Group and the Company have pledged fixed assets including buildings and structures, machinery, equipment of Camau Fertilizer Plant to secure the loans above.

- (iv) This is the loan under Credit Agreement No. 197/16/HDCV/101 dated 10 June 2016 between National Commercial Joint Stock Bank ("NCB") Sai Gon Branch and the Company with the credit limit of VND 105,200,000,000, for the purpose of recovering investment capital and investing in the construction Project of "Packed Ure Warehouse with the capacity of 10,000 tons at Camau Fertilizer Plant". The loan term is 36 months from the first disbursement date. The lending interest rate is determined by the average deposit interest rate for individuals with 12-month maturity period and interests paid in arrears of five (05) banks: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam, Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development, Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade of Vietnam and NCB at the time of adjusting lending interest rate plus (+) a margin of 2% per annum.
- (v) This is the loan under the Credit Agreement No. 559/2017/HDTDH-PN/SHB.110100 dated 8 November 2017 between Saigon Hanoi Commercial Joint Stock Bank ("SHB") and the Company with the credit limit of VND 615,700,000,000, for the purpose of investing in the construction project of Composite Fertilizer Production from melted Urea" with the capacity of 300,000 tons/year. The loan term is 60 months from the first disbursement date. The loan bears an interest rate of 7.5% per annum for the first 12 months from the first disbursement, and then the interest rate is adjusted every 3 months with the adjusted interest rate determined by the average deposit interest rate for individuals with 12-month maturity period and interests paid in arrears with banks: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam, Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade and SHB at the time of adjusting lending interest rate plus (+) a margin of 1.7% per annum.
- (vi) This is the long-term loan of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the Company's subsidiary PPC) obtained from Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade Bac Lieu Branch under credit agreements with the terms from 3 years to 7 years to sponsor for investment, procurement and construction of fixed assets. These loans are secured by assets formed from the loan. The loan bears floating rates that are adjusted over time.

**50.** 

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

Long-term loans are repayable as follows:

|  | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Within one year  | 1,058,768,964,321      | 1,359,162,384,314      |
| In the second year   | 1,009,195,191,309      | 1,043,072,350,155      |
| In the third to fifth year   | 2,130,354,352,273      | 2,487,831,321,897      |
| After five years   | 534,329,397,617        | 1,007,476,482,988      |
|  | 4,732,647,905,520      | 5,897,542,539,354      |
| Less: Amount due for settlement within 12 months (presented in short-term loans) | 1,058,768,964,321      | 1,359,162,384,314      |
| Amount due for settlement after 12 months  | 3,673,878,941,199      | 4,538,380,155,040      |

### SCIENTIFIC AND TECHNOLOGICAL DEVELOPMENT FUND 21.

|                                  | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|----------------------------------|---------------------|-------------------|
| Opening balance                  | 41,572,332,229      | 35,127,224,702    |
| Fund established in the year (i) | 72,825,537,606      | 15,000,000,000    |
| Fund used in the year            | (10,960,352,544)    | (8,554,892,473)   |
| Closing balance                  | 103,437,517,291     | 41,572,332,229    |

The scientific and technological development fund is appropriated in the year at the rate of 10% of the Company's taxable profit according to the Resolution No. 86/NQ-PVCFC dated 20 January 2018 of the Company's General Shareholders.

Form B09-DN/HN

# **NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

Movement in Owners' equity

**OWNERS' EQUITY** 

|  | Owners'<br>contributed<br>capital | Investment and<br>development<br>fund | Retained earnings | Non-controlling<br>interest | Total             |
|--|-----------------------------------|---------------------------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------|
| Opening balance                                      | 5,294,000,000,000                 | 372,637,865,219                       | 543,413,599,711   | 23,141,314,690              | 6,233,192,779,620 |
| Profit for the year                                  | 1                                 | -                                     | 619,831,354,510   | 4,508,467,538               | 624,339,822,048   |
| Appropriation to investment and development fund     | ı                                 | 75,000,693,487                        | (75,000,693,487)  | ı                           | ı                 |
| Appropriation to bonus and welfare funds             | 1                                 | ı                                     | (84,675,722,036)  | (758,971,212)               | (84,675,722,036)  |
| Payment for equitization                             | 1                                 | (286,574,832,277)                     |                   | -                           | (286,574,832,277) |
| Dividend paid  | 1                                 | 1                                     | (635,280,000,000) | -                           | (635,280,000,000) |
| Opening balance                                      | 5,294,000,000,000                 | 161,063,726,429                       | 368,288,538,698   | 26,890,811,016              | 5,850,243,076,143 |
| Profit for the year                                  | 1                                 |                                       | 644,126,900,730   | 3,497,683,527               | 647,624,584,257   |
| Appropriation to investment and development fund (i) | 1                                 | 77,671,807,574                        | (77,671,807,574)  | ı                           | •                 |
| Appropriation to bonus and welfare funds (i)         | ı                                 | ı                                     | (69,392,041,452)  | (1,007,784,827)             | (70,399,826,279)  |
| Dividend paid  | 1                                 | 1                                     | (270,947,875,000) | (2,997,936,000)             | (273,945,811,000) |
| Closing balance                                      | 5,294,000,000,000                 | 238,735,534,003                       | 594,403,715,402   | 26,382,773,716              | 6,153,522,023,121 |
|  |                                   |                                       |                   |                             |                   |

amounts distributed to the Investment and Development Fund and the Bonus and Welfare Funds of the Resolution of the General Shareholders of the Company and the subsidiary.

22.  $\equiv$ 



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### Shares

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Number of shares issued to the public       |                        |                        |
| +) Ordinary shares                          | 529,400,000            | 529,400,000            |
| Number of outstanding shares in circulation |                        |                        |
| +) Ordinary shares                          | 529,400,000            | 529,400,000            |

An ordinary share has par value of VND 10,000.

# Charter capital

The charter capital of the Company is VND 5,294,000,000,000. As at 31 December 2017, the charter capital has been fully contributed by shareholders, as follows:

| Shareholders              | Per Corporate Regi<br>Certificate | Per Corporate Registration<br>Certificate |                   |
|---------------------------|-----------------------------------|---|-------------------|
|                           | VND                               | %   | VND               |
| Vietnam Oil and Gas Group | 4,000,230,570,000                 | 75.56%                                    | 4,000,230,570,000 |
| Other shareholders        | 1,293,769,430,000                 | 24.44%                                    | 1,293,769,430,000 |
|                           | 5,294,000,000,000                 | 100%                                      | 5,294,000,000,000 |

# Dividends

According to Resolution No. 714/NQ-DHDCD dated 21 April 2017, the Company's General Shareholders decided to pay dividend in 2017 at the rate of 9% of charter capital, equivalent to the amount of VND 476,460,000,000, in which the amount of VND 211,760,000,000 was temporarily paid in 2016 and the remaining amount of VND 264,700,000,000 was paid in 2017.

According to Resolution No. 01/NQ-DHCD dated 19 April 2017, General Shareholders of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the subsidiary) decided to pay dividend from 2016 profit at the rate of 15% of charter capital.

# Non-controlling interests

Non-controlling interests represent other shareholders' proportion of net assets and operation result of the subsidiary. Non-controlling interest ratio in the subsidiary is determined as follows:

|   | Amount<br>VND  |
|---|----------------|
| Charter capital of the subsidiary                   | 40,812,490,000 |
| Including:  |                |
| Contributed capital of the Company                  | 20,826,250,000 |
| Contributed capital of non-controlling shareholders | 19,986,240,000 |
| Non-controlling interest ratio                      | 48.97%         |

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

Non-controlling interests are equal to net assets at the balance sheet date as follows:

|                         | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Total assets            | 59,634,016,965         | 57,026,342,620         |
| Total liabilities       | (33,251,243,249)       | (30,135,531,604)       |
| Net assets              | 26,382,773,716         | 26,890,811,016         |
| Details are as follows: |                        |                        |
| Charter capital         | 19,986,240,000         | 19,986,240,000         |
| Other funds             | 2,750,463,799          | 1,848,770,291          |
| Retained earnings       | 3,646,069,917          | 5,055,800,725          |

### **OFF-BALANCE SHEET ITEMS**

|                    | Closing balance | Opening balance |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| Foreign currencies |                 |                 |
| USD                | 1,756,770       | 3,052,136       |
| EUR                | 1,279.9         | 1,280.3         |

# **BUSINESS AND GEOGRAPHICAL SEGMENTS**

The Company's principal activities are manufacturing and trading fertilizers and packages used in agriculture. The revenue for the year 2017 and the assets as at 31 December 2017 of the Company's package manufacturing and trading are about VND 16 billion and VND 64 billion respectively, accounting for a negligible proportion in total revenue from goods sold and service rendered and total assets of the Company. Accordingly, the financial information presented in the consolidated balance sheet as at 31 December 2017 and all revenue and expenses presented in the consolidated income statement for the year ended 31 December 2017 are mainly related to manufacturing and trading of fertilizers. Revenue and cost of sales per each goods item and business activity are presented in Note 25 and Note 26.

The Company carries out the distribution of fertilizer products primarily in the Southwest, Southeast and Central Highlands markets. During the year, the Company exported Camau fertilizer products to Cambodia with revenue of about VND 610 billion (export turnover in the year ended 31 December 2016 was about VND 411 billion) - accounting for negligible proportion of gross revenue from goods sold and services rendered of the Company. Thus, almost the entire production and business activities of the Company are carried out in the territory of Vietnam.



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### **REVENUE** 25.

|   | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|---|---------------------|-------------------|
| Sales of ure  | 4,999,047,570,773   | 4,469,266,949,185 |
| - Domestic sales  | 4,388,871,445,500   | 4,057,791,404,100 |
| - Export  | 610,176,125,273     | 411,475,545,085   |
| Sales of Amoniac  | 110,293,496,898     | 92,613,549,214    |
| Sales of fertilizers and packages                                     | 614,294,425,537     | 391,586,922,283   |
| Sales of commercial waste and other fertilizers                       | 107,961,593,000     | 18,113,256,608    |
| Revenue from other services rendered                                  | 1,376,242,600       | 168,266,364       |
|   | 5,832,973,328,808   | 4,971,748,943,654 |
| Sales deduction   |                     |                   |
| Sales discounts   | 81,433,529,150      | 61,077,760,352    |
| Sales rebates   | -                   | 500,500,000       |
| Returned goods  | 3,784,830,000       | -                 |
|   | 85,218,359,150      | 61,578,260,352    |
| Sales in the year with related parties (details presented in Note 36) | 1,445,466,159       | 1,860,000,000     |

# **COST OF SALES**

|  | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|--|---------------------|-------------------|
| Cost of Ure sold                                   | 3,728,052,146,680   | 3,180,817,736,403 |
| Cost of Amoniac sold                               | 64,396,640,284      | 71,536,461,448    |
| Cost of fertilizers and packages sold              | 553,475,182,563     | 342,361,322,218   |
| (Reverse)/Provision for devaluation of inventories | (1,505,064,148)     | 792,216,475       |
| Cost of other fertilizer products                  | 22,033,613,709      | -                 |
|  | 4,366,452,519,088   | 3,595,507,736,544 |

### 27. **PRODUCTION COST BY NATURE**

|                               | Current year<br>VND | Prior year<br>(restated)<br>VND |
|-------------------------------|---------------------|---------------------------------|
| Raw materials and consumables | 2,066,733,718,432   | 1,368,769,462,360               |
| Labours                       | 374,461,962,030     | 351,319,527,452                 |
| Depreciation and amortisation | 1,309,000,550,484   | 1,292,036,751,160               |
| Out-sourced services          | 402,847,162,476     | 439,332,365,733                 |
| Other monetary expenses       | 322,764,390,689     | 211,036,164,762                 |
|                               | 4,475,807,784,111   | 3,662,494,271,467               |

Prior year's production cost by nature was restated by the Company to be comparative with current year's figures.

Form B09-DN/HN

# **NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

# **FINANCIAL INCOME**

|                       | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|-----------------------|---------------------|-------------------|
| Bank deposit interest | 156,693,296,475     | 155,766,178,207   |
| Foreign exchange gain | 12,069,440,213      | 125,585,828,681   |
|                       | 168,762,736,688     | 281,352,006,888   |

# FINANCIAL EXPENSES

|                          | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|--------------------------|---------------------|-------------------|
| Interest expense         | 182,986,530,390     | 206,622,388,743   |
| Foreign exchange loss    | 7,374,742,535       | 211,446,671,982   |
| Guarantee fee            | 12,413,685,633      | 14,539,142,286    |
| Other financial expenses | 113,825,000         | 111,275,000       |
|                          | 202,888,783,558     | 432,719,478,011   |

# **SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATION EXPENSES**

|   | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|---|---------------------|-------------------|
| Selling expenses                                      |                     |                   |
| Selling staff expenses                                | 25,097,520,045      | 16,823,408,299    |
| Transport, loading and storage expenses               | 157,177,036,813     | 116,952,914,055   |
| Depreciation and amortisation expenses                | 265,246,584         | -                 |
| Advertising and communication expenses                | 76,718,217,151      | 43,308,612,978    |
| Social welfare security expenses                      | 30,950,546,500      | 42,307,639,338    |
| Other selling expenses                                | 43,391,738,192      | 56,440,436,567    |
|   | 333,600,305,285     | 275,833,011,237   |
| General and administration expenses                   |                     |                   |
| Administrative staff expenses                         | 82,530,006,594      | 66,542,584,989    |
| Management fee payable to Vietnam Oil and Gas Group   | 28,435,849,993      | 22,689,734,166    |
| Depreciation and amortization expenses                | 28,611,435,573      | 27,322,966,531    |
| Provision for science and technology development fund | 72,825,537,606      | 15,000,000,000    |
| Goodwill  | 46,513,175,754      | 46,513,175,754    |
| Other general and administration expenses             | 78,434,863,438      | 76,685,368,887    |
|   | 337,350,868,958     | 254,753,830,327   |



Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### 31. OTHER INCOME AND OTHER EXPENSES

|                               | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|-------------------------------|---------------------|-------------------|
| Other income                  |                     |                   |
| Over-counted inventory        | - 1                 | 23,214,404,415    |
| Penalty for breach of contact | 1,183,948,236       | 407,646,593       |
| Other income                  | 1,998,448,487       | 2,587,740,109     |
|                               | 3,182,396,723       | 26,209,791,117    |
| Other expenses                |                     |                   |
| Other expenses                | 82,492,494          | 27,031,577        |
|                               | 82,492,494          | 27,031,577        |
| Other profit                  | 3,099,904,229       | 26,182,759,540    |

# 32. CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSE

|   | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|---|---------------------|-------------------|
| Corporate income tax from production of ure (*)       | 35,402,843,618      | 33,113,858,381    |
| Corporate income tax from production of packages (**) | 1,439,584,609       | 1,084,636,971     |
| Corporate income tax from other activities            | 4,039,700,739       | 353,076,211       |
|   | 40,882,128,966      | 34,551,571,563    |

(\*) According to Official Letter No. 4641/TCT-CS issued by the General Department of Taxation on 02 December 2008 in a reply to Vietnam Oil and Gas Group regarding tax incentives for Camau Fertilizer Plant Project, the Holding Company is entitled to corporate income tax incentives at the rate of 10% for 15 years since the beginning of production and business activities, corporate income tax exemption for 4 years from having taxable profit and 50% reduction in tax payable for the 9 years thereafter. The year 2017 is the second year PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company (the Holding Company) is entitled to 50% reduction in tax payable regarding profit generated by the main operating activities of Camau Fertilizer Production Plant Project.

For operations other than Camau Fertilizer Production Plant Project, the parent Company is obliged to pay corporate income tax at the normal tax rate for taxable profit from other activities.

(\*\*) Corporate income tax of PetroVietnam Packaging Joint Stock Company (the Company's subsidiary - PPC) is applied as follows:

- For packaging activity: according to Decision No. 22/2010/QD-UBND dated 01 September 2010 issued by People's Committee of Bac Lieu province regarding promulgation of regulations and policies on investment encouragement, support and incentives in Bac Lieu province and the first Investment Certificate No. 60221000003 dated 23 June 2013 issued by Bac Lieu Industrial Zones Management Unit. PPC is entitled to tax incentives as follows: preferential tax rate of 20% for 10 years and tax exemption for 2 years from the first year PPC has taxable profit (2012), 50% tax reduction in tax payable for the next 4 years applicable to newly established enterprises of Investment Projects in areas with difficult socio-economic conditions. The year 2017 is the fourth year in which PPC is entitled to 50% tax deduction in tax payable.

- For fertilizer activity: the Company has had no taxable profit yet.

The determination of the tax currently payable is based on the current interpretation of tax regulations. However, these regulations are subject to periodic variation and their ultimate determination depends on the results of the tax authorities' examinations.

Form B09-DN/HN

# NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

### 33. BASIC EARNINGS PER SHARE

|  | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|--|---------------------|-------------------|
| Profit after corporate income tax                                | 637,879,025,730     | 619,831,354,510   |
| - Appropriation to bonus and welfare funds                       | (69,392,041,452)    | (84,675,722,036)  |
| Earnings for the purpose of calculating basic earnings per share | 568,486,984,278     | 535,155,632,474   |
| Weighted average number of ordinary shares                       | 529,400,000         | 529,400,000       |
| Basic earnings per share   | 1,074               | 1,011             |

### 34. CONTINGENT LIABILITIES

For the loan under the ECA Loan Agreement between lending group of BNP Paribas, Export-Import Bank of China and Credit Agricole Bank and the borrower, Vietnam Oil and Gas Group, the General Department of Taxation has not made a final decision on whether the Company is exempt from withholding tax on the interest paid. According to Official Letter No. 1610/TCT-HTQT dated 25 April 2017 of the General Department of Taxation to the Vietnam Oil and Gas Corporation, the General Department of Taxation and Vietnam Oil and Gas Group are in the process of considering and solving problems relating to the application of the Double Taxation Avoidance Agreement on foreign loan contracts, including the abovementioned loan contract. In case the Company is obliged to pay withholding tax, the total withholding tax payable to 31 December 2017 is approximately VND 32 billion. The Board of Directors has decided not to recognize the above-mentioned withholding tax amount in the separate financial statements until the offcial decision of the General Department of Taxation.

# 35. OTHER COMMITMENTS

- ✓ According to Gas Sales Agreement No. 3918/HD-DKVN dated 23 May 2012 between Vietnam Oil and Gas Group and PetroVietnam Camau Fertilizer Company Limitted (currently known as PetroVietnam Camau Fertilizer Joint Stock Company), the Company will purchase natural gas of Block PM3 CAA and Block 46 Cai Nuoc from the Group within 20 years from the official operation date with the output of 457.38 million m³ of standard gas per year.
- ✓ According to Contract Annex No. 04 dated 27 November 2014, gas price in the contract is the price to ensure the efficiency of producing fertilizers of the Holding Company with the average return on equity of 12% per year (excluding VAT and other indirect taxes). Gas price in the contract temporarily calculated to issue invoices and to make monthly payment in the year is the price stated in a document approving the annual business plan released by Vietnam Oil and Gas Group.
- ✓ According to Decision No.615/QD-PVCFC dated 24 March 2016, the Board of Management of PetroVietnam Camau Ferilizer Joint Stock Company (by Holding Company) approved the Feasibility Study Report of the "Project for Composite Fertilizer Production from melted Urea" with the capacity of 300,000 ton/year with total investment including value added tax of VND 879,588,574,880. The expected implementation period of the project is 33 months with the structure of investment capital in which the loans account for 70% and the equity accounts for 30%. As of 31 December 2017, the value of the project was about VND 60 billion.



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

# 36. RELATED PARTIES TRANSACTIONS AND BALANCES

List of related parties with significant transactions and balances for the year:

| Related parties  | Relationship                  |
|--|-------------------------------|
| Vietnam Oil and Gas Group  | Parent Company                |
| Subsidiaries, joint ventures and associates of Vietnam Oil and Gas Group | Entities under the same owner |

Significant related party balances at the balance sheet date were as follows:

|   | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|---|------------------------|------------------------|
| Other short-term receivables  |                        |                        |
| Vietnam Oil and Gas Group   | 276,761,701,091        | 393,555,154,634        |
| Camau Gas - Power - Fertilizer Project Management Unit  | -                      | 19,718,000,000         |
| Accrued interest receivable from Vietnam Public Joint Stock<br>Commercial Bank - Can Tho Branch | -                      | 1,972,777,778          |
|   | 276,761,701,091        | 415,245,932,412        |
| Short-term advances to suppliers  |                        |                        |
| PVD Trading and Technical Services Joint Stock Company  | 15,120,373,378         | -                      |
| PetroVietnam Manpower Training College  | 1,737,289,058          | -                      |
| Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company                                    | 946,853,379            | -                      |
| Vietnam Petroleum Institute   | 114,809,750            | -                      |
|   | 17,919,325,565         | -                      |
| Short-term accrued expenses   |                        |                        |
| Vietnam Oil and Gas Group   | 479,181,172,915        | -                      |
|   | 479,181,172,915        | -                      |
| Other current payables  |                        |                        |
| Camau Gas - Power - Fertilizer Project Management Unit  | 55,851,413,429         | 75,571,633,412         |
| Vietnam Oil and Gas Group   | 152,890,357,958        | 152,448,336,377        |
|   | 208,741,771,387        | 228,019,969,789        |

Form B09-DN/HN

# **NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

|  | Closing balance<br>VND | Opening balance<br>VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Short-term trade payables  |                        |                        |
| Vietnam Oil and Gas Group  | 198,267,385,610        | 494,320,135,459        |
| PetroVietnam Power Corporation   | 33,178,356,253         | 33,178,233,697         |
| PetroVietnam Manpower Training College                                 | 7,876,619,308          | _                      |
| Drilling Mud Corporation   | 3,321,395,000          | -                      |
| Vietnam Petroleum Institute  | 2,744,211,101          | 4,007,466,690          |
| PetroVietnam Security Service Corporation                              | 1,178,774,401          | 3,068,115,764          |
| PetroVietnam Infrastructure and Urban Investment Joint Stock Company   | 964,143,000            | 2,695,512,994          |
| Drilling Mud Corporation - Ho Chi Minh Branch                          | 590,817,871            | -                      |
| South-West PetroVietnam Fertilizer and Chemical Joint Stock Company    | 525,349,414            | -                      |
| PetroVietnam Transportation Vung Tau Joint Stock Company               | 448,935,340            | 2,064,947,000          |
| PVOil Sai Gon JSC.   | 441,005,840            | _                      |
| South-East PetroVietnam Fertilizer and Chemical Joint Stock Company    | 378,690,620            | 326,105,560            |
| Cuu Long Petro Gas Transportation Joint Stock Company - Con Son Branch | 223,121,800            | 188,300,200            |
| Joint venture Vietsovpetro   | 97,500,000             | -                      |
| PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company                     | 75,485,181             | 75,485,181             |
| Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure Co.,Ltd                 | 440,468,222            | 6,073,580,500          |
| PetroVietnam Maintenance and Repair Coporation                         | -                      | 1,886,785,338          |
|  | 250,752,258,961        | 547,884,668,383        |

# During the year, the Company entered into the following significant transactions with its related parties:

|  | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|--|---------------------|-------------------|
| Sales  |                     |                   |
| South-West PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company | 1,445,466,159       | _                 |
| South-East PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company | -                   | 1,860,000,000     |
|  | 1,445,466,159       | 1,860,000,000     |
| Dividend paid  |                     |                   |
| Vietnam Oil and Gas Group  | 200,011,528,500     | 480,027,668,400   |
|  | 200,011,528,500     | 480,027,668,400   |



Form B09-DN/HN

These notes are an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying consolidated financial statements (continued)

|  | Current year<br>VND | Prior year<br>VND |
|--|---------------------|-------------------|
| Purchases  |                     |                   |
| Vietnam Oil and Gas Group  | 1,332,877,974,868   | 832,882,827,148   |
| PetroVietnam Power Corporation   | 236,636,445,862     | 157,120,921,245   |
| PVI South Company  | 50,409,244,621      | 51,055,989,330    |
| PetroVietnam Security Service Corporation                              | 13,020,961,132      | 13,018,149,462    |
| Vietnam Petroleum Institute  | 11,316,760,878      | 9,661,405,451     |
| PetroVietnam Manpower Training College                                 | 10,158,497,601      | 2,438,319,987     |
| PetroVietnam Transportation Vung Tau Joint Stock Company               | 9,653,452,000       | 11,305,896,000    |
| MeKong Petroleum Joint Stock Company                                   | 7,167,018,450       | -                 |
| Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company           | 6,877,491,844       | -                 |
| PVI Insurance Corporation - Camau Branch                               | 6,783,796,315       | 1,791,493,760     |
| Drilling Mud Corporation   | 4,507,835,368       | 680,143,340       |
| Cuu Long Petro Gas Transportation Joint Stock Company - Con Son Branch | 2,114,751,900       | -                 |
| South-East PetroVietnam Fertilizer and Chemical Joint Stock Company    | 2,050,443,973       | -                 |
| PetroVietnam Infrastructure and Urban Investment Joint Stock Company   | 1,839,674,049       | -                 |
| South-West PetroVietnam Fertilizer and Chemical Joint Stock Company    | 1,647,302,207       | _                 |
| Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure Co.,Ltd                 | 1,445,466,159       | 10,490,729,955    |
| Indochina Petroleum Transportation Joint Stock Company                 | 712,406,157         | -                 |
| Joint venture Vietsovpetro   | 97,500,000          | _                 |
| PetroVietnam Central Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company      | -                   | 12,164,542,336    |
| PetroVietnam Maintenance and Repair Joint Stock Company                | -                   | 842,003,431       |
| PetroVietnam Machine and Equipment Joint Stock Company                 | -                   | 611,846,772       |
|  | 1,699,317,023,384   | 1,104,064,268,217 |
| Remuneration paid to the Boards of Management and Directors            | 17,112,987,152      | 11,444,499,720    |

**Dinh Nhat Duong** Preparer **Dinh Nhu Cuong** Chief Accountant **Le Ngoc Minh Tri**Deputy General Director

17 March 2018

CÔNG TY CỔ PHẨN PHẨN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



PETROVIETNAM CA MAU FERTILIZER JOINT STOCK COMPANY (PVCFC)

ADD: Lot D, Ward 1 Industrial Park, Ngo Quyen Street, Ward 1, Ca Mau City, Ca Mau Province TEL: 0290. 381 9000 - FAX: 0290. 359 0501 www.pvcfc.com.vn